

CHƯƠNG PHỤ M – CÁC ĐIỀU KHOẢN CỦA ĐẠO LUẬT SẢN XUẤT THỰC PHẨM HỮU CƠ

PHẦN 205 – CHƯƠNG TRÌNH HỮU CƠ QUỐC GIA

Phần phụ A - Định nghĩa

Mục.

205.1 Nghĩa của từ

205.2 Các thuật ngữ

Phần phụ A – Tính ứng dụng

205.100 Những gì phải được chứng nhận.

205.101 Miễn và từ chối cấp giấy chứng nhận.

205.102 Sử dụng thuật ngữ “hữu cơ” (được sản xuất không sử dụng hoá chất tổng hợp)

205.103 Lưu giữ hồ sơ sổ sách của các hoạt động được chứng nhận.

205.104 [Bảo lưu]

205.105 Các chất cho phép và bị cấm, các phương pháp và thành phần trong sản xuất và xử lý hữu cơ

205.106-205.199 [Bảo lưu]

Phần phụ C – Các yêu cầu sản xuất và xử lý hữu cơ

205.200 Khái quát

205.201 Kế hoạch hệ thống sản xuất và xử lý hữu cơ

205.202 Các yêu cầu về đất

205.203 Tiêu chuẩn thực hành quản lý chất nuôi dưỡng cây trồng và sự màu mỡ của đất

205.204 Tiêu chuẩn thực hành nguồn cung cấp hạt giống và cây trồng

205.205 Tiêu chuẩn thực hành luân canh

205.206 Tiêu chuẩn thực hành quản lý bệnh, cỏ dại và loài gây hại mùa màng

205.207 Tiêu chuẩn thực hành thu hoạch mùa vụ mọc hoang

205.208-205.235 [Bảo lưu]

205.236 Nguồn gốc của vật nuôi

205.237 Thức ăn cho vật nuôi

205.238 Tiêu chuẩn thực hành chăm sóc sức khoẻ vật nuôi

205.239 Điều kiện sống của vật nuôi

205.240-205.269 [Bảo lưu]

205.270 Các yêu cầu xử lý hữu cơ

205.271 Tiêu chuẩn thực hành quản lý loài gây hại đến cơ sở vật chất

205.272 Tiêu chuẩn thực hành phòng ngừa trộn lẫn và tiếp xúc với chất bị cấm

205.273-205.289 [Bảo lưu]

205.290 Những khác biệt tạm thời

205.291-205.299 [Bảo lưu]

Phần phụ D – Nhãn hiệu, dán nhãn và thông tin thị trường

205.300 Sử dụng thuật ngữ “hữu cơ”

205.301 Thành phần cấu tạo của sản phẩm

205.302 Tính toán tỷ lệ các thành phần sản xuất hữu cơ

205.303 Sản phẩm đóng gói ghi nhãn “100% hữu cơ” hoặc “hữu cơ”

205.304 Sản phẩm đóng gói ghi nhãn “được làm bằng hữu cơ (các thành phần hoặc (các) nhóm thực phẩm qui định)

205.305 Sản phẩm đóng gói đa thành phần có dưới 70% thành phần sản xuất hữu cơ

- 205.306 Ghi nhãn thức ăn cho vật nuôi
- 205.307 Ghi nhãn thùng công-ten-nơ không bán lẻ chỉ được dùng cho chuyên chở hoặc lưu giữ nguyên liệu hoặc sản phẩm nông nghiệp đã chế biến được ghi nhãn là “100% hữu cơ” hoặc “hữu cơ” hoặc “được làm bằng hữu cơ” (các thành phần hoặc (các) nhóm thực phẩm qui định).
- 205.308 Các sản phẩm nông nghiệp dưới dạng đóng gói khác tại điểm bán lẻ mà được bán, ghi nhãn hoặc miêu tả là “100% hữu cơ” hoặc “hữu cơ”.
- 205.309 Các sản phẩm nông nghiệp dưới dạng đóng gói khác tại điểm bán lẻ mà được bán, ghi nhãn hoặc miêu tả là “được làm bằng hữu cơ” (các thành phần hoặc (các) nhóm thực phẩm qui định).
- 205.310 Các sản phẩm nông nghiệp được sản xuất bằng hoạt động được miễn hoặc loại trừ.
- 205.311 Dấu niêm phong của USDA
- 205.312-205.399 [Bảo lưu]

Phần phụ E – Cấp giấy chứng nhận

- 205.400 Các yêu cầu chung về cấp giấy chứng nhận
- 205.401 Đơn xin cấp giấy chứng nhận
- 205.402 Xem xét lại đơn xin
- 205.403 Các cuộc kiểm tra tại nơi nuôi trồng
- 205.404 Cấp giấy chứng nhận
- 205.405 Từ chối chứng nhận
- 205.406 Tiếp tục chứng nhận
- 205.407-205.499 [Bảo lưu]

Phần phụ F – Công nhận chính thức của cơ quan đại diện chứng nhận

- 205.500 Các lĩnh vực và thời hạn công nhận chính thức

- 205.501 Các yêu cầu chung về công nhận chính thức
- 205.502 Nộp đơn xin công nhận chính thức
- 205.503 Thông tin về người nộp đơn xin
- 205.504 Bằng chứng về sự thành thạo và khả năng
- 205.505 Bản công bố thỏa thuận
- 205.506 Cấp công nhận chính thức
- 205.507 Từ chối công nhận chính thức
- 205.508 Đánh giá địa điểm
- 205.509 Bảng rà soát của người ngang hàng
- 205.510 Báo cáo thường niên, lưu sổ sách và cấp lại giấy công nhận chính thức
- 205.511-205.599 [Bảo lưu]

Phần phụ G – Hành chính

DANH MỤC CÁC CHẤT CHO PHÉP VÀ BỊ CẤM QUỐC GIA

- 205.600 Tiêu chí đánh giá về các chất cho phép và bị cấm, các phương pháp và thành phần.
- 205.601 Các chất tổng hợp cho phép sử dụng trong sản xuất mùa vụ hữu cơ.
- 205.602 Các chất không tổng hợp bị cấm sử dụng trong sản xuất cây trồng
- 205.603 Các chất tổng hợp được phép sử dụng trong sản xuất vật nuôi.
- 205.604 Các chất không tổng hợp bị cấm sử dụng trong sản xuất vật nuôi.
- 205.605 Các sản phẩm phi nông nghiệp (không hữu cơ) được phép sử dụng như thành phần trong hoặc trên các sản phẩm chế biến được dán nhãn là “hữu cơ” hoặc “được sản xuất với các chất hữu cơ (thành phần hoặc (các) nhóm thực phẩm chỉ rõ)”.
- 205.606 Các sản phẩm phi nông nghiệp được phép sử dụng như thành phần trong hoặc trên các sản phẩm chế biến

được dán nhãn là “hữu cơ” hoặc “được sản xuất với các chất hữu cơ (thành phần hoặc (các) nhóm thực phẩm chỉ rõ)”.

205.607 Sửa đổi bổ sung Danh mục quốc gia.

205.608-205.619 [Bảo lưu]

CÁC CHƯƠNG TRÌNH HỮU QUỐC GIA

205.620 Các yêu cầu của các chương trình hữu cơ của các bang.

205.621 Độ trình và quyết định về đề xuất các Chương trình hữu cơ quốc gia và những sửa đổi đối với các Chương trình hữu cơ đã được chấp thuận của bang.

205.622 Xem xét lại các Chương trình hữu cơ chấp thuận của bang.

205.623-205.639 [Bảo lưu]

LỆ PHÍ

205.640 Lệ phí và các loại phí khác đối với việc công nhận .

205.641 Thanh toán lệ phí và các loại phí khác

205.642 Lệ phí cho việc cấp giấy chứng nhận.

205.643-205.649 [Bảo lưu]

TÍNH CHẤT PHÙ HỢP

205.660 Tổng quát.

205.661 Điều tra các hoạt động được chứng thực

205.662 Thủ tục không phù hợp với các hoạt động được chứng thực

205.663 Điều đình.

205.664 [Bảo lưu]

205.665 Thủ tục không phù hợp đối với các nhân viên chứng thực.

205.666-205.667 [Bảo lưu]

205.668 Các thủ tục không tuân theo trong các Chương trình Hữu cơ Quốc gia.

205.669 [Bảo lưu]

KIỂM TRA VÀ THỬ NGHIỆM, LẬP BÁO CÁO VÀ NGĂN CẤM BÁN

205.670 Kiểm tra và thử nghiệm sản phẩm nông nghiệp được bán hoặc ghi nhãn “hữu cơ”.

205.671 Ngăn cấm bán hữu cơ.

205.672 Điều trị bệnh hoặc loài gây hại khẩn cấp.

205.673-205.679 [Bảo lưu]

QUÁ TRÌNH KÊU GỌI VỀ HÀNH ĐỘNG CÓ HẠI

205.680 Khái quát.

205.681 Kháng cáo.

205.682-205.689 [Bảo lưu]

KHÁC

205.690 Số kiểm soát OMB.

205.691-205.699 [Bảo lưu]

TÀI LIỆU: 7 U.S.C. 6501-6522

NGUỒN: 65 FR 80637, 21/12/2001 trừ khi ghi chép khác.

Phần phụ A - Định nghĩa

205.1 Nghĩa của từ ngữ

Vì mục đích của các qui định trong phần phụ này, các từ dạng số ít phải được hiểu là số nhiều và ngược lại khi ngữ cảnh yêu cầu.

205.2 Các thuật ngữ.

Công nhận chính thức. Bộ trưởng tiến hành xác định việc cho phép đơn vị tư nhân, nước ngoài hoặc nhà nước tiến hành các hoạt động cấp giấy chứng nhận làm cơ quan đại diện chứng nhận trong phần này.

Đạo luật. Đạo luật sản xuất thực phẩm hữu cơ năm 1999, như đã sửa đổi (7 U.S.C. 6501 et seq.).

Mức độ hành động. Giới hạn ở mức hoặc trên mức mà Cơ quan quản lý thuốc và thực phẩm sẽ có hành động pháp lý đối với sản phẩm để loại sản phẩm đó khỏi thị trường. Các mức độ hành động dựa vào tính tất yếu của các chất độc hoặc có hại và không thể hiện các mức độ nhiễm cho phép nếu nó có thể tránh được.

Nhà quản lý. Nhà quản lý Dịch vụ tiếp thị nông nghiệp, Bộ nông nghiệp Mỹ, hoặc đại diện được uỷ quyền hành động thay Người quản lý.

Đầu vào nông nghiệp. Tất cả các chất hoặc nguyên liệu được dùng trong sản xuất hoặc xử lý các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ.

Sản phẩm nông nghiệp. Bất kỳ hàng hoá hoặc sản phẩm nông nghiệp nào, cho dù là thô hoặc đã chế biến, kể cả bất kỳ hàng hoá hoặc sản phẩm phát sinh từ vật nuôi, đều được tiếp thị ở Mỹ cho việc tiêu dùng của con người hoặc vật nuôi.

Dịch vụ tiếp thị nông nghiệp (AMS). Dịch vụ tiếp thị nông nghiệp thuộc Bộ nông nghiệp Mỹ.

Chất tổng hợp cho phép. Chất mà được đưa vào trong Danh mục quốc gia các chất tổng hợp được phép sử dụng trong sản xuất hoặc xử lý hữu cơ.

Thuốc thú y. Bất kỳ loại thuốc nào được định nghĩa trong mục 201 của Đạo luật liên bang về thực phẩm, dược phẩm và mỹ phẩm, như đã sửa đổi (21 U.S.C. 321) có ý định sử dụng cho vật nuôi bao gồm cả bất

kỳ loại thuốc nào có ý định sử dụng trong thức ăn cho vật nuôi nhưng không bao gồm loại thức ăn cho vật nuôi đó.

Cây giống con một vụ. Cây trồng từ hạt sẽ kết thúc vòng đời hoặc sản xuất ra sản lượng có thể thu hoạch được trong mùa vụ cùng năm hoặc mùa.

Lĩnh vực hoạt động. Các loại hình hoạt động: cây trồng, vật nuôi, thu hoạch hoặc xử lý mùa vụ mọc hoang, hoặc bất kỳ sự kết hợp nào mà cơ quan đại diện chứng nhận có thể được công nhận chính thức để chứng nhận trong phần này.

Hồ sơ lưu lại các hoạt động. Tài liệu đủ để xác định nguồn gốc, chuyển quyền sở hữu và vận chuyển bất kỳ sản phẩm nông nghiệp có ghi nhãn là “100% hữu cơ”, các thành phần hữu cơ của bất kỳ sản phẩm nông nghiệp nào có ghi nhãn là “hữu cơ” hoặc “được làm bằng hữu cơ (các thành phần qui định) hoặc các thành phần hữu cơ của bất kỳ loại sản phẩm nông nghiệp nào chứa dưới 70% thành phần hữu cơ được nhận biết là hữu cơ trong bản công bố các thành phần.

Có thể bị vi khuẩn làm cho thối rữa. Phụ thuộc vào sự phân huỷ sinh học thành các thành phần hoá sinh hoặc hoá học đơn giản hơn.

Sinh vật học. Tất cả virus, huyết thanh, độc tố và các sản phẩm tương tự có nguồn gốc tự nhiên hoặc nhân tạo như triệu chứng, kháng độc tố, vắc xin, vi sinh vật sống, vi sinh vật đã chết và các thành phần sinh kháng thể hoặc chủng ngừa vi sinh vật dùng trong chuẩn đoán, điều trị hoặc phòng ngừa bệnh của gia súc.

Nguồn cung cấp con giống nuôi. Con mẹ mà con của nó có thể được kết hợp vào hoạt động hữu cơ khi sinh.

Vùng đệm. Khu vực nằm ở giữa hoạt động sản xuất hoặc một phần của hoạt động sản xuất được chứng nhận và khu vực đất liền kề mà không được bảo quản dưới sự quản lý hữu cơ. Vùng đệm phải đủ về kích thước hoặc các đặc tính khác (VD. Hàng rào chắn gió hoặc rãnh đi tránh) để tránh khả năng vô tình tiếp xúc các chất bị cấm phun vào các khu vực đất lân cận với khu vực mà là một phần của hoạt động đã được chứng nhận.

Khối lượng lớn. Giới thiệu với người tiêu dùng khi bán lẻ sản phẩm nông nghiệp dưới dạng không đóng gói để rời, giúp người tiêu dùng xác định được từng mẫu, số lượng hoặc khối lượng lớn mua.

Giấy chứng nhận hoặc được chứng nhận. Cơ quan đại diện chứng nhận đã xác nhận rằng hoạt động sản xuất hoặc xử lý tuân theo Đạo luật và các qui định trong phần này, mà có chứng chỉ hoạt động hữu cơ chứng minh.

Hoạt động được chứng nhận. Sản xuất cây trồng hoặc vật nuôi, hoạt động thu hoạch hoặc xử lý mùa vụ mọc hoang, hoặc một phần của hoạt động mà được chứng nhận bởi một cơ quan đại diện chứng nhận đã được công nhận chính thức như việc sử dụng hệ thống sản xuất hoặc xử lý hữu cơ theo mô tả trong Đạo luật và các qui định trong phần này.

Cơ quan đại diện chứng nhận. Bất kỳ đơn vị nào được Bộ trưởng chính thức công nhận là cơ quan đại diện chứng nhận vì mục đích chứng nhận hoạt động sản xuất

hoặc xử lý như là hoạt động sản xuất hoặc xử lý đã được chứng nhận.

Hoạt động của cơ quan đại diện chứng nhận. Tất cả địa điểm, trang thiết bị, nhân sự và hồ sơ sổ sách được cơ quan đại diện chứng nhận sử dụng để tiến hành các hoạt động chứng nhận theo Đạo luật và các qui định trong phần này.

Khiếu nại. Trình bày, tuyên bố bằng miệng, văn bản, ngụ ý hoặc biểu tượng, hoặc quảng cáo hoặc các hình thức thông tin liên lạc khác được trình bày trước công chúng hoặc người mua các sản phẩm nông nghiệp mà liên quan đến quá trình cấp giấy chứng nhận hữu cơ hoặc thuật ngữ “100% hữu cơ”, “hữu cơ” hoặc “làm bằng hữu cơ” (các thành phần hoặc (các) nhóm thực phẩm qui định) hoặc trong trường hợp sản phẩm nông nghiệp chứa dưới 70% thành phần hữu cơ, thuật ngữ “hữu cơ” trên bảng các thành phần.

Về mặt thương mại luôn có sẵn. Khả năng có được đầu vào sản xuất dưới dạng, chất lượng hoặc số lượng thích hợp để thực hiện chức năng cần thiết trong hệ thống sản xuất hoặc xử lý hữu cơ, như cơ quan đại diện chứng nhận xác định trong quá trình rà soát kế hoạch hữu cơ.

Trộn lẫn. Tiếp xúc tự nhiên giữa các sản phẩm nông nghiệp được sản xuất hữu cơ và sản xuất vô cơ không đóng gói trong quá trình sản xuất, chế biến, vận chuyển, bảo quản hoặc xử lý, ngoài quá trình sản xuất một sản phẩm đa thành phần có chứa cả hai loại thành phần.

Phân com-pôt. Sản phẩm của quá trình được quản lý mà vi sinh vật phá hủy các nguyên liệu cây trồng và gia súc thành

nhiều dạng có sẵn hơn phù hợp với sự bón vào đất. Phân com-pôt phải được sản xuất qua quá trình kết hợp các nguyên liệu cây trồng và gia súc với tỷ lệ C:N ban đầu giữa tỷ lệ 25:1 và 40:1. Các nhà sản xuất sử dụng hệ thống đóng thông khí tĩnh hoặc trong thùng phải đảm bảo nguyên liệu làm phân com-pôt ở nhiệt độ giữa 131⁰F và 170⁰F trong vòng 3 ngày. Người sản xuất sử dụng hệ thống luống pahi đảm bảo nguyên liệu làm phân com-pôt ở nhiệt độ giữa 131⁰F và 170⁰F trong vòng 15 ngày, trong thời gian đó nguyên liệu phải được đảo lật tối thiểu là năm lần.

Kiểm soát. Bất kỳ phương pháp nào làm giảm hoặc hạn chế thiệt hại gây ra bởi các loài có hại, cỏ dại hoặc các bệnh tật đến mức độ mà không làm giảm đáng kể khả năng sản xuất.

Mùa vụ. Cây trồng hoặc bất kỳ phần của cây trồng có ý định đem bán ở chợ là sản phẩm nông nghiệp hoặc làm thức ăn cho vật nuôi.

Phần còn lại của mùa vụ. Các phần của cây trồng còn lại trên cánh đồng sau khi thu hoạch mùa vụ bao gồm thân, gốc, lá, rễ và hạt.

Sự luân canh. Thực tiễn thay đổi cây trồng một mùa trồng trên một cánh đồng theo mẫu hình hoặc trình tự đã qui hoạch cho các mùa vụ của năm tiếp theo sao cho cây trồng của cùng loại hoặc cùng họ không được trồng đi trồng lại trên cùng một cánh đồng mà phải có thời gian để cho đất nghỉ. Các phương pháp trồng cây lâu năm sử dụng các biện pháp như trồng ở lối đi có cây, trồng xen kẽ và hàng rào cây để có được tính đa dạng sinh học thay vì luân canh.

Mùa vụ. Mùa trồng cây bình thường cho một vụ theo quyết định của Bộ trưởng.

Trồng trọt. Đào xới đất để chuẩn bị một mảnh đất gieo hạt; kiểm soát cỏ dại; thông khí cho đất; hoặc làm chất hữu cơ, chất còn lại của mùa vụ, hoặc bón phân vào đất.

Các phương pháp trồng trọt. Các phương pháp được sử dụng để nâng cao sức khỏe cây trồng và ngăn cỏ dại, loài có hại, hoặc các vấn đề bệnh tật mà không sử dụng các chất; các ví dụ bao gồm sự lựa chọn giống thích hợp và địa điểm trồng; thời gian thích hợp và mật độ cây trồng; tưới; và kéo dài mùa trồng bằng việc sử dụng vi khí hậu bằng nhà kính, lồng kính ươm cây non hoặc chắn gió.

Chất còn lại có thể nhận thấy. Số lượng hoặc sự hiện diện của chất lắng hoá học hoặc thành phần mẫu mà chắc chắn có thể quan sát thấy hoặc tìm thấy trong chất nền mẫu bằng phương pháp phân tích đã được chấp nhận hiện nay.

Sinh vật mang mầm bệnh. Cây trồng hoặc gia súc mà có chứa hoặc truyền bệnh hoặc mầm bệnh cho các sinh vật mà có thể tấn công mùa vụ hoặc vật nuôi.

Xu hướng tự nhiên. Sự di chuyển tự nhiên các chất bị cấm từ địa điểm đích đã định tiến đến hoạt động hữu cơ hoặc phần của nó.

Chương trình loài gây hại khẩn cấp hoặc điều trị bệnh. Chương trình bắt buộc được cơ quan địa phương, nhà nước hoặc liên bang cho phép vì mục đích kiểm soát hoặc trừ diệt loài gây hại hoặc bệnh.

Người lao động. Bất kỳ người nào cung cấp các dịch vụ tự nguyện hoặc được trả công cho cơ quan đại diện chứng nhận.

Các phương pháp ngăn chặn. Hàng loạt các phương pháp được sử dụng về mặt di truyền học để làm thay đổi các sinh vật hoặc ảnh hưởng đến sự tăng trưởng và phát triển của chúng bằng phương tiện mà không thể xảy ra trong các điều kiện hoặc quá trình tự nhiên và không được xem là tương hợp với sản xuất hữu cơ. Các phương pháp này bao gồm hợp nhất tế bào, kết nang nhỏ và kết nang lớn, và công nghệ ghép gen DNA (bao gồm cả loại bỏ gen, nhân đôi gen, đưa gen lạ vào, và thay đổi vị trí của gen khi thực hiện bằng phương pháp ghép gen DNA). Những phương pháp này không bao gồm việc áp dụng gây giống truyền thống, tiếp hợp, lên men, lai giống, thụ tinh trong ống nghiệm hoặc cấy mô.

Thức ăn cho súc vật. Các thức ăn được vật nuôi ăn vì giá trị dinh dưỡng của chúng. Thức ăn cho súc vật có thể là chất cô đặc (ngũ cốc) hoặc thức ăn thô (cỏ, thức ăn gia súc ủ xi-lô, cỏ khô). Thuật ngữ “thức ăn cho súc vật” bao gồm tất cả các sản phẩm nông nghiệp kể cả đồng cỏ vật nuôi ăn vì mục đích dinh dưỡng.

Phụ gia của thức ăn gia súc. Chất được đưa vào thức ăn với khối lượng nhỏ để đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cụ thể; có nghĩa là các dinh dưỡng cần thiết dưới dạng a xít amin, vi ta min và các khoáng chất.

Thức ăn gia súc bổ sung. Sự kết hợp các chất dinh dưỡng của thức ăn được thêm vào thức ăn cho vật nuôi để cải thiện sự cân bằng dinh dưỡng hoặc thực hiện toàn bộ khẩu phần và dự định:

(1) Pha loãng với thức ăn khác khi cho vật nuôi ăn;

(2) Đưa ra lựa chọn tự do với các phần khác của khẩu phần nếu có sẵn riêng biệt; hoặc

(3) Pha loãng hơn và trộn lẫn để có được thức ăn hoàn chỉnh.

Phân bón. Một chất duy nhất hoặc chất pha trộn chứa một hoặc hơn một chất nuôi dưỡng cây trồng được tín nhiệm hơn được sử dụng chủ yếu cho hàm lượng chất nuôi dưỡng cây trồng và được thiết kế để sử dụng hoặc yêu cầu có giá trị trong việc thúc đẩy sự tăng trưởng của cây trồng.

Cánh đồng. Diện tích đất được xác định là đơn vị riêng biệt trong phạm vi hoạt động sản xuất.

Thức ăn cho súc vật (cỏ). Nguyên liệu thực vật trong trạng thái tươi, khô hoặc cho vào xi-lô (đồng cỏ, cỏ hoặc thức ăn ủ trong xi-lô) cho vật nuôi ăn.

Cơ quan chính phủ. Bất kỳ chính quyền trong nước, chính quyền bộ lạc hoặc phân khu chính quyền nước ngoài cung cấp các dịch vụ cấp giấy chứng nhận.

Xử lý. Để bán, chế biến hoặc đóng gói các sản phẩm nông nghiệp, chỉ trừ thuật ngữ như thế không được bao gồm bán, vận chuyển hoặc phân phát cây trồng hoặc vật nuôi của người sản xuất cho một người xử lý.

Người xử lý. Bất kỳ người nào tham gia vào công việc xử lý các sản phẩm nông nghiệp kể cả người sản xuất những người mà xử lý cây trồng hoặc vật nuôi mà chính họ sản xuất ra, chỉ trừ thuật ngữ như thế không bao gồm những người bán lẻ cuối

cùng các sản phẩm nông nghiệp mà chưa chế biến các sản phẩm nông nghiệp.

Hoạt động xử lý. Bất kỳ hoạt động hoặc phần của một hoạt động nào (trừ những người bán lẻ cuối cùng các sản phẩm nông nghiệp mà chưa chế biến các sản phẩm nông nghiệp) nhận hoặc mặt khác thu được các sản phẩm nông nghiệp và các quá trình, đóng gói hoặc bảo quản những sản phẩm này.

Họ gần gũi nhất. Vợ chồng, những đứa bé hoặc họ hàng máu mủ những người sinh sống trong hộ gia đình gần gũi của cơ quan đại diện chứng nhận hoặc một người lao động, một kiểm tra viên, nhà thầu, hoặc nhân viên khác của cơ quan đại diện chứng nhận. Vì mục đích của phần này, sự quan tâm của vợ/chồng, đứa trẻ bé hoặc người họ hàng máu mủ ruột thịt là người dân của hộ gần gũi của cơ quan đại diện chứng nhận hoặc người lao động, người kiểm tra, nhà thầu hoặc người nào khác của cơ quan đại diện chứng nhận phải được cho là sự quan tâm của cơ quan đại diện chứng nhận hoặc một người lao động, một kiểm tra viên, nhà thầu, hoặc nhân viên khác của cơ quan đại diện chứng nhận.

Thành phần trơ. Bất kỳ chất nào (hoặc nhóm chất có kết cấu hoá học tương tự nếu được cơ quan bảo vệ môi trường định rõ) ngoài hoạt chất mà được cố tình đưa vào trong bất kỳ sản phẩm thuốc trừ sâu (40 CFR 152.3(m)).

Bảng thông tin. Phần nhãn hiệu của một sản phẩm đóng gói tiếp giáp ngay với và bên phải của bảng niêm yết chính khi một người đứng quan sát bảng niêm yết này trừ khi một phần khác của nhãn hiệu được chỉ định là bảng thông tin do kích cỡ gói hàng

hoặc các thuộc tính khác của gói (VD. Hình dạng bất thường có một bề mặt sử dụng được).

Thành phần. Bất kỳ chất nào được sử dụng trong việc điều chế một sản phẩm nông nghiệp mà vẫn có trong sản phẩm thương mại cuối cùng khi tiêu dùng.

Bản công bố thành phần. Danh mục các thành phần có trong một sản phẩm thể hiện dưới các tên thường dùng và phổ biến của chúng theo trật tự ưu thế đi xuống.

Kiểm tra. Hành động xem xét và đánh giá hoạt động sản xuất hoặc xử lý của người nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận hoặc hoạt động được chứng nhận để xác định sự tuân thủ Đạo luật và các qui định trong phần này.

Người kiểm tra. Bất kỳ người nào được cơ quan đại diện chứng nhận giữ lại hoặc sử dụng để tiến hành kiểm tra những người nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận hoặc các hoạt động sản xuất và xử lý đã được chứng nhận.

Nhãn hiệu. Dán tài liệu viết, in hoặc đồ hoạ trên thùng hàng trực tiếp của một sản xuất nông nghiệp hoặc bất kỳ tài liệu nào như vậy được dán vào bất kỳ sản phẩm nông nghiệp nào hoặc dán vào thùng công-ten-nơ lớn có chứa một sản phẩm nông nghiệp, trừ lớp lót gói hàng hoặc sự niêm yết tài liệu viết, in hoặc đồ hoạ mà chỉ chứa thông tin về trọng lượng sản phẩm.

Dán nhãn. Tất cả tài liệu viết ra, in hoặc đồ hoạ đi kèm một sản phẩm nông nghiệp vào bất kỳ thời điểm nào hoặc tài liệu viết, in hoặc đồ hoạ về sản phẩm nông nghiệp được trưng bày tại các cửa hàng bán lẻ sản phẩm đó.

Vật nuôi. Bất kỳ gia súc, cừu, dê, lợn, gia cầm hoặc ngựa được dùng làm thức ăn hoặc sản xuất thức ăn, sợi, thức ăn cho gia súc hoặc các sản phẩm tiêu dùng khác dựa vào nông nghiệp; thú săn hoang dã hoặc đã thuần hoá; hoặc cuộc sống của những loài không phải là cây trồng khác, chỉ trừ thuật ngữ đó không bao gồm động vật sống ở dưới nước hoặc ong cho việc sản xuất thức ăn, sợi, thức ăn cho gia súc hoặc các sản phẩm tiêu dùng khác dựa vào nông nghiệp.

Lô hàng. Bất kỳ số lượng thùng công-ten-nơ mà chứa sản phẩm nông nghiệp thuộc cùng một loại đặt trong cùng băng chuyền, kho hàng, hoặc nhà làm và đóng gói đồ hộp và những thứ có sẵn để kiểm tra tại cùng thời điểm.

Phân bón. Phân, nước giải, các loại phân khác và ỏ rơm cho súc vật do vật nuôi sản sinh ra chưa được làm thành phân com-pôt.

Thông tin thị trường. Bất kỳ thông tin nào viết ra, in ra, nghe nhìn hoặc đồ hoạ kể cả quảng cáo, sách mỏng, tờ rơi, ca-ta-lô, áp phích quảng cáo, và biển hiệu, được phân phát, quảng bá hoặc luôn có sẵn bên ngoài đại lý bán lẻ được dùng để hỗ trợ bán hàng hoặc quảng cáo sản phẩm.

Lớp phủ. Bất kỳ nguyên liệu tự nhiên nào như vỏ bào từ gỗ, lá cây hoặc rơm, hoặc bất kỳ nguyên liệu nhân tạo nào được đưa vào Danh mục quốc gia để sử dụng như bao hoặc chất dẻo mà cung cấp để ngăn cỏ phát triển, làm giảm nhiệt độ đất hoặc giữ độ ẩm cho đất.

Dầu ở phạm vi hẹp. Các chất dẫn xuất dầu mỏ, chủ yếu là các phần nhỏ dầu hỏa và naptalin với 50% điểm sôi (10 mm Hg) giữa 415⁰F và 440⁰F.

Danh mục quốc gia. Danh mục các chất cho phép và bị cấm như qui định trong Đạo luật.

Chương trình hữu cơ quốc gia (NOP). Chương trình được Đạo luật cho phép vì mục đích thực thi các điều khoản qui định của nó.

Ủy ban tiêu chuẩn hữu cơ quốc gia (NOSB). Một uỷ ban được Bộ trưởng thành lập theo 7 U.S.C. 6518 để hỗ trợ triển khai tiêu chuẩn đối với các chất được sử dụng trong sản xuất hữu cơ và cố vấn cho Bộ trưởng về bất kỳ khía cạnh thực thi Chương trình hữu cơ quốc gia nào khác.

Tài nguyên thiên nhiên của hoạt động. Các đặc điểm vật lý, thuỷ học và sinh học của hoạt động sản xuất bao gồm đất, nước, khu vực đầm lầy, vùng rừng và động vật hoang dã.

Chất phi nông nghiệp. Một chất mà không phải là sản phẩm của nông nghiệp như chất khoáng hoặc cây vi khuẩn, được sử dụng như một thành phần trong sản phẩm nông nghiệp. Vì các mục đích của phần này, thành phần phi nông nghiệp cũng bao gồm bất kỳ chất nào như chất gôm, axit citric, hoặc pectin, được chiết xuất từ, phân lập, hoặc một phần nhỏ của sản phẩm nông nghiệp sao cho tính đồng nhất của sản phẩm nông nghiệp không thể nhận biết được trong phần chiết, phân lập hoặc phần nhỏ.

Không tổng hợp (tự nhiên). Một chất mà bắt nguồn từ chất khoáng, cây trồng hoặc động vật và không trải qua một quá trình tổng hợp như qui định trong mục 6502(21) của Đạo luật (7 U.S.C. 6502(21)). Vì các mục đích của phần này, chất không tổng

hợp được dùng như là từ đồng nghĩa của từ tự nhiên như thuật ngữ sử dụng trong Đạo luật này.

Thùng công-ten-nơ không bán lẻ. Bất kỳ thùng nào được dùng cho việc chuyên chở bằng tàu thủy hoặc cất giữ sản phẩm nông nghiệp mà không được dùng trong trung bày bán lẻ hoặc bán sản phẩm.

Không độc. Không thấy gây ra bất kỳ tác động sinh lý học xấu nào đối với động vật, cây trồng, con người hoặc môi trường.

Hữu cơ. Thuật ngữ dán nhãn mà ghi vào sản phẩm nông nghiệp được sản xuất theo Đạo luật và các qui định trong phần này.

Chất hữu cơ. Đồ thừa, đồ còn lại hoặc sản phẩm thải của bất kỳ sinh vật nào.

Sản xuất hữu cơ. Một phương thức sản xuất mà được quản lý theo Đạo luật và các qui định trong phần này để đáp ứng các điều kiện cụ thể của khu vực bằng cách hoà nhập các thực tiễn trồng trọt, sinh vật học và cơ học thúc đẩy quay vòng các nguồn lực, thúc đẩy cân bằng sinh thái và giữ gìn đa dạng sinh học.

Kế hoạch về phương thức hữu cơ. Kế hoạch quản lý hoạt động sản xuất và xử lý hữu cơ mà đã được người sản xuất hoặc người xử lý và cơ quan đại diện chứng nhận nhất trí và bao gồm các kế hoạch viết ra về tất cả các khía cạnh sản xuất nông nghiệp hoặc xử lý miêu tả trong Đạo luật và các qui định trong phần phụ C của phần này.

Đồng cỏ. Đất được dùng làm đồng cỏ cho vật nuôi được quản lý để cung cấp giá trị thức ăn và đảm bảo hoặc cải tạo đất, nước và các nguồn thực vật.

Bảng rà soát của những người ngang hàng. Bảng của những cá nhân thành thạo về các phương pháp sản xuất và xử lý hữu cơ và các thủ tục cấp giấy chứng nhận và là những người được Nhà quản lý bổ nhiệm hỗ trợ việc đánh giá những người nộp đơn xin công nhận chính thức làm các cơ quan đại diện chứng nhận.

Người. Một cá nhân, cộng tác, công ty, hiệp hội, hợp tác hoặc thực thể khác.

Thuốc trừ sâu. Bất kỳ chất nào mà chỉ riêng, trong hoá hợp, hoặc trong bất kỳ sự hình thành công thức nào có một hoặc hơn một chất được xác định là thuốc trừ sâu trong mục 2(u) của Đạo luật liên bang về thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm và thuốc diệt động vật gặm nhấm (7 U.S.C. 136(u) *et seq.*).

Kiến nghị. Yêu cầu sửa đổi Danh mục quốc gia mà được bất kỳ người nào đệ trình theo phần này.

Nguồn cung cấp cây trồng. Bất kỳ cây hoặc mô thực vật nào ngoài cây giống con một mùa nhưng bao gồm cả thân rễ, cành non, lá hoặc cành giâm thân cây, rễ, hoặc thân củ được sử dụng trong sản xuất hoặc nhân giống cây.

Tiêu chuẩn thực tiễn. Đường lối chỉ đạo và các yêu cầu mà qua đó hoạt động sản xuất hoặc xử lý thực hiện phần hợp thành cần thiết của kế hoạch về phương thức sản xuất hoặc xử lý hữu cơ của nó. Tiêu chuẩn thực tiễn bao gồm hàng loạt các hoạt động, nguyên liệu và điều kiện cho phép và ngăn cấm để tạo ra hiệu năng ở mức tối thiểu cho việc lập kế hoạch, tiến hành và đảm bảo chức năng như chăm sóc sức khoẻ vật nuôi

hoặc quản lý loài gây bệnh đến trang thiết bị, cần thiết cho hoạt động hữu cơ.

Bảng niêm yết chính. Phần của nhãn mà rất có thể được niêm yết, trình bày, thể hiện hoặc xem xét trong các điều kiện trưng bày bán hàng theo thông lệ.

Đơn vị tư nhân. Bất kỳ tổ chức hoạt động không vì lợi nhuận hoặc vì lợi nhuận phi chính phủ trong nước hoặc nước ngoài cung cấp dịch vụ cấp giấy chứng nhận.

Chế biến. Nấu ăn, nướng, xử lý để có thể để lâu, làm nóng, sấy khô, trộn, nghiền, khuấy tung lên, làm rời ra, chiết xuất, mổ thịt, cắt, lên men, chung cất, moi ruột, bảo quản, khử nước, ướp lạnh, làm lạnh hoặc sản xuất khác và bao gồm đóng gói, đóng hộp, đóng chai hoặc thực phẩm được đóng bằng phương pháp khác trong thùng công-ten-nơ.

Hỗ trợ chế biến. (1) Chất được bổ sung vào thực phẩm trong suốt quá trình chế biến thực phẩm đó nhưng được loại bỏ theo cách nào đó khỏi thực phẩm trước khi nó được đóng gói dưới dạng hoàn chỉnh.

(2) chất mà được bổ sung vào thực phẩm trong quá trình chế biến, được biến đổi thành các thành phần bình thường có mặt trong thực phẩm và không tăng đáng kể số lượng thành phần tự nhiên được tìm thấy trong thực phẩm; và

(3) chất mà được bổ sung vào thực phẩm vì tác động kỹ thuật hoặc chức năng của nó trong chế biến nhưng có mặt trong thực phẩm hoàn chỉnh ở các mức không quan trọng và không có bất kỳ tác động kỹ thuật hoặc chức năng nào trong thực phẩm đó.

Người sản xuất. Người mà tham gia vào công việc trồng hoặc sản xuất thực phẩm, sợi, thức ăn cho gia súc và các sản phẩm tiêu dùng dựa vào nông nghiệp khác.

Số lượng lô sản xuất/nhận biết. Nhận biết một sản phẩm dựa vào trình tự sản xuất của sản phẩm chỉ ra ngày, giờ và nơi sản xuất được sử dụng cho các mục đích kiểm tra chất lượng.

Chất bị cấm. Chất mà sử dụng ở bất kỳ khía cạnh nào của sản xuất hoặc xử lý hữu cơ bị cấm hoặc không được qui định trong Đạo luật hoặc các qui định của phần này.

Hồ sơ sổ sách. Bất kỳ thông tin nào dưới hình thức viết, nhìn hoặc điện tử mà hồ sơ các hoạt động được nhà sản xuất, người xử lý hoặc cơ quan đại diện chứng nhận tiến hành tuân thủ Đạo luật và các qui định của phần này.

Thí nghiệm chất còn lại. Một qui trình phân tích chính thức hoặc có giá trị mà phát hiện ra, nhận ra và đo sự có mặt các chất hoá học, chất chuyển hoá hoặc sản phẩm thoái biến trong hoặc đối với các sản phẩm nông nghiệp thô hoặc đã chế biến.

Quan hệ có trách nhiệm. Bất kỳ người nào mà là đối tác, quan chức, giám đốc, người nắm giữ, nhà quản lý hoặc người sở hữu 10% hoặc hơn 10% cổ phiếu được bỏ phiếu của một người nộp đơn hoặc người nhận giấy chứng nhận hoặc giấy công nhận chính thức.

Cơ sở thực phẩm bán lẻ. Nhà hàng; cửa hàng bán các món ăn ngon; lò bánh mì; cửa hàng tạp phẩm; hoặc bất kỳ đại lý bán lẻ nào có nhà hàng, cửa hàng bán các món ăn ngon, lò bánh mì, quầy bán xà lách trong cửa hàng, hoặc dịch vụ ăn tại chỗ

hoặc mang về thức ăn làm sẵn và thô đã chuẩn bị hoặc đã chế biến.

Sử dụng thường lệ chất diệt ký sinh. Sử dụng chất diệt ký sinh thường xuyên, có kế hoạch hoặc định kỳ.

Bộ trưởng. Bộ trưởng bộ nông nghiệp hoặc đại diện mà được giao quyền để hành động thay Bộ trưởng.

Bùn cồng. Chất cặn bã cứng, nửa cứng hoặc lỏng trong quá trình xử lý nước thải sinh hoạt trong công trình xử lý. Bùn cồng bao gồm nhưng không hạn chế vách ngăn sinh hoạt; lớp chất bẩn hoặc chất rắn được bỏ đi trong quá trình xử lý nước thải chính, thứ yếu hoặc tiên tiến; và nguyên liệu phát sinh từ bùn cồng. Bùn cồng không bao gồm tro trong quá trình đốt bùn cồng trong lò đốt bùn nước cồng hoặc đá mặt và tạp nhạp còn lại sản sinh trong khi xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt trong công trình xử lý.

Nguồn cung cấp mỡ thịt. Bất kỳ động vật nào mà dự định sẽ mổ thịt cho tiêu dùng của con người hoặc động vật khác.

Chất lượng nước và đất. Các chỉ số dễ thấy của điều kiện vật lý, hoá học hoặc sinh học của đất và nước kể cả sự hiện diện của các chất gây ô nhiễm môi trường.

Hoạt động tách ra. Hoạt động mà sản xuất hoặc xử lý cả các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ và vô cơ.

Bang. Bất kỳ trong một vài bang của Mỹ, lãnh thổ của nó, vùng Columbia và Liên bang Puerto Rico.

Cơ quan đại diện chứng nhận bang. Cơ quan đại diện chứng nhận được Bộ trưởng công nhận chính thức trong Chương trình hữu cơ quốc gia và được điều hành bởi

bang vì các mục đích chứng nhận các hoạt động sản xuất và xử lý trong Bang đó.

Chương trình hữu cơ của bang (SOP). Chương trình của bang mà đáp ứng các nhu cầu của Mục 6506 của Đạo luật, được Bộ trưởng phê duyệt, và được thiết kế để đảm bảo rằng sản phẩm mà được bán hoặc dán nhãn như được sản xuất hữu cơ theo Đạo luật được sản xuất và xử lý áp dụng các phương pháp hữu cơ.

Cán bộ bang quản lý chương trình hữu cơ của bang. Thống đốc bang hoặc trong trường hợp một Bang mà chuẩn bị cho cuộc bầu cử khắp bang của một quan chức chịu trách nhiệm duy nhất về quản lý các hoạt động nông nghiệp của bang, thì người cán bộ đó quản lý chương trình cấp giấy chứng nhận hữu cơ của bang.

Tổng hợp. Chất mà được tạo thành hoặc sản xuất bởi quá trình hoá học hoặc bởi quá trình mà về mặt hoá học thay đổi chất được chiết xuất từ cây trồng có tự nhiên, động vật hoặc các nguồn chất khoáng chỉ trừ thuật ngữ mà không được áp dụng cho các chất tạo ra bởi các quá trình sinh vật học xảy ra tự nhiên.

Dung sai. Mức độ pháp lý tối đa của chất hoá học còn lại của thuốc trừ sâu trong hoặc trên sản phẩm nông nghiệp thô hoặc đã chế biến hoặc thức ăn đã chế biến.

Cấy ghép. Cây giống con mà đã được di chuyển khỏi nơi sản xuất ban đầu, được vận chuyển và trồng lại.

Chất gây ô nhiễm môi trường còn lại tất yếu (UREC). Các mức độ cơ sở của các chất hoá học xảy ra tự nhiên hoặc tổng hợp mà có trong đất hoặc có trong các sản

phẩm nông nghiệp được sản xuất hữu cơ mà dưới các sai số đã xây dựng.

Mùa vụ mọc hoang. Bất kỳ cây trồng nào hoặc phần cây trồng nào mà được thu lượm hoặc thu hoạch từ nơi mà không duy trì trồng trọt hoặc quản lý nông nghiệp khác.

Phần phụ B – Tính ứng dụng

§205.100 Những gì phải được chứng nhận

(a) Trừ những hoạt động miễn hoặc loại trừ trong §205.101, mỗi hoạt động sản xuất hoặc xử lý hoặc một phần của hoạt động sản xuất hoặc xử lý qui định mà sản xuất hoặc xử lý cây trồng, vật nuôi, các sản phẩm vật nuôi hoặc các sản phẩm nông nghiệp khác mà dự định bán, ghi nhãn hoặc miêu tả là “100% hữu cơ”, “hữu cơ” hoặc “được làm bằng hữu cơ (các thành phần hoặc (các) nhóm thực phẩm qui định) phải được chứng nhận theo các điều khoản qui định của phần phụ E của phần này và phải đáp ứng tất cả các yêu cầu có thể ứng dụng khác của phần này.

(b) Bất kỳ hoạt động sản xuất hoặc xử lý hoặc một phần của hoạt động sản xuất hoặc xử lý qui định mà cũng đã được chứng nhận bởi cơ quan đại diện chứng nhận vào ngày mà cơ quan đại diện chứng nhận được giấy công nhận chính thức của mình theo phần này phải được coi là đã chứng nhận theo Đạo luật cho đến ngày kỷ niệm sau của giấy chứng nhận của hoạt động. Sự thừa nhận đó chỉ có sẵn cho những hoạt động được chứng nhận bởi cơ quan đại diện chứng nhận nhận được giấy công nhận chính thức của mình trong vòng 18 tháng kể từ 20/2/2001.

(c) Bất kỳ hoạt động mà:

(1) Cố ý bán hoặc ghi nhãn sản phẩm là hữu cơ, trừ theo Đạo luật, phải chịu hình phạt dân sự không quá \$10.000 mỗi vi phạm.

(2) Theo Đạo luật công bố sai cho Bộ trưởng, cán bộ bang quản lý hoặc cơ quan đại diện chứng nhận được công nhận chính thức phải theo các qui định của mục 1001 của đầu đề 18, Bộ luật Mỹ.

§205.101 Miễn và từ chối cấp giấy chứng nhận

(a) *Miễn.* (1) Hoạt động sản xuất hoặc xử lý bán các sản phẩm nông nghiệp là “hữu cơ” những tổng thu nhập nông nghiệp từ lượng hàng hữu cơ bán được đạt \$5.000 hoặc thấp hơn hàng năm thì được miễn giấy chứng nhận theo Phần phụ E của phần này và miễn nộp kế hoạch phương thức hữu cơ để xin chấp thuận hoặc phê duyệt theo §205.201 nhưng phải tuân thủ các yêu cầu sản xuất và xử lý hữu cơ áp dụng của phần phụ C của phần này và các yêu cầu ghi nhãn trong §205.310. Các sản phẩm từ các hoạt động như vậy không được dùng làm các thành phần được xác định là hữu cơ trong các sản phẩm đã chế biến được sản xuất bằng một hoạt động xử lý khác.

(2) Hoạt động xử lý mà một cơ sở thực phẩm bán lẻ hoặc một phần của cơ sở thực phẩm bán lẻ mà xử lý các sản phẩm nông nghiệp được sản xuất hữu cơ nhưng không chế biến chúng được miễn các yêu cầu trong phần này.

(3) Hoạt động xử lý hoặc một phần hoạt động xử lý mà chỉ xử lý các sản phẩm nông nghiệp mà có chứa dưới 70% các thành phần hữu cơ của khoảng tổng trọng lượng

của thành phẩm (trừ nước và muối) được miễn các yêu cầu trong phần này, trừ:

(i) Các điều khoản phòng ngừa tiếp xúc các sản phẩm hữu cơ với các chất bị cấm qui định trong §205.272 đối với bất kỳ các thành phần sản xuất hữu cơ nào được sử dụng trong một sản phẩm nông nghiệp;

(ii) Các điều khoản ghi nhãn ở §§205.305 và 205.310; và

(iii) Các điều khoản về lưu hồ sơ sổ sách trong đoạn (c) của mục này.

(4) Hoạt động xử lý hoặc một phần của hoạt động xử lý mà chỉ xác định các thành phần hữu cơ trên bảng thông tin được miễn các yêu cầu trong phần này, trừ:

(i) Các điều khoản phòng ngừa tiếp xúc các sản phẩm hữu cơ với các chất bị cấm qui định trong §205.272 đối với bất kỳ các thành phần sản xuất hữu cơ nào được sử dụng trong một sản phẩm nông nghiệp;

(ii) Các điều khoản về ghi nhãn ở §§205.305 và 205.310; và

(iii) Các điều khoản về lưu hồ sơ sổ sách trong đoạn (c) của mục này.

(b) *Loại trừ.* (1) Hoạt động xử lý hoặc một phần của hoạt động xử lý được loại khỏi các yêu cầu của phần này, trừ các yêu cầu về phòng ngừa việc trộn lẫn và tiếp xúc với các chất bị cấm như qui định trong §205.272 đối với bất kỳ sản phẩm sản xuất hữu cơ nào, nếu hoạt động hoặc một phần của hoạt động đó chỉ bán các sản phẩm nông nghiệp ghi nhãn là “100% hữu cơ”, “hữu cơ” hoặc “được làm bằng hữu cơ (các thành phần hoặc (các) nhóm thực phẩm qui định) rằng:

(i) được đóng gói hoặc mặt khác được bọc trong thùng công-ten-nơ trước khi hoạt động nhận được hoặc thu được; và

(ii) giữ trong cùng một gói hàng hoặc thùng công-ten-nơ và không được chế biến khác trong khi kiểm soát hoạt động xử lý.

(2) Hoạt động xử lý mà là cơ sở thực phẩm bán lẻ hoặc một phần của cơ sở thực phẩm bán lẻ chế biến trong khuôn viên của cơ sở thực phẩm bán lẻ, thức ăn thô và làm sẵn từ các sản phẩm nông nghiệp mà trước đó được ghi nhãn là “100% hữu cơ”, “hữu cơ” hoặc “làm bằng hữu cơ (các thành phần hoặc (các) nhóm thực phẩm qui định) được loại khỏi các yêu cầu trong phần này, trừ:

(i) Các yêu cầu về phòng ngừa tiếp xúc với các chất bị cấm qui định trong §205.272 ; và

(ii) Các điều khoản ghi nhãn ở §205.310;

(c) *Hồ sơ sổ sách được lưu giữ theo các hoạt động được miễn.* (1) Bất kỳ hoạt động xử lý nào được miễn giấy chứng nhận căn cứ theo đoạn (a)(3) hoặc (a)(4) của mục này phải lưu lại sổ sách đủ để:

(i) Chứng minh rằng các thành phần được xác định là hữu cơ được sản xuất và xử lý hữu cơ; và

(ii) Xác minh các khối lượng được sản xuất từ các thành phần đó.

(2) Hồ sơ sổ sách phải được giữ lại ít nhất là 3 năm đến mức không tạo ra chúng được nữa và các hoạt động phải cho phép các đại diện của Bộ trưởng và Cán bộ bang quản lý Chương trình hữu cơ của bang có thể ứng dụng được tiếp cận các hồ sơ này cho việc kiểm tra và sao chụp trong các giờ làm việc

bình thường để xác định sự tuân thủ các qui định áp dụng nêu trong phần này.

§205.102 Sử dụng thuật ngữ “hữu cơ”

Bất kỳ sản phẩm nông nghiệp nào được bán, ghi nhãn hoặc miêu tả là “100% hữu cơ”, “hữu cơ” hoặc “làm bằng hữu cơ (các thành phần hoặc (các) nhóm thực phẩm qui định)” phải được:

(a) sản xuất theo các yêu cầu qui định trong §205.101 hoặc §205.202 đến §205.207 hoặc từ §205.236 đến §205.239 và tất cả các yêu cầu có thể áp dụng khác của phần 205; và

(b) Xử lý theo các yêu cầu qui định trong §205.101 hoặc §205.270 đến §205.272 và tất cả các yêu cầu có thể áp dụng khác của phần 205.

§205.103 Lưu hồ sơ theo các hoạt động được chứng nhận

(a) Hoạt động được chứng nhận phải lưu hồ sơ về sản xuất, thu hoạch và xử lý các sản phẩm nông nghiệp mà là hoặc dự định bán, ghi nhãn hoặc mô tả là “100% hữu cơ”, “hữu cơ” hoặc “làm bằng hữu cơ (các thành phần hoặc (các) nhóm thực phẩm qui định)).

(b) Các sổ sách này phải:

(1) Thích nghi với công việc cụ thể mà hoạt động được chứng nhận đang tiến hành;

(2) Công khai tất cả các hoạt động và giao dịch của hoạt động được chứng nhận một cách chi tiết để được hiểu và kiểm toán một cách dễ dàng;

(3) Được giữ ít nhất là 5 năm đến mức không tạo ra chúng được nữa; và

(4) Đủ để chứng minh sự tuân thủ Đạo luật và các qui định trong phần này.

(c) Hoạt động được chứng nhận phải chuẩn bị những sổ sách đó luôn có sẵn để cho các đại diện uỷ quyền của Bộ trưởng và cán bộ bang quản lý Chương trình hữu cơ của bang có thể áp dụng được và cơ quan đại diện chứng nhận kiểm tra và sao chụp trong các giờ làm việc bình thường.

§205.104 [Bảo lưu]

§205.105 Các chất cho phép và bị cấm, các phương pháp và thành phần trong sản xuất và xử lý hữu cơ

Để được bán hoặc ghi nhãn là “100% hữu cơ”, “hữu cơ” hoặc “làm bằng hữu cơ (các thành phần hoặc (các) nhóm thực phẩm qui định)”, sản phẩm phải được sản xuất và xử lý mà không sử dụng:

(a) Các chất và các thành phần nhân tạo, trừ như qui định trong §205.601 hoặc §205.603;

(b) Các chất tự nhiên bị cấm trong §205.602 hoặc §205.604;

(c) Các chất phi nông nghiệp được sử dụng trong hoặc đối với các sản phẩm đã chế biến, trừ khi được qui định khác trong §205.605;

(d) Các chất nông nghiệp vô cơ được sử dụng trong hoặc đối với các sản phẩm đã chế biến, trừ khi được qui định khác trong §205.606;

(e) Các phương pháp loại trừ, trừ vắc-xin: *Với điều kiện là, vắc xin được chấp thuận theo §205.600(a);*

(f) Ion hoá bức xạ, như mô tả trong qui định Quản lý thực phẩm và dược phẩm, 21 CFR 179.26; và

(g) Bùn công.

§205.106-205.199 [Bảo lưu]

Phần phụ C – Các yêu cầu sản xuất và xử lý hữu cơ

§205.200 Khái quát

Người sản xuất hoặc người xử lý hoạt động sản xuất hoặc xử lý dự định bán, ghi nhãn hoặc mô tả các sản phẩm nông nghiệp là “100% hữu cơ”, “hữu cơ” hoặc “làm bằng hữu cơ (các thành phần hoặc (các) nhóm thực phẩm qui định)” phải tuân thủ các điều khoản áp dụng của phần phụ này. Các thực tiễn sản xuất được thực hiện theo phần phụ này phải đảm bảo hoặc cải thiện các nguồn tài nguyên thiên nhiên của hoạt động kể cả chất lượng đất và nước.

§205.201 Kế hoạch về phương thức sản xuất và xử lý hữu cơ

(a) Người sản xuất hoặc người xử lý hoạt động sản xuất hoặc xử lý, trừ khi được miễn hoặc loại bỏ theo §205.101, dự định bán, ghi nhãn hoặc mô tả các sản phẩm nông nghiệp là “100% hữu cơ”, “hữu cơ” hoặc “làm bằng hữu cơ (các thành phần hoặc (các) nhóm thực phẩm qui định)” phải triển khai kế hoạch về phương thức sản xuất hoặc xử lý hữu cơ mà được người sản xuất hoặc người xử lý và cơ quan đại diện chứng nhận được công nhận chính thức nhất trí. Kế hoạch về phương thức hữu cơ phải đáp ứng các yêu cầu qui định trong phần mục này đối với sản xuất hoặc xử lý hữu cơ. Kế hoạch về phương thức sản xuất hoặc xử lý hữu cơ phải gồm:

(1) Mô tả các thực tiễn và thủ tục sẽ được thực hiện và duy trì bao gồm cả tần suất mà chúng sẽ được thực hiện;

(2) Danh mục của từng chất sẽ được sử dụng làm đầu vào sản xuất hoặc xử lý, chỉ rõ thành phần cấu tạo, nguồn, (các) vị trí nơi mà nó sẽ được sử dụng và tài liệu về tính có sẵn thương mại, nếu áp dụng.

(3) Mô tả các thực tiễn giám sát và thủ tục thực hiện và duy trì kể cả tần suất mà chúng sẽ được thực hiện để xác minh việc kế hoạch này được thực hiện có hiệu quả;

(4) Mô tả hệ thống lưu hồ sơ được thực hiện tuân theo các yêu cầu đưa ra trong §205.103;

(5) Mô tả các thực tiễn quản lý và các rào chắn tự nhiên được lập ra để tránh trộn lẫn các sản phẩm hữu cơ và vô cơ vào hoạt động tách riêng và tránh tiếp xúc của sản phẩm và các hoạt động sản xuất và xử lý hữu cơ và các sản phẩm có các chất bị cấm; và

(6) Thông tin bổ sung được cơ quan đại diện chứng nhận cho là cần thiết để đánh giá sự tuân thủ các qui định.

(b) Người sản xuất có thể thay kế hoạch đã lập để đáp ứng các yêu cầu của chương trình điều tiết của chính quyền địa phương, nhà nước hoặc liên bang đối với kế hoạch phương thức hữu cơ: *Với điều kiện là*, kế hoạch đã nộp đáp ứng tất cả các yêu cầu của phần phụ này.

§205.202 Các yêu cầu về đất

Bất kỳ cánh đồng hoặc trang trại nào mà thu hoạch các vụ dành để bán, ghi nhãn, hoặc mô tả là “hữu cơ” phải:

(a) Được quản lý theo các điều khoản từ §205.203 đến §205.206.

(b) Không có các chất bị cấm như trong danh mục trong §205.105, được phun vào nó trong thời gian 3 năm ngay trước khi thu hoạch mùa màng; và

(c) Có các ranh giới rõ rệt, xác định và vùng đệm như sự làm trệch dòng chảy nước mặt nhằm tránh sự cố ý sử dụng chất bị cấm đối với mùa vụ hoặc tiếp xúc với chất bị cấm được phun ở khu đất liền kề vì khu đất này không được quản lý hữu cơ.

§205.203 Tiêu chuẩn thực tiễn quản lý sự màu mỡ của đất và chất nuôi dưỡng mùa vụ

(a) Người sản xuất phải lựa chọn và thực hiện các thực tiễn làm đất canh tác và trồng trọt mà duy trì hoặc cải thiện điều kiện vật lý, hoá học và sinh học của đất và giảm thiểu sự xói mòn đất.

(b) Người sản xuất phải quản lý chất nuôi dưỡng mùa vụ và sự màu mỡ của đất thông qua sự luân canh, cây trồng phủ đất và ứng dụng các nguyên liệu cây trồng và động vật.

(c) Người sản xuất phải quản lý các nguyên liệu cây trồng và động vật để duy trì hoặc cải thiện hàm lượng chất hữu cơ của đất theo cách mà không góp phần gây ô nhiễm mùa vụ, đất hoặc nước bằng các chất nuôi dưỡng cây trồng, các sinh vật có mầm bệnh, kim loại nặng hoặc phần còn lại của các chất bị cấm. Nguyên liệu động vật và cây trồng gồm:

(1) Phân động vật sống, mà phải được làm thành phân com-pôt trừ khi nó:

(i) Được bón cho đất trồng mùa vụ không dành cho con người tiêu dùng;

(ii) Được kết hợp vào đất chậm nhất là 120 ngày trước khi thu hoạch sản phẩm mà phần ăn được bị tiếp xúc trực tiếp với bề mặt đất hoặc phần tử đất; hoặc

(iii) Được kết hợp vào đất chậm nhất là 90 ngày trước khi thu hoạch sản phẩm mà phần ăn được không tiếp xúc trực tiếp với bề mặt đất hoặc phần tử đất;

(2) Nhà máy sản xuất phân com-pôt và nguyên liệu của động vật được sản xuất qua quá trình mà:

(i) Thiết lập tỉ số C:N ban đầu giữa 25:1 và 40:1; và

(ii) Duy trì nhiệt độ giữa 131⁰F và 170⁰F trong khoảng 3 ngày sử dụng hệ thống đồng thông hơi tĩnh hoặc trong thùng;

(iii) Duy trì nhiệt độ giữa 131⁰F và 170⁰F trong khoảng 15 ngày sử dụng hệ thống làm phân bón com-pôt đánh luống, mà trong thời gian này các nguyên liệu phải được đảo lật tối thiểu là 5 lần.

(3) Các nguyên liệu cây trồng không làm được phân com-pôt

(d) Người sản xuất có thể quản lý chất nuôi dưỡng mùa vụ và sự màu mỡ của đất để duy trì hoặc cải thiện hàm lượng chất hữu cơ của đất theo cách để không góp phần gây ô nhiễm cây trồng, đất hoặc nước bằng các chất nuôi dưỡng cây trồng, các sinh vật có mầm bệnh, kim loại nặng hoặc phần còn lại của các chất bị cấm bằng việc phun:

(1) Chất nuôi dưỡng mùa vụ hoặc bổ sung cho đất được đưa vào Danh mục chất

nhân tạo quốc gia được phép sử dụng trong sản xuất mùa vụ hữu cơ;

(2) Chất được khai thác có tính tan thấp;

(3) Chất được khai thác có tính tan cao: *Với điều kiện là*, chất này được sử dụng theo các điều kiện thiết lập cho Danh mục các nguyên liệu tự nhiên quốc gia bị cấm sử dụng cho sản xuất mùa vụ;

(4) Tro thu được từ việc đốt cây hoặc động vật, trừ khi bị cấm trong đoạn (e) của mục này: *Với điều kiện là*, các nguyên liệu đốt này không được xử lý hoặc kết hợp với chất bị cấm hoặc tro không bị đưa vào Danh mục các chất tự nhiên quốc gia bị cấm sử dụng trong sản xuất mùa vụ hữu cơ; và

(5) Nguyên liệu cây hoặc động vật mà về mặt hoá học bị thay đổi bởi quá trình sản xuất: *Với điều kiện là*, nguyên liệu được đưa vào Danh mục chất nhân tạo quốc gia được phép sử dụng trong sản xuất mùa vụ hữu cơ qui định trong §205.601.

(e) Người sản xuất không được sử dụng:

(1) Bất kỳ loại phân bón hoặc nguyên liệu cây trồng và động vật làm phân compost mà chứa chất tổng hợp không được đưa vào Danh mục chất nhân tạo quốc gia được phép sử dụng trong sản xuất mùa vụ hữu cơ;

(2) Bùn cống (chất rắn sinh học) như qui định rõ trong 40 CFR phần 503; và (3) Đốt cháy như là biện pháp xử lý các chất còn lại của mùa vụ được sản xuất nhờ vào hoạt động: *Trừ khi*, sự đốt cháy có thể được áp dụng để ngăn chặn sự lây lan bệnh hoặc kích thích hạt nảy mầm.

§205.204 Tiêu chuẩn thực tiễn nguồn cung cấp hạt và cây trồng

(a) Người sản xuất phải sử dụng hạt trồng hữu cơ, cây con giống một vụ và nguồn cung cấp cây trồng: *Trừ*,

(1) Nguồn cung cấp cây trồng và hạt không được xử lý, sản xuất vô cơ có thể được sử dụng để sản xuất mùa vụ hữu cơ khi mà sự đa dạng sản xuất hữu cơ tương tự về mặt thương mại không có sẵn: *Trừ việc*, hạt sản xuất hữu cơ phải được sử dụng cho việc sản xuất búp ăn được;

(2) Nguồn cung cấp hạt và cây trồng vô cơ mà được xử lý bằng chất có trong Danh mục chất nhân tạo quốc gia được phép sử dụng trong sản xuất mùa vụ hữu cơ có thể được sử dụng để sản xuất mùa vụ hữu cơ khi về mặt thương mại không có sự đa dạng không được xử lý hoặc sản xuất hữu cơ tương tự;

(3) Các cây con giống một vụ được sản xuất vô cơ có thể được sử dụng để sản xuất mùa vụ hữu cơ khi được thay đổi tạm thời theo §205.290(a)(2);

(4) Nguồn cung cấp cây trồng được sản xuất vô cơ được sử dụng để sản xuất mùa lâu năm có thể được bán, ghi nhãn hoặc miêu tả là được sản xuất hữu cơ chỉ sau khi nguồn cung cấp cây trồng được đảm bảo dưới hệ thống quản lý hữu cơ trong thời gian chậm nhất là 1 năm; và

(5) Hạt giống, cây giống con một vụ và nguồn cung cấp cây giống được xử lý bằng các chất bị cấm có thể được sử dụng để sản xuất mùa vụ hữu cơ khi áp dụng các nguyên liệu là một yêu cầu của các qui định về vệ sinh thực vật của Nhà nước hoặc liên bang.

(b) [Bảo lưu]

§205.205 Tiêu chuẩn thực tiễn luân canh

Người sản xuất phải thực hiện luân canh bao gồm nhưng không hạn chế bãi cỏ, cây trồng phủ đất, cây trồng phân xanh và mùa phụ mà cung cấp các chức năng sau đây có thể ứng dụng cho hoạt động:

(a) Duy trì hoặc cải thiện hàm lượng chất hữu cơ của đất;

(b) Quản lý loài gây hại đối với cây trồng một mùa và lâu năm;

(c) Quản lý các chất nuôi dưỡng của cây trồng thiếu hụt hoặc quá; và

(d) Kiểm soát xói mòn.

§205.206 Tiêu chuẩn thực tiễn quản lý loài gây hại, cỏ dại và bệnh tật đến mùa màng

(a) Người sản xuất phải áp dụng các thực tiễn quản lý để phòng ngừa các loài gây hại, cỏ dại và bệnh tật đến mùa màng bao gồm nhưng không hạn chế:

(1) Thực tiễn quản lý luân canh và chất dinh dưỡng của đất và mùa màng như qui định trong §205.203 và 205.205;

(2) Các biện pháp vệ sinh để loại bỏ sinh vật mang mầm bệnh, hạt cỏ dại và ôi trường sống đối với các sinh vật gây hại; và

(3) Các thực tiễn trồng trọt mà nâng cao sức khỏe mùa màng kể cả việc lựa chọn giống và loài cây về tính thích hợp với các điều kiện cụ thể nơi trồng và khả năng kháng lại các loài gây hại, cỏ dại và bệnh tật phổ biến.

(b) Các vấn đề của loài gây hại có thể kiểm soát thông qua các phương pháp hoá

học hoặc vật lý bao gồm nhưng không hạn chế:

(1) Sự thêm vào hoặc đưa vào động vật ăn thịt hoặc động thực vật ký sinh của các loài gây hại;

(2) Phát triển môi trường sống cho các kẻ thù gây hại tự nhiên;

(3) Kiểm soát tự nhiên như chim giã, bẫy và thuốc trừ sâu bọ.

(c) Các vấn đề cỏ dại có thể được kiểm soát thông qua:

(1) Việc phủ bằng nguyên liệu có thể bị vi khuẩn làm cho thối rữa hoàn toàn;

(2) Cắt;

(3) Thả gia súc ăn cỏ;

(4) Nhổ cỏ dại bằng tay và trồng bằng máy;

(5) Ngọn lửa, khí nóng hoặc các biện pháp bằng điện; hoặc

(6) Lốp phủ bằng chất dẻo hoặc chất nhân tạo khác : *Miễn là*, chúng được loại bỏ khỏi cánh đồng vào cuối mùa trồng hoặc thu hoạch.

(d) Các vấn đề về bệnh tật có thể được kiểm soát thông qua:

(1) Các thực tiễn quản lý mà ngăn chặn sự lây lan của các sinh vật có bệnh; hoặc

(2) Áp dụng các đầu vào chất khoáng, thực vật học và sinh vật học tự nhiên.

(e) Khi các thực tiễn qui định trong các đoạn từ (a) đến (d) của mục này là đủ để ngăn ngừa hoặc kiểm soát các loài gây hại, cỏ dại và bệnh tật đến mùa màng thì chất sinh vật học hoặc thực vật học hoặc một chất có trong Danh mục chất nhân tạo quốc

gia được phép sử dụng trong sản xuất mùa vụ hữu cơ có thể được áp dụng để phòng tránh, ngăn ngừa hoặc kiểm soát các loài gây hại, cỏ dại hoặc bệnh tật: *Miễn là*, các điều kiện cho việc sử dụng chất này được trình bày trong tài liệu về kế hoạch phương thức hữu cơ.

(f) Người sản xuất không được sử dụng đồ bỏ đi mà được xử lý bằng asenat hoặc các nguyên liệu bị cấm khác cho việc lắp đặt mới hoặc mục đích thay thế tiếp xúc với vật nuôi hoặc đất.

§205.207 Tiêu chuẩn về thực tiễn thu hoạch mùa vụ hoang

(a) Mùa vụ mọc hoang mà để bán, ghi nhãn hoặc miêu tả là hữu cơ phải được thu hoạch từ khu vực chỉ định mà không có chất bị cấm nào như qui định trong §205.105, phun lên nó trong thời gian 3 năm ngay lập tức trước khi thu hoạch mùa vụ hoang.

(b) Mùa vụ hoang phải được thu hoạch theo cách đảm bảo rằng sự thu hoạch hoặc gạt hái đó sẽ không phá hủy môi trường và sẽ duy trì sự tăng trưởng và sản lượng của mùa vụ hoang.

§§205.208-205.235 [Bảo lưu]

§205.236 Nguồn gốc vật nuôi.

(a) Các sản phẩm vật nuôi mà được bán, ghi nhãn hoặc miêu tả là hữu cơ phải từ vật nuôi dưới sự quản lý hữu cơ liên tục từ một phần ba cuối cùng của thời kỳ thai nghén hoặc chăn nuôi: *Trừ*, việc:

(1) *Gia cầm*. Gia cầm hoặc sản phẩm từ gia cầm ăn được phải là từ gia cầm mà dưới sự quản lý hữu cơ liên tục bắt đầu chậm nhất là ngày thứ hai của cuộc đời;

(2) *Động vật sản sinh sữa*. Sữa hoặc các sản phẩm từ sữa phải là từ động vật dưới sự quản lý hữu cơ liên tục bắt đầu chậm nhất là 1 năm trước khi tạo sữa hoặc các sản phẩm sữa mà sẽ được bán, ghi nhãn, hoặc miêu tả là hữu cơ: *Trừ*, việc, khi đàn súc vật riêng biệt, toàn bộ được biến đổi thành sản xuất hữu cơ, nhà sản xuất có thể:

(i) Trong 9 tháng đầu năm, cung cấp tối thiểu 80% thức ăn hoặc là hữu cơ hoặc được nuôi từ đất được đưa vào kế hoạch phương thức hữu cơ và được quản lý tuân thủ các yêu cầu mùa vụ hữu cơ; và

(ii) Cung cấp thức ăn tuân thủ §205.237 trong 3 tháng cuối.

(iii) Khi đàn riêng biệt, toàn bộ đã được đổi thành sản xuất hữu cơ thì tất cả động vật sản sinh sữa phải dưới sự quản lý hữu cơ từ một phần ba cuối của thời kỳ thai nghén.

(b) Những điều dưới đây bị cấm:

(1) Vật nuôi hoặc sản phẩm vật nuôi ăn được mà bị loại bỏ từ hoạt động hữu cơ và sau đó được quản lý về hoạt động vô cơ có thể không được bán, ghi nhãn hoặc miêu tả như được sản xuất hữu cơ.

(2) Con giống hoặc nguồn cung cấp giống bò sữa mà không thuộc sự quản lý hữu cơ liên tục kể từ một phần ba cuối cùng của thời kỳ thai nghén không thể bán, ghi nhãn hoặc miêu tả là nguồn cung cấp mô thịt hữu cơ.

(c) Người nuôi vật nuôi hữu cơ phải lưu giữ sổ sách đủ để duy trì tính đồng nhất của tất cả động vật quản lý hữu cơ và các sản phẩm động vật ăn được và không ăn được được sản xuất nhờ vào hoạt động.

§205.237 Thức ăn cho vật nuôi

(a) Người nuôi vật nuôi hữu cơ phải cung cấp cho vật nuôi tổng khẩu phần ăn gồm các sản phẩm nông nghiệp kể cả đồng cỏ và cắt cỏ cho vật ăn, mà được sản xuất hữu cơ và, nếu áp dụng, được xử lý hữu cơ: *Trừ*, Việc các chất tự nhiên và chất nhân tạo được phép trong §205.603 có thể được sử dụng làm chất phụ gia cho thức ăn và bổ sung thức ăn.

(b) Người sản xuất hoạt động hữu cơ không được:

(1) Sử dụng thuốc thú y kể cả hoóc môn, để thúc đẩy tăng trưởng;

(2) Cung cấp chất bổ sung và phụ gia cho thức ăn theo các số lượng nêu trên những chất cần để đủ dinh dưỡng và đảm bảo sức khỏe đối với các loài ở từng giai đoạn cụ thể của cuộc đời;

(3) Cho viên thuốc nhỏ vào thức ăn thô;

(4) Công thức thức ăn gồm u-rê hoặc phân bón;

(5) Cho động vật có vú hoặc gia cầm ăn những sản phẩm phụ mổ từ động vật có vú hoặc gia cầm; hoặc

(6) Sử dụng thức ăn, chất phụ gia vào thức ăn và chất bổ sung thức ăn vi phạm Đạo luật thực phẩm, dược phẩm và mỹ phẩm liên bang.

§205.238 Tiêu chuẩn thực tiễn chăm sóc sức khỏe vật nuôi

(a) Người sản xuất phải thiết lập và duy trì các thực tiễn chăm sóc sức khỏe vật nuôi dự phòng bao gồm:

(1) Lựa chọn giống và loại vật nuôi về tính phù hợp với các điều kiện cụ thể của

chuồng trại và kháng lại các bệnh tật và động, thực vật ký sinh truyền bệnh;

(2) Cung cấp khẩu phần thức ăn đủ để đáp ứng các yêu cầu dinh dưỡng kể cả vitamin, các chất khoáng, protein và/hoặc axit amin, axit béo, các nguồn năng lượng và sợi (động vật nhai lại);

(3) Xây dựng chuồng trại thích hợp, các điều kiện đồng cỏ và các thực tiễn vệ sinh để giảm thiểu sự xảy ra và lây lan bệnh tật và động thực vật ký sinh;

(4) Tạo ra các điều kiện mà tính đến sự vận dụng, tự do đi lại và giảm sự bắt buộc thích đáng đối với các giống;

(5) Thực hiện những thay đổi vật lý khi cần thiết để động vật có sức khỏe tốt và theo cách mà giảm thiểu đau đớn và căng thẳng; và

(6) Quản lý vắc xin và những chất sinh học thú y khác.

(b) Khi các thực tiễn phòng ngừa và các chất sinh học thú y đều không đủ để phòng ngừa bệnh tật thì người sản xuất có thể cho uống thuốc tổng hợp: *Miễn là*, những thuốc này được phép trong §205.603. Các chất diệt ký sinh cho phép trong §205.603 có thể được sử dụng dựa vào:

(1) Nguồn cung cấp con giống, khi được sử dụng trước một phần ba cuối cùng của thời kỳ thai nghén nhưng không trong thời kỳ tiết sữa cho con mà được bán, ghi nhãn hoặc miêu tả như được sản xuất hữu cơ; và

(2) Nguồn cung cấp sữa, khi được sử dụng tối thiểu là 90 ngày trước khi sản xuất sữa hoặc các sản phẩm sữa mà được bán, ghi nhãn hoặc miêu tả là hữu cơ.

(c) Người nuôi vật nuôi hữu cơ không được:

(1) Bán, ghi nhãn hoặc miêu tả là hữu cơ bất kỳ động vật hoặc sản phẩm ăn được từ bất kỳ động vật nào được điều trị bằng kháng sinh, bất kỳ chất nào mà chứa chất tổng hợp không cho phép trong §205.603, hoặc bất kỳ chất nào mà chứa chất tự nhiên bị cấm trong §205.604.

(2) Cho uống thuốc thú ý, ngoài vắc xin, nếu không có bệnh;

(3) Cho uống hoóc môn tăng trưởng;

(4) Cho uống các chất diệt ký sinh tổng hợp thường xuyên;

(5) Cho nguồn nuôi mỡ thịt uống các chất diệt ký sinh tổng hợp;

(6) Cho uống thuốc thú ý vi phạm Đạo luật thực phẩm, dược phẩm và mỹ phẩm liên bang; hoặc

(7) Từ chối không chữa trị do gia súc bị ốm để giữ tình trạng hữu cơ của nó. Tất cả các thuốc thích hợp phải được sử dụng để hồi phục sức khỏe cho gia súc khi các phương pháp có thể chấp nhận sản xuất hữu cơ không thực hiện được. Vật nuôi được điều trị bằng chất bị cấm phải được xác định rõ và không được bán, ghi nhãn hoặc miêu tả là được sản xuất hữu cơ.

§205.239 Các điều kiện sống của vật nuôi

(a) Người nuôi vật nuôi hữu cơ phải xây dựng và đảm bảo các điều kiện sống của vật nuôi mà thích hợp với sức khỏe và tập quán tự nhiên của động vật, bao gồm:

(1) Được tiếp cận ngoài trời, bóng tối, chỗ cư trú, các khu vực tập luyện, không khí trong lành và ánh nắng mặt trời trực

tiếp phù hợp với các loài, giai đoạn sản xuất của nó, khí hậu và môi trường;

(2) Được tiếp cận đồng cỏ đối với động vật nhai lại;

(3) Ô rơm cho súc vật sạch, khô thích hợp. Nếu ô rơm cho súc vật cụ thể được các loài động vật sử dụng thì nó phải tuân thủ các yêu cầu của thức ăn cho súc vật trong §205.237;

(4) Chuồng trại được thiết kế tính đến:

(i) Đảm bảo tự nhiên, hoạt động thoải mái và cơ hội tập luyện;

(ii) Mức nhiệt độ, thông hơi và tuần hoàn không khí phù hợp với từng loài; và

(iii) Giảm nguy cơ vật nuôi bị thương;

(b) Người sản xuất hoạt động vật nuôi hữu cơ có thể tạm thời nhốt động vật nuôi bởi vì:

(1) Thời tiết khắc nghiệt;

(2) Thời kỳ sản xuất của động vật nuôi;

(3) Các điều kiện mà có thể gây nguy hiểm đến sức khỏe, an toàn hoặc tình trạng khỏe mạnh của động vật nuôi; hoặc

(4) Rủi ro đối với chất lượng đất hoặc nước.

(c) Người nuôi vật nuôi hữu cơ phải quản lý phân bón theo cách mà không góp phần gây ô nhiễm đến mùa màng, đất, hoặc nước bởi các chất nuôi dưỡng cây trồng, kim loại nặng hoặc sinh vật mang mầm bệnh và tối ưu hoá tái chế các chất nuôi dưỡng.

§§205.240-205.269 [Bảo lưu]

§205.270 Các yêu cầu xử lý hữu cơ

(a) Các phương pháp cơ học hoặc sinh học bao gồm nhưng không hạn chế việc

nấu ăn, nướng bánh, xử lý để có thể để lâu, làm nóng, sấy khô, trộn, nghiền, khuấy tung lên, làm rời ra, chiết xuất, mổ thịt, cắt, lên men, chưng cất, moi ruột, bảo quản, khử nước, ướp lạnh, làm lạnh hoặc sản xuất khác và bao gồm đóng gói, đóng hộp, đóng chai hoặc thực phẩm được đóng bằng phương pháp khác trong thùng công-ten-nơ có thể được dùng để chế biến sản phẩm nông nghiệp được sản xuất hữu cơ vì mục đích làm chậm quá trình thối rữa thức ăn hoặc mặt khác chuẩn bị sản phẩm nông nghiệp cho thị trường.

(b) Các chất phi nông nghiệp cho phép trong §205.605 và các sản phẩm nông nghiệp được sản xuất vô cơ trong §205.606 có thể được sử dụng:

(1) Trong hoặc về sản phẩm nông nghiệp đã chế biến có ý định bán, ghi nhãn hoặc miêu tả là “hữu cơ” căn cứ vào §205.301(b), nếu về mặt thương mại không có sẵn dưới dạng hữu cơ.

(2) Trong hoặc về sản phẩm nông nghiệp đã chế biến có ý định bán, ghi nhãn hoặc miêu tả là “làm bằng hữu cơ (các thành phần hoặc (các) nhóm thực phẩm hữu cơ qui định)” căn cứ vào §205.301(c).

(c) Người xử lý hoạt động xử lý hữu cơ không được sử dụng trong hoặc về các sản phẩm nông nghiệp có ý định bán, ghi nhãn hoặc miêu tả là “100% hữu cơ”, “hữu cơ” hoặc “làm bằng hữu cơ (các thành phần hoặc (các) nhóm thực phẩm hữu cơ qui định)” hoặc trong hoặc về bất kỳ thành phần ghi nhãn nào là hữu cơ:

(1) Các thực tiễn bị cấm trong các đoạn (e) và (f) của §205.105.

(2) Dung môi nhân tạo dễ bay hơi hoặc hỗ trợ chế biến nhân tạo khác không cho phép trong §205.605: *Trừ*, việc các thành phần vô cơ trong các sản phẩm ghi nhãn “làm bằng hữu cơ (các thành phần hoặc (các) nhóm thực phẩm hữu cơ qui định)” không phụ thuộc vào yêu cầu này.

§205.271 Tiêu chuẩn về thực tiễn quản lý loài gây hại đến trang thiết bị

(a) Người sản xuất hoặc người xử lý cơ sở hữu cơ phải áp dụng các thực tiễn quản lý để ngăn ngừa các loài gây hại bao gồm nhưng không hạn chế:

(1) Loại bỏ môi trường sống của loài gây hại, nguồn thức ăn và các khu vực nuôi trồng;

(2) Phòng tránh tiếp cận các trang thiết bị xử lý; và

(3) Quản lý các nhân tố môi trường như nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm, khí quyển và tuần hoàn không khí để tránh tái sinh loài gây hại.

(b) Các loài gây hại có thể được kiểm soát thông qua:

(1) Kiểm soát cơ học hoặc vật lý bao gồm nhưng không hạn chế bẫy, ánh sáng hoặc âm thanh; hoặc

(2) Chim giả và thuốc diệt sâu bọ sử dụng các chất tự nhiên hoặc nhân tạo phù hợp với Danh mục quốc gia.

(c) Nếu các thực tiễn qui định trong các đoạn (a) và (b) của mục này không có hiệu quả trong việc phòng ngừa hoặc kiểm soát các loài gây hại thì có thể phun chất tự nhiên hoặc nhân tạo phù hợp với Danh mục quốc gia.

(d) Nếu các thực tiễn qui định trong các đoạn (a), (b) và (c) của mục này không có hiệu quả trong việc phòng ngừa hoặc kiểm soát các loài gây hại trang thiết bị thì có thể phun chất nhân tạo không có trong Danh mục quốc gia: *Miễn là*, người xử lý và cơ quan đại diện chứng nhận đồng ý sử dụng chất đó, phương pháp phun và áp dụng các biện pháp để tránh tiếp xúc của các sản phẩm được sản xuất hữu cơ hoặc các thành phần với chất sử dụng.

(e) Người xử lý hoạt động xử lý hữu cơ sử dụng chất tự nhiên hoặc nhân tạo để phòng ngừa hoặc kiểm soát các loài gây hại phải cập nhật kế hoạch xử lý hữu cơ của hoạt động này để phản ánh sự sử dụng các chất đó và các phương pháp phun. Kế hoạch hữu cơ cập nhật phải đưa vào danh mục của tất cả các biện pháp áp dụng để tránh các sản phẩm được sản xuất hữu cơ hoặc các thành phần tiếp xúc với chất sử dụng.

(f) Mặc dù các thực tiễn qui định trong các đoạn (a), (b), (c) và (d) của mục này, người xử lý có thể sử dụng các chất khác để phòng tránh hoặc kiểm soát các loài gây hại theo qui định trong Luật và qui định của địa phương, nhà nước hoặc liên bang: *Miễn là*, các biện pháp được áp dụng để tránh các sản phẩm được sản xuất hữu cơ hoặc các thành phần tiếp xúc với chất sử dụng.

§205.272 Tiêu chuẩn thực tiễn phòng ngừa sự trộn lẫn và tiếp xúc với chất bị cấm

(a) Người xử lý hoạt động xử lý hữu cơ phải thực hiện các biện pháp cần thiết để tránh trộn lẫn các sản phẩm hữu cơ và vô

cơ và bảo vệ các sản phẩm hữu cơ không tiếp xúc với các chất bị cấm.

(b) Các chất dưới đây bị cấm sử dụng trong việc xử lý bất kỳ sản phẩm nông nghiệp được sản xuất hữu cơ hoặc thành phần ghi nhãn theo phần phụ D của phần này:

(1) Các nguyên liệu đóng gói và các thùng bảo quản, hoặc thùng mà có chứa thuốc diệt nấm, chất bảo quản hoặc thuốc xông nhân tạo;

(2) Sử dụng hoặc tái sử dụng bất kỳ túi hoặc thùng nào mà tiếp xúc với bất kỳ chất nào theo cách để dàn xếp tính thống nhất hữu cơ của bất kỳ sản phẩm hoặc thành phần được sản xuất hữu cơ nào được đặt trong các thùng chứa đó trừ phi túi hoặc thùng sử dụng lại này đã làm thật sạch và không có rủi ro khi xúc sản phẩm hoặc thành phần được sản xuất hữu cơ tiếp xúc với chất sử dụng.

§205.273-205.289 [Bảo lưu]

§205.290 Những khác biệt tạm thời

(a) Những khác biệt tạm thời so với những yêu cầu từ §205.203 đến §205.207, từ §205.236 đến 205.239 và từ §205.270 đến §205.272 có thể được Người quản lý tạo ra vì các lý do sau:

(1) Thảm họa tự nhiên theo tuyên bố của Bộ trưởng;

(2) Thiệt hại do hạn hán, gió, lũ lụt, quá ẩm, mưa đá, cơn lốc xoáy, động đất, hỏa hoạn hoặc những cản trở hoạt động khác; và

(3) Các thực tiễn được sử dụng để tiến hành nghiên cứu và thử nghiệm các phương pháp kỹ thuật, các loài hoặc các thành phần

được sử dụng trong sản xuất hoặc xử lý hữu cơ.

(b) Cán bộ bang quản lý Chương trình Hữu cơ của bang hoặc cơ quan đại diện chứng nhận có văn bản đề nghị Nhà quản lý phải thiết lập sự khác biệt tạm thời so với tiêu chuẩn được qui định tại phần phụ C của phần này đối với các quá trình sản xuất hoặc xử lý hữu cơ: *Miễn là*, sự khác biệt đó được dựa vào một hoặc nhiều lý do nêu trong đoạn (a) của mục này.

(c) Nhà quản lý sẽ có văn bản thông báo cho các cơ quan đại diện chứng nhận sau khi thiết lập sự khác biệt tạm thời có thể áp dụng cho các hoạt động sản xuất hoặc xử lý được chứng nhận của cơ quan đại diện chứng nhận và xác định rõ thời gian mà nó vẫn còn hiệu lực, phụ thuộc vào sự gia hạn nếu Nhà quản lý cho là cần thiết.

(d) Sau khi thông báo của Nhà quản lý về việc thiết lập sự khác biệt tạm thời, cơ quan đại diện chứng nhận phải thông báo từng hoạt động sản xuất hoặc xử lý mà cơ quan này chứng thực cho việc áp dụng khác biệt tạm thời.

(e) Những khác biệt tạm thời không được chấp nhận đối với bất kỳ thực tiễn, nguyên liệu hoặc qui trình bị cấm trong §205.105.

§§205.291-205.299 [Bảo lưu]

Phần phụ D – Nhãn, Ghi nhãn và Thông tin Thị trường

§205.300 Sử dụng thuật ngữ “hữu cơ”.

(a) Thuật ngữ “hữu cơ” có thể chỉ được sử dụng trên các nhãn và trong việc ghi nhãn các sản phẩm nông nghiệp thô hoặc đã chế biến kể cả các thành phần, mà đã được sản xuất và xử lý theo các qui định

trong phần này. Thuật ngữ “hữu cơ” không được sử dụng cho tên sản phẩm để sửa đổi thành phần vô cơ trong sản phẩm đó.

(b) Các sản phẩm để xuất khẩu, được sản xuất và chứng nhận theo các tiêu chuẩn hữu cơ quốc gia của nước ngoài hoặc các yêu cầu của người mua hợp đồng nước ngoài có thể được ghi nhãn theo các yêu cầu ghi nhãn hữu cơ của nước nhận hoặc người mua theo hợp đồng: *Miễn là*, các công-te-nơ chuyên chở và vận đơn đáp ứng các yêu cầu dán nhãn qui định trong §205.307(c).

(c) Các sản phẩm được sản xuất ở nước ngoài và được xuất khẩu để bán tại Mỹ phải được chứng nhận căn cứ theo phần phụ E của phần này và ghi nhãn theo phần phụ D này.

(d) Thức ăn cho vật nuôi được sản xuất theo các yêu cầu của phần này phải được ghi nhãn theo các yêu cầu của §205.306.

§205.301 Thành phần cấu tạo của sản phẩm

(a) Các sản phẩm được bán, ghi nhãn hoặc miêu tả là “100% hữu cơ”. Các sản phẩm nông nghiệp thô hoặc đã chế biến được bán, ghi nhãn hoặc miêu tả là “100% hữu cơ” phải gồm (theo trọng lượng hoặc thể tích lỏng, không kể nước và muối) 100% các thành phần được sản xuất hữu cơ. Nếu ghi nhãn là được sản xuất hữu cơ thì sản phẩm đó phải được ghi nhãn theo §205.303.

(b) Các sản phẩm được bán, ghi nhãn hoặc miêu tả là “hữu cơ”. Các sản phẩm nông nghiệp thô hoặc đã chế biến được bán, ghi nhãn hoặc miêu tả là “hữu cơ” phải gồm (theo trọng lượng hoặc thể tích

lông, không kể nước và muối) không dưới 95% các sản phẩm nông nghiệp thô hoặc đã chế biến được sản xuất hữu cơ. Bất kỳ các thành phần còn lại nào của sản phẩm phải được sản xuất hữu cơ, trừ phi về mặt thương mại không có sẵn dưới dạng hữu cơ, hoặc phải là các chất phi nông nghiệp hoặc các sản phẩm nông nghiệp được sản xuất vô cơ được sản xuất phù hợp với Danh mục quốc gia trong phần phụ G của phần này. Nếu ghi nhãn là được sản xuất hữu cơ thì sản phẩm đó phải được ghi nhãn theo §205.303.

(c) *Các sản phẩm được bán, ghi nhãn hoặc miêu tả là “làm bằng hữu cơ (các thành phần hoặc (các) nhóm thực phẩm qui định)”*. Sản phẩm nông nghiệp đa thành phần được bán, ghi nhãn hoặc miêu tả là “làm bằng hữu cơ (các thành phần hoặc (các) nhóm thực phẩm qui định)” phải chứa (theo trọng lượng hoặc thể tích lỏng, không kể nước và muối) ít nhất 70% các thành phần được sản xuất hữu cơ mà được sản xuất và xử lý theo các yêu cầu trong phần phụ C của phần này. Không có thành phần nào có thể được sản xuất sử dụng các thực tiễn bị cấm qui định trong các đoạn (f)(1), (2) và (3) của §205.301. Các thành phần vô cơ có thể được sản xuất không đề cập đến đoạn (f)(4), (5), (6) và (7) của §205.301. Nếu ghi nhãn là có chứa các thành phần hoặc các nhóm thực phẩm được sản xuất hữu cơ thì sản phẩm đó phải được ghi nhãn theo §205.304.

(d) *Các sản phẩm có dưới 70% các thành phần được sản xuất hữu cơ*. Các thành phần hữu cơ trong sản phẩm nông nghiệp đa thành phần có chứa 70% thành phần được sản xuất hữu cơ (theo trọng lượng

hoặc thể tích lỏng, không kể nước và muối) phải được sản xuất và xử lý theo các yêu cầu trong phần phụ C của phần này. Các thành phần vô cơ có thể được sản xuất không liên quan đến các yêu cầu của phần này. Sản phẩm nông nghiệp đa thành phần có chứa 70% thành phần được sản xuất hữu cơ có thể thể hiện bản chất hữu cơ của sản phẩm chỉ như qui định trong §205.305.

(e) *Thức ăn cho vật nuôi*. (1) Sản phẩm thức ăn cho vật nuôi thô hoặc chế biến được bán, ghi nhãn hoặc miêu tả là “100% hữu cơ” phải có chứa (theo trọng lượng hoặc thể tích lỏng, không kể nước và muối) không dưới 100% sản phẩm nông nghiệp thô hoặc đã chế biến được sản xuất hữu cơ.

(2) Sản phẩm thức ăn cho vật nuôi thô hoặc chế biến được bán, ghi nhãn hoặc miêu tả là “100% hữu cơ” phải được sản xuất tuân theo §205.237.

(f) Tất cả sản phẩm ghi nhãn là “100% hữu cơ” hoặc “hữu cơ” và tất cả các thành phần được xác định là “hữu cơ” trong công bố thành phần của bất kỳ sản phẩm nào không được:

(1) Sản xuất áp dụng các phương pháp không chấp thuận căn cứ theo §201.105(e) của chương này;

(2) Sản xuất sử dụng bùn công, căn cứ theo §201.105(f) của chương này;

(3) Sản xuất sử dụng phóng xạ i-on hoá, căn cứ theo §201.105(g) của chương này;

(4) Chế biến sử dụng các phương tiện trợ giúp chế biến không được chấp thuận cho Danh mục các chất cho phép và cấm quốc gia trong phần phụ G của phần này: Trừ, các sản phẩm có ghi nhãn là “100% hữu

co” nếu chế biến, phải được chế biến sử dụng các phương tiện trợ giúp chế biến được sản xuất hữu cơ;

(5) Có chứa sulphite, nitrat hoặc nitrit được thêm vào trong quá trình sản xuất hoặc xử lý, trừ khi, rượu có chứa sulphit bổ sung có thể được ghi nhãn là “làm từ quả nho hữu cơ”;

(6) Được sản xuất sử dụng các thành phần vô cơ khi có sẵn các thành phần hữu cơ; hoặc

(7) Đưa vào các dạng hữu cơ và vô cơ của cùng thành phần.

§205.302 Tính toán phần trăm các thành phần được sản xuất hữu cơ

(a) Tỷ lệ phần trăm của tất cả các thành phần sản xuất hữu cơ trong sản phẩm nông nghiệp được bán, ghi nhãn hoặc miêu tả là “100% hữu cơ”, “hữu cơ” hoặc “làm bằng hữu cơ (các thành phần hoặc (các) nhóm thực phẩm qui định)” hoặc mà bao gồm các thành phần hữu cơ phải được tính toán bằng cách:

(1) Chia tổng trọng lượng thực (không kể nước và muối) của các thành phần hữu cơ kết hợp khi lập công thức cho tổng trọng lượng (không kể nước và muối) của thành phẩm.

(2) Chia thể tích lỏng của tất cả các thành phần hữu cơ (không kể nước và muối) chia cho thể tích lỏng của thành phẩm (không kể nước và muối) nếu sản phẩm đó và các thành phần đều lỏng. Nếu sản phẩm lỏng được xác định trên bảng niêm yết chính hoặc bảng thông tin như được hoàn nguyên từ chất cô đặc thì nên tính toán trên cơ sở

cô đặc nồng độ đơn của các thành phần và thành phẩm.

(3) Đối với các sản phẩm có chứa các thành phần được sản xuất hữu cơ dưới dạng lỏng và rắn, chia trọng lượng kết hợp của các thành phần rắn và trọng lượng của các thành phần lỏng (không kể nước và muối) cho tổng trọng lượng (không kể nước và muối) của thành phẩm.

(b) Tỷ lệ phần trăm của tất cả các thành phần được sản xuất hữu cơ trong sản phẩm nông nghiệp phải được làm tròn xuống số nguyên gần nhất.

(c) Tỷ lệ phần trăm phải do người xử lý xác định và người xử lý gắn nhãn trên gói hàng tiêu dùng và được cơ quan đại diện chứng nhận thẩm tra. Người xử lý có thể sử dụng thông tin được cung cấp qua hoạt động chứng nhận trong việc xác định tỷ lệ phần trăm.

§205.303 Các sản phẩm đóng gói ghi nhãn “100% hữu cơ” hoặc ‘hữu cơ’

(a) Các sản phẩm nông nghiệp trong các gói hàng được mô tả trong §205.301(a) và (b) có thể, trên bảng niêm yết chính, trong bảng thông tin và bất kỳ bảng nào khác của gói hàng và trên bất kỳ thông tin ghi nhãn hoặc thị trường nào về sản phẩm, biểu lộ những điểm dưới đây:

(1) Thuật ngữ “100% hữu cơ” hoặc “hữu cơ”, nếu áp dụng, để sửa đổi tên sản phẩm;

(2) Đối với các sản phẩm ghi nhãn “hữu cơ”, tỷ lệ phần trăm thành phần hữu cơ trong sản phẩm; (kích thước của bản công bố tỷ lệ phần trăm không được lớn quá một nửa kích thước của kích thước loại lớn nhất trên bảng mà bản công bố trình bày và phải

xuất hiện hoàn toàn theo kích thước, kiểu dáng và màu sắc cùng loại chứ không làm nổi bật).

(3) Thuật ngữ “hữu cơ”, để xác định các thành phần hữu cơ trong các sản phẩm đa thành phần ghi nhãn “100% hữu cơ”;

(4) Dấu niêm phong của USDA; và/hoặc

(5) Dấu, biểu trưng hoặc dấu nhận biết khác của cơ quan đại diện chứng nhận mà đã chứng nhận quá trình sản xuất hoặc xử lý sản xuất thành phẩm và bất kỳ cơ quan chứng nhận nào khác mà đã chứng nhận quá trình sản xuất hoặc xử lý sản xuất sản phẩm hữu cơ thô hoặc các thành phần hữu cơ được sử dụng trong thành phẩm: *Với điều kiện là*, người xử lý sản xuất thành phẩm lưu giữ hồ sơ sổ sách, căn cứ theo phần này, thẩm tra giấy chứng nhận các hoạt động hữu cơ sản xuất các thành phần đó, và: *Với điều kiện hơn nữa là*, các dấu niêm phong hoặc dấu nhận biết đó không được niêm yết riêng rẽ dễ thấy hơn dấu niêm phong của USDA.

(b) Các sản phẩm nông nghiệp trong các gói hàng mô tả trong §205.301(a) và (b) phải:

(1) Đối với các sản phẩm ghi nhãn “hữu cơ”, xác định từng thành phần hữu cơ trong bản công bố thành phần bằng từ “hữu cơ” hoặc bằng dấu hoa thị hoặc dấu chỉ dẫn tham khảo mà được qui định rõ dưới bản công bố thành phần để chỉ ra thành phần được sản xuất hữu cơ. Nước và muối được đưa vào trong các thành phần không thể được xác định là hữu cơ.

(2) Trên bảng thông tin, dưới thông tin nhận biết người xử lý hoặc người phân phối sản phẩm và trước là bản công bố “chất

hữu cơ được chứng thực bởi ***,” hoặc cụm từ tương tự, nhận biết tên của cơ quan đại diện chứng nhận mà đã chứng nhận người xử lý thành phẩm và có thể niêm yết địa chỉ công ty, địa chỉ Internet hoặc số điện thoại của cơ quan đại diện chứng nhận trong nhãn đó.

§205.304 Các sản phẩm đóng gói ghi nhãn “làm bằng hữu cơ (các thành phần hoặc (các) nhóm thực phẩm qui định)”

(a) Các sản phẩm nông nghiệp trong các gói hàng mô tả trong §205.301(c) có thể biểu thị trên bảng niêm yết chính, bảng thông tin và bất kỳ bảng nào khác và trên bất kỳ thông tin ghi nhãn hoặc thị trường nào về sản phẩm:

(1) Bản công bố:

(i) “Làm bằng hữu cơ (các thành phần qui định)”: *Với điều kiện là*, bản công bố không liệt kê nhiều hơn ba thành phần được sản xuất hữu cơ; hoặc

(ii) “Làm bằng hữu cơ (các nhóm thực phẩm qui định)”: *Với điều kiện là*, bản công bố nhiều hơn ba nhóm thực phẩm sau đây: đậu, cá, hoa quả, ngũ cốc, thảo mộc, thịt, quả hạch, dầu, gia cầm, hạt, gia vị, chất làm ngọt và rau quả hoặc các sản phẩm sữa đã chế biến; và, *Với điều kiện hơn nữa là*, tất cả các thành phần của từng nhóm thực phẩm liệt kê trong sản phẩm đó phải được sản xuất hữu cơ; và

(iii) Mà xuất hiện trong các chữ mà không lớn hơn một nửa kích thước của kích thước loại lớn nhất trên bảng và xuất hiện hoàn toàn theo kích thước, kiểu dáng và màu sắc cùng loại chứ không làm nổi bật.

(2) Tỷ lệ phần trăm của các thành phần hữu cơ trong sản phẩm. Kích thước của bản công bố tỷ lệ phần trăm không được lớn quá một nửa kích thước của loại lớn nhất trên bảng mà bản công bố thể hiện và phải xuất hiện hoàn toàn theo kích thước, kiểu dáng và màu sắc cùng loại chứ không làm nổi bật.

(3) Dấu niêm phong, biểu trưng hoặc dấu nhận biết khác của cơ quan đại diện chứng nhận mà đã chứng nhận người xử lý thành phẩm.

(b) Các sản phẩm nông nghiệp trong các gói hàng mô tả trong §205.301(c) phải:

(1) Trong bản công bố thành phần, xác định từng thành phần hữu cơ bằng từ “hữu cơ” hoặc bằng dấu hoa thị hoặc dấu chỉ dẫn tham khảo khác mà được xác định dưới bản công bố thành phần để chỉ ra thành phần được sản xuất hữu cơ. Nước và muối được đưa vào trong các thành phần không thể được xác định là hữu cơ.

(2) Trên bảng thông tin, dưới thông tin nhận biết người xử lý hoặc người phân phối sản phẩm và trước là bản công bố “chất hữu cơ được chứng nhận bởi ***,” hoặc cụm từ tương tự, nhận biết tên của cơ quan đại diện chứng nhận mà đã chứng nhận người xử lý thành phẩm: *Trừ việc*, mà địa chỉ công ty, địa chỉ Internet hoặc số điện thoại của cơ quan đại diện chứng nhận có thể được đưa vào trong nhãn đó.

(c) Các sản phẩm nông nghiệp trong các gói hàng mô tả trong §205.301(c) không phải niêm yết dấu niêm phong của USDA.

§205.305 Các sản phẩm đóng gói đa thành phần có dưới 70% thành phần được sản xuất hữu cơ

(a) Một sản phẩm nông nghiệp có dưới 70% thành phần được sản xuất hữu cơ chỉ có thể xác định được hàm lượng hữu cơ của sản phẩm bằng cách:

(1) Nhận biết từng thành phần được sản xuất hữu cơ trong bản công bố thành phần bằng từ “hữu cơ” hoặc bằng dấu hoa thị hoặc dấu chỉ dẫn tham khảo khác mà được xác định dưới bản công bố thành phần để chỉ ra thành phần được sản xuất hữu cơ, và

(2) Nếu thành phần được sản xuất hữu cơ được nhận biết trong bản công bố thành phần thì niêm yết tỷ lệ phần trăm hàm lượng hữu cơ của sản phẩm trên bảng thông tin.

(b) Các sản phẩm nông nghiệp có dưới 70% thành phần được sản xuất hữu cơ không phải thể hiện:

(1) Dấu niêm phong của USDA; và

(2) Bất kỳ dấu niêm phong, biểu trưng hoặc dấu nhận biết khác của cơ quan đại diện chứng nhận mà thể hiện giấy chứng nhận hữu cơ của sản phẩm hoặc các thành phần của sản phẩm.

§205.306 Ghi nhãn thức ăn cho vật nuôi

(a) Các sản phẩm thức ăn cho vật nuôi mô tả trong §205.301(e)(1) và (e)(2) có thể niêm yết trên bất kỳ bảng gói hàng nào các thuật ngữ sau đây:

(1) Công bố “100% hữu cơ” hoặc “hữu cơ”, nếu áp dụng, để sửa đổi tên của sản phẩm thức ăn cho vật nuôi;

(2) Dấu niêm phong của USDA;

(3) Dấu niêm phong, biểu trưng hoặc dấu nhận biết khác của cơ quan đại diện chứng nhận mà đã chứng nhận quá trình sản xuất

hoặc xử lý sản xuất các thành phần hữu cơ thô hoặc đã chế biến sử dụng trong thành phẩm: *Miễn là*, những dấu niêm phong hoặc những dấu hiệu đó không được trình bày dễ thấy hơn dấu niêm phong của USDA.

(4) Từ “hữu cơ” hoặc bằng dấu hoa thị hoặc dấu chỉ dẫn tham khảo khác mà được xác định trên gói hàng để nhận biết các thành phần mà được sản xuất hữu cơ. Nước và muối được đưa vào trong các thành phần không thể được xác định là hữu cơ.

(b) Các sản phẩm thức ăn cho vật nuôi mô tả trong §205.301(e)(1) và (e)(2) phải:

(1) Trên bảng thông tin, dưới thông tin nhận biết người xử lý hoặc người phân phối sản phẩm và trước là bản công bố “chất hữu cơ được chứng thực bởi ***,” hoặc cụm từ tương tự, niêm yết tên của cơ quan đại diện chứng nhận mà đã chứng nhận người xử lý thành phẩm. Địa chỉ công ty, địa chỉ Internet hoặc số điện thoại của cơ quan đại diện chứng nhận có thể được đưa vào trong nhãn đó.

(2) Tuân theo các yêu cầu ghi nhãn thức ăn cho gia súc của Nhà nước hoặc cơ quan Liên bang khác khi áp dụng.

§205.307 Ghi nhãn các công-te-nơ không bán lẻ chỉ được dùng cho chuyên chở hoặc lưu kho các sản phẩm nông nghiệp thô hoặc đã chế biến có ghi nhãn là “100% hữu cơ”, “hữu cơ” hoặc “làm bằng hữu cơ (các thành phần hoặc (các) nhóm thực phẩm qui định)”.

(a) Các công-te-nơ không bán lẻ được dùng chỉ để chuyên chở hoặc lưu kho sản phẩm nông nghiệp thô hoặc đã chế biến

được ghi nhãn là có chứa các thành phần hữu cơ có thể niêm yết các thuật ngữ hoặc dấu hiệu sau đây:

(1) Tên và thông tin liên lạc của cơ quan đại diện chứng nhận mà đã chứng nhận người xử lý thu thập sản phẩm cuối cùng;

(2) Nhận biết sản phẩm là hữu cơ;

(3) Các chỉ dẫn xử lý đặc biệt cần thiết để đảm bảo tính thống nhất hữu cơ của sản phẩm;

4) Dấu niêm phong của USDA;

(5) Dấu niêm phong, biểu trưng hoặc dấu nhận biết khác của cơ quan đại diện chứng nhận mà đã chứng nhận quá trình sản xuất hoặc xử lý hữu cơ mà đã sản xuất hoặc đã xử lý thành phẩm.

(b) Các công-te-nơ không bán lẻ được dùng để chuyên chở hoặc lưu kho sản phẩm nông nghiệp thô hoặc đã chế biến được ghi nhãn là có chứa các thành phần hữu cơ phải niêm yết số lô sản xuất của sản phẩm nếu áp dụng.

(c) Các công-te-nơ chuyên chở sản phẩm được sản xuất trong nước được ghi nhãn là hữu cơ để xuất khẩu ra các thị trường nước ngoài có thể được ghi nhãn theo bất kỳ yêu cầu ghi nhãn công-te-nơ chuyên chở nào của nơi đến hoặc các qui định ghi nhãn công-te-nơ của người mua nước ngoài: *Với điều kiện là*, các công-te-nơ chuyên chở và vận đơn đi kèm các sản phẩm hữu cơ được chỉ rõ “Chỉ cho xuất khẩu” và: *Với điều kiện hơn nữa là*, bằng chứng của việc đánh dấu công-te-nơ đó và xuất khẩu phải được người xử lý giữ phù hợp với các yêu cầu lưu sổ sách đối với các hoạt động được miễn và loại trừ trong §205.101.

§205.308 Các sản phẩm nông nghiệp dưới dạng đóng gói khác tại điểm bán lẻ mà được bán, ghi nhãn hoặc miêu tả là “100% hữu cơ” hoặc “hữu cơ”.

(a) Các sản phẩm nông nghiệp dưới dạng đóng gói khác có thể sử dụng thuật ngữ “100% hữu cơ” hoặc “hữu cơ”, nếu áp dụng, để sửa đổi tên của sản phẩm trong các công-te-nơ bày hàng bán lẻ, ghi nhãn và bày hàng: *Với điều kiện là*, thuật ngữ “hữu cơ” được sử dụng để nhận biết các thành phần hữu cơ ghi trong bản công bố thành phần.

(b) Nếu sản phẩm được chuẩn bị trong cơ sở được kiểm nghiệm thì các công-te-nơ bày hàng bán lẻ, ghi nhãn và bày hàng có thể sử dụng:

(1) Dấu niêm phong của USDA; và

(2) Dấu niêm phong, biểu trưng hoặc dấu nhận biết khác của cơ quan đại diện chứng nhận mà đã chứng nhận quá trình sản xuất và xử lý sản xuất thành phẩm và bất kỳ cơ quan đại diện chứng nhận nào khác mà đã chứng nhận các hoạt động sản xuất sản phẩm thô hoặc hữu cơ hoặc các thành phần sử dụng trong thành phẩm: *Với điều kiện là*, những dấu niêm phong hoặc dấu hiệu đó không được trình bày riêng rẽ dễ thấy hơn dấu niêm phong của USDA.

§205.309 Các sản phẩm nông nghiệp dưới dạng đóng gói khác tại điểm bán lẻ mà được bán, ghi nhãn hoặc miêu tả là “làm bằng hữu cơ (các thành phần hoặc (các) nhóm thực phẩm qui định)”.

(a) Các sản phẩm nông nghiệp dưới dạng đóng gói khác có chứa từ 70 đến 95% thành phần được sản xuất hữu cơ có thể sử dụng cụm từ “làm bằng hữu cơ (các thành

phần hoặc (các) nhóm thực phẩm qui định)”, để sửa đổi tên của sản phẩm trong trung bày bán lẻ, ghi nhãn và các công-te-nơ bày hàng.

(1) Bản công bố đó không phải liệt kê hơn ba thành phần hữu cơ hoặc các nhóm thực phẩm, và

(2) Trong bất kỳ sự biểu thị nào của bản công bố thành phần của sản phẩm đó, các thành phần hữu cơ được nhận biết là “hữu cơ”.

(b) Nếu được chuẩn bị trong cơ sở được kiểm nghiệm thì các sản phẩm nông nghiệp đó được ghi nhãn là “làm bằng hữu cơ (các thành phần hoặc (các) nhóm thực phẩm qui định)” trong trung bày bán lẻ, các công-te-nơ bày hàng và thông tin thị trường có thể trình bày dấu niêm phong, biểu trưng hoặc dấu nhận biết khác của cơ quan đại diện chứng nhận.

§205.310 Các sản phẩm nông nghiệp được sản xuất nhờ vào hoạt động được miễn hoặc loại trừ.

(a) Một sản phẩm nông nghiệp được sản xuất hoặc xử lý hữu cơ nhờ vào hoạt động được miễn hoặc loại trừ không được:

(1) Niêm yết dấu niêm phong của USDA hoặc bất kỳ dấu niêm phong nào của cơ quan đại diện chứng nhận hoặc dấu nhận biết khác mà cho hoạt động được miễn hoặc loại trừ là hoạt động hữu cơ được chứng nhận, hoặc

(2) Cho là sản phẩm hữu cơ được chứng nhận hoặc thành phần hữu cơ được chứng nhận đối với bất kỳ người mua nào.

(b) Một sản phẩm nông nghiệp được sản xuất hoặc xử lý hữu cơ nhờ vào hoạt động

được miễn hoặc loại trừ có thể được nhận biết là sản phẩm hữu cơ hoặc thành phần hữu cơ trong sản phẩm đa thành phần được sản xuất bằng hoạt động được miễn hoặc loại trừ. Sản phẩm hoặc thành phần đó không được nhận biết hoặc cho là “hữu cơ” trong sản phẩm được hoạt động khác chế biến.

(c) Sản phẩm đó phụ thuộc vào các yêu cầu qui định trong đoạn (a) của §205.300 và các đoạn từ (f)(1) đến (f)(7) của §205.301.

§205.311 Dấu niêm phong của USDA

(a) Dấu niêm phong của USDA được mô tả trong các đoạn (b) và (c) của mục này có thể được dùng chỉ cho các sản phẩm nông nghiệp thô hoặc đã chế biến như mô tả trong các đoạn (a), (b), (e)(1) và (e)(2) của §205.301.

(b) Dấu niêm phong của USDA phải tái tạo hình dạng và kiểu mẫu trong Hình 1 và phải được in rõ ràng và dễ đọc:

(1) Trên nền trắng với hình tròn ngoài màu nâu và với thuật ngữ “USDA”, phủ màu xanh lá cây cho nửa hình tròn trên màu trắng và với thuật ngữ “hữu cơ” trong phủ trắng nửa hình tròn dưới màu xanh lá cây; hoặc

(2) Trên nền trắng hoặc trong suốt với hình tròn ngoài đen và “USDA” đen trên nửa hình tròn trên màu trắng hoặc trong suốt với “hữu cơ” màu trắng hoặc trong suốt tương phản trên nửa hình tròn dưới màu đen.

(3) Nửa vòng tròn dưới đen hoặc màu xanh lá cây có thể có bốn dòng kẻ sáng chạy từ trái sang phải và biến mất tại điểm

phía chân trời bên phải để giống với cánh đồng có trồng trọt.



Hình 1

§205.312-205.399 [Bảo lưu]

Phần phụ E - Giấy chứng nhận

§205.400 Các yêu cầu chung về cấp giấy chứng nhận

Một người xin nhận hoặc giữ giấy chứng nhận hữu cơ theo các qui định trong phần này phải;

(a) Tuân thủ Đạo luật và các qui định về sản xuất và xử lý hữu cơ có thể áp dụng được của phần này;

(b) Thiết lập, thực hiện và cập nhật hàng năm kế hoạch về phương thức sản xuất hoặc xử lý hữu cơ mà được nộp cho cơ quan đại diện chứng nhận được công nhận chính thức như qui định trong §205.200;

(c) Cho phép kiểm tra tại nơi nuôi trồng được tiếp cận hoàn toàn hoạt động sản xuất hoặc xử lý kể cả các khu vực, cơ cấu và văn phòng sản xuất và xử lý chưa được chứng nhận bởi cơ quan đại diện chứng nhận như qui định trong §205.403;

(d) Giữ tất cả hồ sơ sổ sách thích hợp với hoạt động hữu cơ tối thiểu là 5 năm đến mức không tạo ra được nữa và cho phép các đại diện uỷ quyền của Bộ trưởng, Cán bộ Bang quản lý Chương trình hữu cơ của

bang thích hợp và cơ quan đại diện chứng nhận có quyền sử dụng những hồ sơ đó trong giờ làm việc bình thường để xem xét và sao chụp nhằm xác định sự tuân thủ Đạo luật và các qui định trong phần này như qui định trong §205.104;

(e) Nộp các lệ phí thích hợp do cơ quan đại diện chứng nhận tính; và

(f) Ngay lập tức thông báo với cơ quan đại diện chứng nhận về bất kỳ:

(1) Sự phun, kể cả sự trôi giạt một chất bị cấm nào lên bất kỳ cánh đồng, đơn vị sản xuất, nơi nuôi trồng, cơ sở, vật nuôi hoặc sản phẩm mà là một phần của hoạt động; và

(2) Thay đổi về hoạt động được chứng nhận hoặc một phần hoạt động được chứng nhận mà có thể ảnh hưởng đến sự tuân thủ Đạo luật và các qui định trong phần này.

§205.401 Đơn xin cấp giấy chứng nhận

Một người xin cấp giấy chứng nhận về hoạt động sản xuất hoặc xử lý theo phần phụ này phải nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận cho cơ quan đại diện chứng nhận. Đơn phải gồm các thông tin sau đây:

(a) Kế hoạch về hệ thống sản xuất hoặc xử lý hữu cơ như qui định trong §205.200;

(b) Tên của người điền đầy đủ vào đơn; tên công ty, địa chỉ, số điện thoại của người nộp đơn; và, khi người nộp đơn là một công ty thì tên, địa chỉ và số điện thoại của người được uỷ quyền hành động thay mặt người nộp đơn;

(c) (Các) tên của bất kỳ cơ quan đại diện chứng nhận hữu cơ mà đơn trước đó đã đề cập đến; (các) năm của đơn xin; kết quả của nộp đơn xin bao gồm, khi có, một bản

sao thông báo sự không tuân theo nào hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận được ban hành cho người nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận; và mô tả các hoạt động do người nộp đơn tiến hành để hiệu chỉnh những chỗ không tuân theo nêu trong thông báo không tuân theo bao gồm cả bằng chứng về sự hiệu chỉnh đó; và

(d) Những thông tin khác cần thiết để xác định sự tuân thủ Đạo luật và các quy định trong phần này.

§205.402 Xem xét lại đơn xin

(a) Sau khi chấp nhận đơn xin cấp giấy chứng nhận, cơ quan đại diện chứng nhận phải:

(1) Xem xét lại đơn xin để đảm bảo chắc chắn đã điền đầy đủ theo §205.401;

(2) Xác định bằng cách xem xét các tài liệu nộp cho dù người nộp đơn hình như tuân theo hay có thể tuân theo các yêu cầu áp dụng của phần phụ C của phần này;

(3) Kiểm tra việc người nộp đơn mà trước đó đã nộp đơn cho một cơ quan đại diện chứng nhận nào khác và nhận được thông báo không tuân thủ hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận theo §205.405 đã nộp hồ sơ để hỗ trợ hiệu chỉnh sự không tuân theo trong thông báo không tuân theo hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận theo qui định trong §205.405(e); và

(4) Lập kế hoạch kiểm tra tại nơi nuôi trồng của cơ sở hoạt động để xác định liệu người nộp đơn có đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận hay không nếu rà soát các tài liệu trong đơn cho thấy rằng hoạt động sản xuất hoặc xử lý có thể tuân theo các yêu

cầu thích hợp của phần phụ C của phần này.

(b) Cơ quan đại diện chứng nhận trong thời gian hợp lý phải:

(1) Xem xét lại các tài liệu trong đơn đã nhận và thông báo những phát hiện cho người nộp đơn;

(2) Cung cấp cho người nộp đơn một bản sao báo cáo của cuộc kiểm tra tại nơi nuôi trồng khi được cơ quan đại diện chứng nhận chấp thuận đối với bất kỳ cuộc kiểm tra tại nơi nuôi trồng nào đã tiến hành; và

(3) Cung cấp cho người nộp đơn một bản sao các kết quả thí nghiệm cho bất kỳ mẫu nào được người giám sát lấy.

(c) Người nộp đơn có thể rút đơn bất kỳ lúc nào. Người nộp đơn rút lại đơn phải có bốn phần trả các chi phí dịch vụ được cung cấp đến thời điểm rút đơn. Người nộp đơn tự nguyện rút đơn trước khi ban hành thông báo không tuân theo sẽ không bị phát hành thông báo không tuân theo. Tương tự như vậy, người nộp đơn tự nguyện rút đơn trước khi ra thông báo từ chối cấp giấy chứng nhận sẽ không bị ra thông báo từ chối cấp giấy chứng nhận.

§205.403 Các cuộc kiểm tra tại nơi nĐơn xin cấp(a) *Kiểm tra tại nơi nuôi trồng.* (1) Cơ quan đại diện chứng nhận phải tiến hành kiểm tra tại nơi nuôi trồng ban đầu của từng đơn vị sản xuất, cơ sở và nơi mà sản xuất hoặc xử lý các sản phẩm hữu cơ và được bao gồm trong hoạt động mà đòi hỏi giấy chứng nhận. Cuộc kiểm tra tại nơi nuôi trồng phải được tiến hành hàng năm sau đó đối với từng hoạt động được chứng nhận mà sản xuất hoặc xử lý các sản phẩm hữu cơ vì mục đích xác định liệu để

chấp thuận yêu cầu cấp giấy chứng nhận hay liệu giấy chứng nhận của cơ sở hoạt động nên tiếp tục.

(2) (i) Cơ quan đại diện chứng nhận phải tiến hành thêm các cuộc kiểm tra tại nơi nuôi trồng của những người nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận và các hoạt động được chứng nhận để xác định sự tuân theo Đạo luật và các qui định trong phần này.

(ii) Người quản lý hoặc Cán bộ bang quản lý chương trình hữu cơ của bang có thể đề nghị cơ quan đại diện chứng nhận tiến hành thêm các cuộc kiểm tra để xác định sự tuân theo Đạo luật và các qui định trong phần này.

(iii) Theo quyết định của cơ quan đại diện chứng nhận hoặc theo yêu cầu của Người quản lý hoặc Cán bộ bang quản lý chương trình hữu cơ của bang, các cuộc kiểm tra bổ sung này có thể được thông báo hoặc không thông báo.

(b) *Lập chương trình.* (1) Cuộc kiểm tra tại nơi nuôi trồng ban đầu phải được tiến hành trong thời gian hợp lý sau khi xác định được rằng người nộp đơn hình như tuân theo hoặc có thể tuân theo các yêu cầu của phần phụ C của phần này: *Trừ*, việc, cuộc kiểm tra ban đầu này có thể bị hoãn lại đến 6 tháng để tuân theo yêu cầu tiến hành cuộc kiểm tra khi đất đai, trang thiết bị và các hoạt động mà chứng minh sự tuân thủ hoặc khả năng tuân theo có thể được quan sát.

(2) Tất cả các cuộc kiểm tra tại nơi nuôi trồng phải được tiến hành khi một đại diện uỷ quyền của hoạt động có kiến thức về hoạt động có mặt và vào lúc khi đất đai, trang thiết bị và các hoạt động mà chứng

minh sự tuân thủ của hoạt động hoặc khả năng tuân theo các qui định của phần phụ C của phần này có thể được quan sát, chỉ trừ yêu cầu này không áp dụng cho các cuộc kiểm tra tại nơi nuôi trồng không được thông báo.

(c) *Xác minh thông tin.* Kiểm tra tại nơi nuôi trồng của một hoạt động phải xác minh:

(1) Sự tuân thủ của hoạt động hoặc khả năng tuân theo Đạo luật và các qui định trong phần này;

() Xem thông tin kể cả kế hoạch về phương thức sản xuất hoặc xử lý hữu cơ, được qui định theo §§205.401, 205.406 và 205.200, chính xác phản ánh các thực tiễn được sử dụng hoặc sẽ sử dụng bởi người nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận hoặc bởi hoạt động được chứng nhận;

(3) Xem các chất bị cấm đã và đang không được áp dụng vào hoạt động thông qua các biện pháp mà, theo ý của cơ quan đại diện chứng nhận, có thể bao gồm sự thu gom và thí nghiệm đất; nước; chất thải; hạt; mô cây trồng; và các mẫu cây, động vật và sản phẩm đã chế biến.

(d) *Cuộc phỏng vấn khi đi ra.* Người kiểm tra phải tiến hành phỏng vấn khi đi ra với người đại diện ủy quyền của hoạt động mà có kiến thức về hoạt động đã được kiểm tra để xác nhận tính chính xác và sự đầy đủ của các cuộc quan sát kiểm tra và thông tin thu thập được trong quá trình kiểm tra tại nơi nuôi trồng. Người kiểm tra cũng phải đưa ra sự cần thiết về bất kỳ thông tin bổ sung nào cũng như bất kỳ vấn đề quan tâm nào.

(e) *Tài liệu đối với hoạt động đã kiểm tra.*

(1) Vào thời điểm kiểm tra, người kiểm tra phải cung cấp cho đại diện ủy quyền của hoạt động một giấy nhận các mẫu do người kiểm tra lấy. Không phải trả tiền cho người kiểm tra vì các mẫu đã lấy này.

(2) Bản sao báo cáo kiểm tra tại nơi nuôi trồng và kết quả thí nghiệm sẽ được cơ quan đại diện chứng nhận gửi cho cơ sở hoạt động được chứng nhận.

§205.404 Cấp giấy chứng nhận

(a) Trong thời gian hợp lý sau khi hoàn thành cuộc kiểm tra ban đầu tại nơi nuôi trồng, cơ quan đại diện chứng nhận xem xét lại báo cáo của cuộc kiểm tra tại nơi nuôi trồng, kết quả của bất kỳ sự phân tích nào về các chất đã tiến hành và bất kỳ thông tin bổ sung nào yêu cầu hoặc cung cấp bởi người nộp đơn. Nếu cơ quan đại diện chứng nhận xác định rằng kế hoạch phương thức hữu cơ và tất cả các thủ tục và các hoạt động của cơ sở hoạt động của người nộp đơn tuân theo các yêu cầu của phần này và rằng người nộp đơn có thể tiến hành các hoạt động theo kế hoạch, cơ quan đại diện này phải cấp giấy chứng nhận. Giấy chứng nhận có thể bao gồm các yêu cầu về sự hiệu chỉnh những điều không tuân thủ thứ yếu trong thời gian qui định như là điều kiện cho việc cấp giấy chứng nhận liên tục.

(b) Cơ quan đại diện chứng nhận phải phát hành chứng chỉ hoạt động hữu cơ mà qui định rõ:

(1) Tên và địa chỉ của hoạt động được chứng nhận;

(2) Ngày hiệu lực của giấy chứng nhận;

(3) Các loại hình của hoạt động hữu cơ kể cả mùa màng, mùa hoang, vật nuôi hoặc các sản phẩm chế biến được sản xuất bằng hoạt động được chứng nhận; và

(4) Tên, địa chỉ, số điện thoại của cơ quan đại diện chứng nhận.

(c) Khi chứng nhận, giấy chứng nhận hữu cơ của hoạt động sản xuất hoặc xử lý tiếp tục có hiệu lực cho đến khi hoạt động hữu cơ bị từ bỏ hoặc cơ quan đại diện chứng nhận, Cán bộ bang quản lý chương trình hữu cơ của bang hoặc Người quản lý đình chỉ hoặc thu hồi.

§205.405 Từ chối cấp giấy chứng nhận

(a) Khi cơ quan đại diện chứng nhận có lý do tin tưởng căn cứ vào sự xem xét các thông tin qui định trong §205.402 hoặc §205.404, rằng người nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận không thể tuân theo hoặc không theo các yêu cầu của phần này, thì cơ quan đại diện chứng nhận phải có văn bản thông báo sự không tuân theo này cho người nộp đơn. Khi không thể hiệu chỉnh sự không tuân thủ thì thông báo không tuân theo và thông báo từ chối cấp giấy chứng nhận có thể được kết hợp trong một thông báo. Thông báo không tuân theo phải cung cấp:

(1) Mô tả từng điều không tuân theo;

(2) Những thực tế mà thông báo không tuân theo căn cứ vào; và

(3) Ngày mà người nộp đơn phải rút lại hoặc hiệu chỉnh từng điều không tuân theo và nộp tài liệu hỗ trợ cho từng hiệu chỉnh đó khi có thể hiệu chỉnh.

(b) Sau khi nhận được thông báo không tuân theo đó, người nộp đơn có thể:

(1) Hiệu chỉnh những điều không tuân theo và nộp mô tả những chỗ sửa chữa cùng với tài liệu hỗ trợ cho cơ quan đại diện chứng nhận;

(2) Hiệu chỉnh những điều không tuân theo và nộp một đơn xin mới cho một cơ quan đại diện chứng nhận khác: *Với điều kiện là*, người nộp đơn phải bao gồm đơn xin đầy đủ, thông báo không tuân theo nhận được từ cơ quan đại diện chứng nhận đầu tiên và mô tả những hiệu chỉnh cùng với tài liệu hỗ trợ; hoặc

(3) Nộp thông tin bằng văn bản đến cơ quan đại diện chứng nhận để từ chối điều không tuân thủ mô tả trong thông báo không tuân theo.

(c) Sau khi ban hành thông báo không tuân theo, cơ quan đại diện chứng nhận phải:

(1) Đánh giá những hiệu chỉnh, tài liệu hỗ trợ đã nộp của người nộp đơn hoặc văn bản từ chối, tiến hành cuộc kiểm tra tại nơi nuôi trồng nếu cần, và

(i) Khi việc hiệu chỉnh hoặc từ chối đủ cho người nộp đơn có đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận, thì phải ra chấp thuận cấp giấy chứng nhận cho người nộp đơn căn cứ theo §205.404; hoặc

(ii) Khi việc hiệu chỉnh hoặc từ chối không đủ cho người nộp đơn có đủ điều kiện xin cấp giấy chứng nhận, thì phải ra văn bản thông báo từ chối cấp giấy chứng nhận cho người nộp đơn căn cứ theo §205.404;

(2) Ra văn bản thông báo từ chối cấp giấy chứng nhận cho người nộp đơn không đáp ứng thông báo không tuân theo.

(3) Cung cấp thông báo chấp thuận hoặc từ chối cho Người quản lý căn cứ theo §205.501(a)(14).

(d) Thông báo từ chối cấp giấy chứng nhận phải ghi rõ lý do từ chối và quyền của người nộp đơn để:

(1) Nộp lại đơn xin cấp giấy chứng nhận căn cứ theo §205.401 và §205.405(e);

(2) Yêu cầu dàn xếp căn cứ theo §205.663 hoặc, nếu áp dụng, căn cứ theo chương trình hữu cơ của bang; hoặc

(3) Đưa ra lời kêu gọi từ chối cấp giấy chứng nhận theo §205.681 hoặc, nếu áp dụng, theo chương trình hữu cơ của bang.

(e) Người nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận đã nhận được văn bản thông báo không tuân theo hoặc văn bản thông báo từ chối cấp giấy chứng nhận có thể nộp lại đơn xin cấp giấy chứng nhận vào bất kỳ thời điểm nào với bất kỳ cơ quan đại diện chứng nhận nào theo §205.401 và §205.405(e). Khi người nộp đơn đó nộp một đơn mới đến cơ quan đại diện chứng nhận ngoài cơ quan đã ra thông báo không tuân theo hoặc thông báo từ chối cấp giấy chứng nhận thì người nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận phải gộp cả một bản sao thông báo không tuân theo hoặc thông báo từ chối cấp giấy chứng nhận này và mô tả các công việc đã tiến hành cùng với tài liệu hỗ trợ để hiệu chỉnh những điều không tuân theo nêu trong thông báo không tuân theo.

(f) Cơ quan đại diện chứng nhận nhận được một đơn xin cấp giấy chứng nhận mới, mà bao gồm thông báo không tuân theo hoặc thông báo từ chối cấp giấy chứng nhận phải coi đơn này là đơn nộp mới và

bắt đầu quá trình nộp đơn mới theo §205.402.

(g) Mặc dù đoạn (a) của mục này, nếu cơ quan đại diện chứng nhận có lý do tin tưởng rằng người nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận đã cố ý khai không đúng sự thật hoặc chủ tâm trình bày sai khác các hoạt động hoặc sự tuân thủ các yêu cầu cấp giấy chứng nhận của người nộp đơn căn cứ theo phần này thì cơ quan đại diện chứng nhận có thể từ chối cấp giấy chứng nhận căn cứ theo đoạn (c)(1)(ii) của mục này mà đầu tiên không ra thông báo không tuân theo.

§205.406 Tiếp tục xin cấp giấy chứng nhận

(a) Để tiếp tục cấp giấy chứng nhận, cơ sở hoạt động được chứng nhận hàng năm phải trả phí giấy chứng nhận và nộp thông tin sau cho cơ quan đại diện chứng nhận, nếu áp dụng:

(1) Kế hoạch về phương thức sản xuất hoặc xử lý hữu cơ cập nhật bao gồm:

(i) Bản công bố tóm tắt, tài liệu hỗ trợ, nêu chi tiết bất kỳ sự lệch lạc, những thay đổi, sửa đổi hoặc bổ sung nào khác đối với kế hoạch của phương thức hữu cơ của năm trước trong suốt năm tới; và

(ii) Bất kỳ sự bổ sung hoặc loại bỏ so với kế hoạch của phương thức hữu cơ của năm trước mà có ý định tiến hành trong năm tới nêu chi tiết theo §205.200;

(2) Bất kỳ sự bổ sung hoặc loại bỏ so với thông tin yêu cầu theo §205.401(b);

(3) Cập nhật về sự hiệu chỉnh sự không tuân theo nhỏ được cơ quan đại diện chứng

nhận trước đó xác định theo yêu cầu hiệu chỉnh xin cấp giấy chứng nhận tiếp tục; và

(4) Những thông tin khác mà được cơ quan đại diện chứng nhận cho là cần thiết để xác định sự tuân theo Đạo luật và các qui định trong phần này.

(b) Sau khi nhận được thông tin qui định trong đoạn (a) của mục này, cơ quan đại diện chứng nhận trong thời gian hợp lý phải bố trí và tiến hành kiểm tra tại nơi nuôi trồng của cơ sở hoạt động được chứng nhận theo §205.403: *Trừ*, khi đối với cơ quan đại diện chứng nhận có thể tiến hành cuộc kiểm tra tại nơi nuôi trồng hàng năm sau khi nhận được bản cập nhật thông tin hàng năm của cơ sở hoạt động được chứng nhận, thì cơ quan đại diện chứng nhận có thể cho phép tiếp tục xin cấp giấy chứng nhận và phát hành chứng chỉ cập nhật cho hoạt động hữu cơ trên cơ sở thông tin trình nộp và cuộc kiểm tra tại nơi nuôi trồng gần đây nhất được tiến hành trong vòng 12 tháng trước đó: *Với điều kiện là*, cuộc kiểm tra tại nơi nuôi trồng hàng năm theo §205.403 được tiến hành trong vòng 6 tháng đầu sau ngày dự kiến cập nhật hàng năm của cơ sở hoạt động được chứng nhận.

(c) Dựa vào cuộc kiểm tra tại nơi nuôi trồng và xem xét lại thông tin qui định trong §205.404, nếu cơ quan đại diện chứng nhận có lý do tin tưởng rằng cơ sở hoạt động được chứng nhận không tuân theo các yêu cầu của Đạo luật và các qui định trong phần này thì cơ quan đại diện chứng nhận phải có văn bản thông báo sự không tuân thủ hoạt động theo §205.662.

(d) Nếu cơ quan đại diện chứng nhận xác định rằng cơ sở hoạt động được chứng nhận tuân theo các yêu cầu của Đạo luật và

các qui định trong phần này và rằng bất kỳ thông tin qui định trên chứng chỉ hoạt động hữu cơ đã thay đổi thì cơ quan đại diện chứng nhận phải ra chứng chỉ cập nhật hoạt động hữu cơ theo §205.404(b).

§§205.407-205.499 [Bảo lưu]

Phần phụ F – Công nhận chính thức của các cơ quan đại diện chứng nhận

§205.500 Các lĩnh vực và thời gian công nhận chính thức

(a) Người quản lý phải công nhận chính thức cho người nộp đơn trong nước hoặc nước ngoài có đủ điều kiện trong các lĩnh vực cây trồng, vật nuôi, mùa vụ hoang hoặc xử lý hoặc bất kỳ sự kết hợp nào giữa chúng để chứng nhận cho hoạt động sản xuất hoặc xử lý trong nước hoặc nước ngoài như là một hoạt động được chứng nhận.

(b) Công nhận chính thức phải trong giai đoạn 5 năm kể từ ngày chấp nhận công nhận chính thức theo §205.506.

(c) Thay cho công nhận chính thức theo đoạn (a) của mục này, USDA sẽ chấp nhận công nhận chính thức của cơ quan đại diện chứng nhận nước ngoài để chứng nhận cho hoạt động sản xuất hoặc xử lý hữu cơ nếu:

(1) USDA xác nhận rằng, theo yêu cầu của chính phủ nước ngoài, các tiêu chuẩn mà nhà chức trách nước ngoài đã công nhận chính thức cho cơ quan đại diện chứng nhận nước ngoài đáp ứng các yêu cầu của phần này; hoặc

(2) Nhà chức trách nước ngoài mà công nhận chính thức cơ quan đại diện chứng nhận nước ngoài hoạt động theo thoả thuận

trương đương được đàm phán giữa Mỹ và chính phủ nước ngoài.

§205.501 Các yêu cầu chung về công nhận chính thức

(a) Một đơn vị tư nhân hoặc chính phủ được công nhận chính thức là cơ quan đại diện chứng nhận theo phần phụ này phải:

(1) Có đủ thành thạo về phương pháp kỹ thuật sản xuất hoặc xử lý hữu cơ để tuân thủ triệt để và thực hiện các điều khoản và điều kiện của chương trình chứng nhận hữu cơ được xây dựng theo Đạo luật và các qui định trong phần này;

(2) Chứng minh khả năng tuân thủ tuyệt đối các yêu cầu về công nhận chính thức qui định trong phần phụ này;

(3) Tiến hành các điều khoản của Đạo luật và các qui định trong phần này kể cả các điều khoản của §§205.402 đến 205.406 và §205.670;

(4) Sử dụng đủ số nhân viên được đào tạo thích hợp kể cả các kiểm tra viên và nhân viên rà soát cấp giấy chứng nhận để tuân theo và thực hiện chương trình chứng nhận hữu cơ được xây dựng theo Đạo luật và các qui định trong phần phụ E của phần này;

(5) Đảm bảo rằng những người quan hệ họ hàng nhân viên và nhà thầu có trách nhiệm cùng với trách nhiệm ra quyết định, phân tích và kiểm tra có đủ thành thạo về phương pháp kỹ thuật sản xuất hoặc xử lý hữu cơ để thực hiện thành công các nhiệm vụ được giao.

(6) Tiến hành đánh giá hoạt động hàng năm của tất cả những người xét duyệt đơn xin cấp giấy chứng nhận, thực hiện các cuộc kiểm tra tại nơi nuôi trồng, xét duyệt

hồ sơ cấp giấy chứng nhận, đánh giá đủ tư cách cấp giấy chứng nhận, kiến nghị về cấp giấy chứng nhận hoặc ra quyết định cấp giấy chứng nhận và thực hiện các biện pháp để hiệu chỉnh những thiếu sót trong các dịch vụ cấp giấy chứng nhận;

(7) Nếu rà soát chương trình hàng năm về các hoạt động cấp giấy chứng nhận được tiến hành bởi đội ngũ nhân viên của cơ quan đại diện chứng nhận thì kiểm toán bên ngoài hoặc tư vấn người mà có chuyên môn tiến hành những cuộc rà soát này và thực hiện các biện pháp hiệu chỉnh bất kỳ điều không tuân thủ Đạo luật và các qui định nào trong phần này mà được đưa ra trong đánh giá;

(8) Cung cấp đủ thông tin cho những người xin cấp giấy chứng nhận để giúp họ tuân theo các yêu cầu áp dụng của Đạo luật và các qui định trong phần này;

(9) Lưu giữ tất cả hồ sơ theo §205.510(b) và luôn có sẵn các hồ sơ đó phục vụ việc kiểm tra và sao chụp trong các giờ làm việc bình thường của các đại diện uỷ quyền của Bộ trưởng và Cán bộ bang quản lý chương trình hữu cơ của bang;

(10) Giữ bí mật tuyệt đối đối với khách hàng theo chương trình cấp giấy chứng nhận hữu cơ có thể ứng dụng được và không tiết lộ cho bên thứ ba (ngoại trừ Bộ trưởng hoặc Cán bộ bang quản lý chương trình hữu cơ của bang hoặc các đại diện uỷ quyền) bất kỳ thông tin liên quan đến công việc về khách hàng nào thu được trong khi thực thi các qui định trong phần này, trừ khi được qui định theo §205.504(b)(5);

(11) Phòng tránh xung đột về lợi ích bằng:

(i) Không chứng nhận cho hoạt động sản xuất hoặc xử lý nếu cơ quan đại diện chứng nhận hoặc bên quan hệ mật thiết có trách nhiệm của cơ quan đại diện chứng nhận đó có hoặc đã nắm giữ lợi ích thương mại trong hoạt động sản xuất hoặc xử lý kể cả lợi ích của gia đình có quan hệ mật thiết nhất hoặc cung cấp các dịch vụ tư vấn trong thời gian 12 tháng trước khi nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận;

(ii) Không bao gồm bất kỳ người nào, kể cả nhà thầu có xung đột lợi ích từ công việc, thảo luận và các quyết định trong tất cả các giai đoạn của quá trình cấp giấy chứng nhận và quan sát các quá trình sản xuất hoặc xử lý được chứng nhận đối với tất cả các đơn vị trong đó người này có hoặc nắm giữ lợi ích thương mại kể cả lợi ích của gia đình có quan hệ mật thiết nhất hoặc cung cấp các dịch vụ tư vấn trong thời gian 12 tháng trước khi nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận;

(iii) Không cho phép bất kỳ nhân viên, kiểm tra viên, nhà thầu hoặc bất kỳ người nào chấp nhận thanh toán, quà tặng hoặc những ân huệ thuộc bất kỳ loại hình nào, ngoài các phí đã qui định, từ bất kỳ công việc được kiểm tra nào: *Trừ*, cơ quan đại diện chứng nhận là một tổ chức hoạt động không vì lợi nhuận được miễn giảm thuế theo Luật thu nhập nội bộ, hoặc trong trường hợp là cơ quan đại diện chứng nhận nước ngoài, sự thừa nhận tình trạng hoạt động không vì lợi nhuận so sánh với chính phủ có thể chấp nhận lao động tự nguyện từ các hoạt động được chứng nhận;

(iv) Không cố vấn hoặc cung cấp dịch vụ tư vấn cho những người nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận hoặc các hoạt động được

chứng nhận cho việc vượt qua các rào cản để cấp giấy chứng nhận;

(v) Yêu cầu tất cả những người rà soát đơn xin cấp giấy chứng nhận, thực hiện các cuộc kiểm tra tại nơi nuôi trồng, rà soát các tài liệu xin cấp giấy chứng nhận, đánh giá điều kiện để cấp giấy chứng nhận, đề nghị về cấp giấy chứng nhận hoặc ra các quyết định cấp giấy chứng nhận và tất cả các bên có quan hệ họ hàng có trách nhiệm với cơ quan đại diện chứng nhận để hoàn thành báo cáo thường niên trình bày rõ xung đột lợi ích; và

(vi) Đảm bảo rằng quyết định chứng nhận hoạt động được một người khác với những người tiến hành rà soát hồ sơ và kiểm tra tại nơi nuôi trồng đưa ra.

(12) (i) Xét lại đơn xin cấp giấy chứng nhận của hoạt động được chứng nhận, nếu cần, thực hiện thêm một cuộc kiểm tra tại nơi nuôi trồng khi nó được xác định trong vòng 12 tháng chứng nhận hoạt động, mà bất kỳ người nào tham gia vào quá trình cấp giấy chứng nhận và được trả theo §205.501(a)(11)(ii) có hoặc đã có xung đột lợi ích liên quan đến người nộp đơn. Tất cả các chi phí liên quan đến việc xét lại đơn xin kể cả các chi phí của cuộc kiểm tra tại nơi nuôi trồng phải do cơ quan đại diện chứng nhận chịu.

(ii) Giao hoạt động được chứng nhận cho cơ quan đại diện chứng nhận được công nhận chính thức khác để xin cấp lại giấy chứng nhận và hoàn lại chi phí chứng nhận lại cho hoạt động khi nó được xác định rằng bất kỳ người nào đã trả theo §205.501(a)(11)(i) vào thời điểm cấp giấy chứng nhận của người nộp đơn xin có xung

đột lợi ích liên quan đến người nộp đơn xin.

(13) Chấp nhận các quyết định về cấp giấy chứng nhận của một cơ quan đại diện chứng nhận khác được USDA công nhận chính thức hoặc chấp thuận theo §205.500;

(14) Cố gắng không khai sai hoặc yêu cầu sai về tình trạng công nhận chính thức, chương trình công nhận chính thức USDA đối với các cơ quan đại diện chứng nhận hoặc bản chất hoặc chất lượng của các sản phẩm có dán nhãn là được sản xuất hữu cơ;

(15) Nộp cho Nhà quản lý một bản sao về:

(i) Bất kỳ thông báo từ chối cấp giấy chứng nhận phát hành theo §205.405, giấy báo không tuân theo, thông báo đình chỉ hoặc thu hồi dự kiến và thông báo đình chỉ hoặc thu hồi được gửi căn cứ theo §205.662 đồng thời với việc ban hành nó; và

(ii) Vào ngày 2 tháng 1 hàng năm, danh mục bao gồm cả tên, địa chỉ và số điện thoại của từng giấy chứng nhận được cấp cho hoạt động trong suốt năm trước;

(16) Người nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận và các hoạt động sản xuất và xử lý được chứng nhận chỉ phải trả lệ phí và phí tổn cho các hoạt động cấp giấy chứng nhận mà nó đã sắp xếp với Nhà quản lý;

(17) Thanh toán và nộp lệ phí cho AMS theo §205.640;

(18) Cung cấp cho kiểm tra viên trước mỗi cuộc kiểm tra tại nơi nuôi trồng, các báo cáo kiểm tra tại nơi nuôi trồng trước đó và thông báo cho kiểm tra viên về quyết định cấp giấy chứng nhận cho địa điểm

hoạt động sản xuất hoặc xử lý được kiểm tra viên kiểm tra và về bất kỳ yêu cầu nào về hiệu chỉnh những điều không tuân thủ thứ yếu;

(19) Chấp nhận tất cả các đơn xin sản xuất hoặc xử lý mà thuộc (các) lĩnh vực công nhận chính thức và chứng nhận tất cả các đơn xin có đủ điều kiện, trong chừng mực khả năng hành chính được giải quyết của mình mà không liên quan đến kích thước hoặc tư cách hội viên trong bất kỳ hiệp hội hoặc nhóm nào; và

(20) Chứng minh khả năng tuân theo chương trình hữu cơ của Bang để chứng nhận các hoạt động sản xuất hoặc xử lý hữu cơ trong phạm vi Bang.

(21) Tuân thủ, thực hiện và tiến hành bất cứ điều khoản và điều kiện nào khác được Nhà quản lý xác định là cần thiết.

(b) Đơn vị tư nhân hoặc chính phủ được công nhận là cơ quan đại diện chứng nhận theo phần phụ này có thể tạo lập một dấu niêm phong, biểu trưng hoặc dấu nhận biết khác sẽ được dùng cho các hoạt động sản xuất và xử lý được cơ quan đại diện chứng nhận chứng nhận để chỉ ra sự sáp nhập với cơ quan đại diện chứng nhận: *Với điều kiện là, cơ quan đại diện chứng nhận:*

(1) Không yêu cầu sử dụng dấu niêm phong, biểu trưng hoặc dấu nhận biết khác trên bất kỳ sản phẩm bán, dán nhãn hoặc miêu tả là được sản xuất hữu cơ là điều kiện của cấp giấy chứng nhận và

(2) Không yêu cầu tuân thủ bất kỳ các thực tiễn sản xuất hoặc xử lý ngoài những điều qui định trong Đạo luật và các qui định trong phần này là điều kiện sử dụng dấu nhận biết của cơ quan đại diện chứng

nhận: *Với điều kiện là*, các cơ quan đại diện chứng nhận chứng nhận các hoạt động sản xuất hoặc xử lý trong phạm vi một Bang với các yêu cầu hạn chế hơn, được Bộ trưởng phê duyệt, đòi hỏi phải tuân theo các yêu cầu đó như là điều kiện sử dụng dấu nhận biết chúng bởi các hoạt động đó.

(c) Đơn vị tư nhân được công nhận là cơ quan đại diện chứng nhận phải:

(1) Giữ cho Bộ trưởng vô hại đối với bất kỳ sự không thực hiện các điều khoản của Đạo luật và các qui định trong phần này về phía của cơ quan đại diện chứng nhận;

(2) Tạo sự an toàn hợp lý về số lượng và theo các điều khoản mà theo qui định Nhà quản lý có thể qui định vì mục đích bảo vệ quyền lợi cho các hoạt động sản xuất và xử lý được chứng nhận bởi cơ quan đại diện chứng nhận theo Đạo luật và các qui định trong phần này; và

(3) Giao cho Nhà quản lý và luôn có sẵn tất cả hồ sơ hoặc các bản sao các hồ sơ về các hoạt động cấp giấy chứng nhận của người đó cho cán bộ của bang quản lý Chương trình hữu cơ của bang trong trường hợp cơ quan đại diện chứng nhận giải thể hoặc mất sự công nhận chính thức của mình: *Với điều kiện là*, sự chuyển giao đó không được áp dụng cho liên doanh liên kết, bán hoặc chuyển giao quyền sở hữu khác của cơ quan đại diện chứng nhận.

(d) Đơn vị tư nhân hoặc chính phủ được công nhận là một cơ quan đại diện chứng nhận theo phần phụ này không được ngăn cản sự tham gia vào hoặc từ chối các lợi ích của Chương trình Hữu cơ Quốc gia đối với bất kỳ người nào do sự phân biệt đối xử chủng tộc, màu da, dòng dõi dân tộc, giới,

tôn giáo, tuổi, ốm yếu tàn tật, niềm tin chính trị, định hướng giới tính hoặc tình trạng hôn nhân hoặc gia đình.

§205.502 Nộp đơn xin công nhận chính thức

(a) Đơn vị tư nhân hoặc chính phủ xin công nhận chính thức là cơ quan đại diện chứng nhận theo phần phụ này phải nộp đơn xin công nhận chính thức mà gồm thông tin và hồ sơ đơn xin qui định trong từ §205.503 đến §205.505 và các lệ phí qui định trong §205.604 đến: Giám đốc chương trình, USDA-AMS-TMP-NOP, Phòng 2945- Toà nhà South, hộp thư P.O. Box 96456, Washington, DC 20090-6456.

(b) Sau khi nhận được thông tin và hồ sơ, Nhà quản lý sẽ xác định, căn cứ theo §205.506, liệu người nộp đơn xin công nhận chính thức nên được công nhận chính thức là cơ quan đại diện chứng nhận hay không.

§205.503 Thông tin về người nộp đơn xin

Đơn vị tư nhân hoặc chính phủ xin công nhận chính thức là cơ quan đại diện chứng nhận phải nộp thông tin sau đây:

(a) Tên đơn vị, địa điểm văn phòng chính, địa chỉ gửi thư, tên (những) người chịu trách nhiệm về các hoạt động hàng ngày của cơ quan đại diện chứng nhận, số liên lạc (điện thoại, fax và địa chỉ Internet) của người nộp đơn, và về người nộp đơn là cá nhân, số xác nhận người đóng thuế của đơn vị;

(b) Tên, địa điểm văn phòng, địa chỉ gửi thư, và số liên lạc (điện thoại, fax và địa chỉ Internet) cho từng đơn vị tổ chức của mình như các điều lệ của các văn phòng trực

thuộc và tên người liên lạc đối với từng đơn vị;

(c) Mỗi lĩnh vực hoạt động (mùa màng, mùa hoang, vật nuôi hoặc xử lý) mà yêu cầu công nhận chính thức và số dự kiến của từng loại hình hoạt động dự kiến là sẽ được người nộp đơn xin chứng nhận hàng năm cùng với bản copy kế hoạch của người nộp đơn nộp lệ phí cho tất cả các dịch vụ mà người nộp đơn cung cấp theo các qui định này;

(d) Loại hình của đơn vị mà người nộp đơn là (VD. Văn phòng nông nghiệp chính phủ, doanh nghiệp hoạt động vì lợi nhuận, hiệp hội thành viên hoạt động không vì lợi nhuận) và đối với:

(1) Đơn vị chính phủ, một copy quyền lực của quan chức tiến hành các hoạt động cấp giấy chứng nhận theo Đạo luật và các qui định trong phần này,

(2) Đơn vị tư nhân, hồ sơ tài liệu chỉ ra tình trạng của đơn vị và mục đích tổ chức như các điều khoản của đoàn thể và theo luật lệ của ngành hoặc quyền sở hữu hoặc các điều khoản thành viên và ngày thành lập; và

(e) Danh mục của từng nhà nước hoặc nước ngoài mà người nộp đơn xin hiện tại chứng thực các hoạt động sản xuất và xử lý và danh mục của từng nhà nước hoặc nước ngoài mà người nộp đơn xin có ý định chứng thực các hoạt động sản xuất và xử lý.

§205.504 Bằng chứng thành thạo và khả năng

Đơn vị tư nhân hoặc chính phủ xin công nhận chính thức là cơ quan đại diện chứng

nhận theo phần phụ này phải nộp các hồ sơ và thông tin sau đây để chứng minh sự thành thạo về kỹ thuật sản xuất hoặc xử lý hữu cơ; khả năng tuân thủ tuyệt đối và thực hiện chương trình cấp giấy chứng nhận hữu cơ được xây dựng theo §205.100 và §205.101, từ §205.201 đến §205.203, từ §205.300 đến §205.303, từ §205.400 đến §205.406 và từ §205.661 đến §205.662; và khả năng tuân thủ các yêu cầu về công nhận chính thức của đơn vị qui định trong §205.501:

(a) *Nhân sự*: (1) Một bản sao các chính sách và thủ tục của người nộp đơn về đào tạo, đánh giá và giám sát nhân sự;

(2) Tên và mô tả chức vụ của tất cả nhân viên làm việc trong công việc cấp giấy chứng nhận kể cả nhân viên hành chính, các kiểm tra viên cấp giấy chứng nhận, thành viên của bất kỳ uỷ ban rà soát và đánh giá cấp giấy chứng nhận, nhà thầu và tất cả các bên quan hệ mật thiết có trách nhiệm với cơ quan đại diện chứng nhận;

(3) Mô tả trình độ kể cả kinh nghiệm, tập huấn và đào tạo trong lĩnh vực nông nghiệp, sản xuất hữu cơ và xử lý hữu cơ, đối với:

(i) Từng kiểm tra viên sẽ được người nộp đơn xin sử dụng và

(ii) Từng người được người nộp đơn chỉ định rà soát và đánh giá đơn xin cấp giấy chứng nhận; và

(4) Mô tả bất kỳ đào tạo nào mà người nộp đơn đã cung cấp hoặc định cung cấp cho nhân viên để đảm bảo rằng họ tuân theo và thực hiện các yêu cầu của Đạo luật và các qui định trong phần này.

(b) *Các chính sách và thủ tục hành chính.*

(1) Một bản sao các thủ tục sẽ được sử dụng để đánh giá những người nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận, ra các quyết định cấp giấy chứng nhận và phát hành chứng chỉ chứng nhận;

(2) Một bản sao các thủ tục sẽ được sử dụng để rà soát và nghiên cứu sự tuân thủ Đạo luật và các qui định trong phần này của hoạt động được chứng nhận và báo cáo những vi phạm của Đạo luật và các qui định trong phần này lên Nhà quản lý;

(3) Một bản sao các thủ tục sẽ được sử dụng cho việc tuân theo các yêu cầu lưu giữ hồ sơ qui định trong §205.501(a)(9);

(4) Một bản sao các thủ tục sẽ được sử dụng cho việc đảm bảo tính cẩn mật của bất kỳ thông tin nào liên quan đến công việc như qui định trong §205.501(a)(10);

(5) Một bản sao các thủ tục sẽ được sử dụng kể cả các chi phí đánh giá, cho việc công khai thông tin sau đây cho bất kỳ người dân nào theo yêu cầu:

(i) Chứng chỉ chứng nhận được ban hành trong 3 năm trước và năm hiện tại;

(ii) Danh sách người sản xuất và người xử lý mà hoạt động của họ đã được chứng nhận cho cả từng tên hoạt động, các loại hình hoạt động, các sản phẩm sản xuất và ngày chứng nhận có hiệu lực, trong 3 năm trước và năm hiện tại;

(iii) Kết quả phân tích trong phòng thí nghiệm về các chất lắng của thuốc trừ sâu và các chất bị cấm khác được tiến hành trong 3 năm trước và năm hiện tại; và

(iv) Thông tin khác về công việc khi có văn bản cho phép của người sản xuất hoặc người xử lý; và

(6) Một bản sao các thủ tục sẽ được sử dụng cho việc lấy mẫu và thí nghiệm chất lắng căn cứ theo §205.670.

(c) *Xung đột lợi ích.* (1) Một bản sao thủ tục dự định được thực hiện để phòng tránh xảy ra các xung đột lợi ích như mô tả trong §205.501(a)(11).

(2) Đối với tất cả những người rà soát đơn xin cấp giấy chứng nhận, thực hiện các cuộc kiểm tra tại nơi nuôi trồng, đánh giá đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận, đề nghị về cấp giấy chứng nhận, hoặc ra các quyết định cấp giấy chứng nhận và tất cả các bên quan hệ mật thiết với cơ quan đại diện chứng nhận chịu trách nhiệm, báo cáo công khai xung đột lợi ích, xác định các lợi ích của bất kỳ công việc liên quan đến nông nghiệp hoặc thực phẩm kể cả lợi ích công việc của những người của gia đình có quan hệ mật thiết nhất, mà gây ra xung đột lợi ích.

(d) *Các hoạt động cấp giấy chứng nhận hiện nay.* Người nộp đơn đang chứng nhận các hoạt động sản xuất hoặc xử lý phải nộp:

(1) Danh mục của tất cả các hoạt động sản xuất và xử lý hiện đang được người nộp đơn chứng nhận;

(2) Các bản sao có ít nhất 3 báo cáo kiểm tra khác nhau và hồ sơ đánh giá cấp giấy chứng nhận đối với các hoạt động sản xuất hoặc xử lý được người nộp đơn chứng nhận trong năm trước đối với từng lĩnh vực hoạt động mà yêu cầu cấp giấy chứng nhận; và

(3) Kết quả của bất kỳ quá trình công nhận chính thức nào về hoạt động của

người nộp đơn xin do Đơn vị công nhận chính thức thực hiện trong năm trước vì mục đích đánh giá các hoạt động cấp giấy chứng nhận.

(e) *Các thông tin khác.* Bất kỳ thông tin nào khác mà người nộp đơn tin tưởng có thể hỗ trợ quá trình đánh giá của Nhà quản lý về sự thành thạo và khả năng của người nộp đơn xin.

§205.505 Bản công bố sự thoả thuận

(a) Đơn vị tư nhân hoặc chính phủ xin công nhận chính thức theo phần phụ này phải ký và trả lại bản công bố thoả thuận do Nhà quản lý lập để khẳng định rằng, nếu được cấp công nhận chính thức là cơ quan đại diện chứng nhận theo phần phụ này, người nộp đơn xin sẽ thực hiện các điều khoản của Đạo luật và các qui định trong phần này, bao gồm:

(1) Chấp thuận các quyết định chứng nhận do một cơ quan đại diện chứng nhận khác đưa ra được công nhận chính thức hoặc chấp thuận bởi USDA theo §205.500;

(2) Cố gắng không đưa ra các yêu cầu sai hoặc sai lạc về tình trạng công nhận chính thức, chương trình công nhận chính thức của USDA đối với các cơ quan đại diện chứng nhận, hoặc bản chất hoặc chất lượng của sản phẩm có ghi nhãn là được sản xuất hữu cơ;

(3) Tiến hành đánh giá thực hiện hàng năm của những người rà soát đơn xin cấp giấy chứng nhận, thực hiện các cuộc kiểm tra tại nơi nuôi trồng, rà soát hồ sơ cấp giấy chứng nhận, đánh giá đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận, kiến nghị về cấp giấy chứng nhận hoặc ra các quyết định về cấp giấy chứng nhận và thực hiện các biện pháp để

hiệu chỉnh bất kỳ thiếu sót nào trong các dịch vụ cấp giấy chứng nhận;

(4) Đã tiến hành rà soát chương trình nội bộ hàng năm về các hoạt động cấp giấy chứng nhận của nhân viên cơ quan đại diện chứng nhận, kiểm toán bên ngoài hoặc tư vấn có chuyên môn tiến hành các công tác rà soát đó và thực hiện các biện pháp để hiệu chỉnh bất kỳ sự không tuân thủ Đạo luật và các qui định trong phần này;

(5) Thanh toán và nộp lệ phí cho AMS theo §205.640; và

(6) Tuân thủ, thực hiện, và tiến hành bất kỳ điều khoản và điều kiện nào khác được Nhà quản lý xác định là cần thiết.

(b) Ngoài ra, đơn vị tư nhân xin công nhận chính thức là cơ quan đại diện chứng nhận theo phần phụ này phải nhất trí:

(1) Giữ cho Bộ trưởng vô hại đối với bất kỳ sự không thực hiện các điều khoản của Đạo luật và các qui định trong phần này về phía cơ quan đại diện chứng nhận;

(2) Tạo sự an toàn hợp lý về số lượng và theo các điều khoản mà theo qui định Nhà quản lý có thể qui định vì mục đích bảo vệ quyền lợi của các hoạt động sản xuất và xử lý được chứng nhận bởi cơ quan đại diện chứng nhận theo Đạo luật và các qui định trong phần này; và

(3) Giao cho Nhà quản lý và luôn có sẵn tất cả hồ sơ hoặc các bản sao các hồ sơ về các hoạt động cấp giấy chứng nhận của cơ quan đại diện chứng nhận cho Cán bộ Bang quản lý Chương trình hữu cơ của Bang trong trường hợp cơ quan đại diện chứng nhận giải thể hoặc mất sự công nhận chính thức của mình: *Với điều kiện là, sự chuyển*

giao đó không được áp dụng cho liên doanh liên kết, bán hoặc chuyển giao quyền sở hữu khác của cơ quan đại diện chứng nhận.

§205.506 Cấp công nhận chính thức

(a) Công nhận chính thức sẽ được cấp khi:

(1) Người nộp đơn công nhận chính thức đã nộp thông tin quy định từ §205.503 đến §205.505;

(2) Người nộp đơn công nhận chính thức trả phí cần thiết theo §205.640(c); và

(3) Nhà quản lý xác định rằng người nộp đơn xin công nhận chính thức đáp ứng các yêu cầu về công nhận chính thức như nêu trong §205.501, như được xác định thông qua sự xem xét thông tin đệ trình theo §205.503 đến §205.505 và, nếu cần thiết, rà soát thông tin có được do sự đánh giá nơi nuôi trồng như quy định trong §205.508.

(b) Sau khi tiến hành xác định để chấp thuận đơn xin công nhận chính thức, Nhà quản lý sẽ thông báo cho người nộp đơn về việc cấp văn bản công nhận chính thức, ghi rõ:

(1) (Các) lĩnh vực được công nhận chính thức:

(2) Ngày công nhận chính thức có hiệu lực;

(3) Bất kỳ điều khoản và điều kiện nào về hiệu chỉnh những điều không tuân thủ thứ yếu; và

(4) Đối với cơ quan đại diện chứng nhận là một đơn vị cá nhân, số lượng và loại hình đảm bảo mà phải được thiết lập để bảo vệ quyền lợi của các hoạt động sản xuất và

xử lý do cơ quan đại diện chứng nhận đó chứng nhận.

(c) Công nhận chính thức của cơ quan đại diện chứng nhận phải liên tục có hiệu lực cho đến thời điểm khi mà cơ quan đại diện chứng nhận không cấp lại công nhận chính thức theo qui định trong §205.510(c), cơ quan đại diện chứng nhận tự nguyện ngừng các hoạt động chứng nhận hoặc công nhận chính thức bị hoãn hoặc huỷ bỏ căn cứ theo §205.665.

§205.507 Từ chối công nhận chính thức

(a) Nếu Giám đốc chương trình có lý do tin tưởng rằng, dựa vào sự rà soát các thông tin quy định từ §205.503 đến §205.505 hoặc sau khi đánh giá nơi nuôi trồng theo qui định trong §205.508, rằng người nộp đơn xin công nhận chính thức không thể tuân theo hoặc không theo các yêu cầu của Đạo luật và các qui định trong phần này thì Giám đốc chương trình phải có văn bản thông báo về sự không tuân theo gửi người nộp đơn xin. Thông báo này phải gồm:

(1) Mô tả từng điều không tuân theo;

(2) Thực tế mà thông báo không tuân theo dựa vào; và

(3) Ngày mà người nộp đơn phải bác lại hoặc hiệu chỉnh từng điều không tuân theo và nộp các hồ sơ tài liệu hỗ trợ cho từng hiệu chỉnh đó khi có thể hiệu chỉnh.

(b) Khi từng điều không tuân theo được giải quyết, Giám đốc chương trình sẽ gửi cho người nộp đơn văn bản thông báo về việc giải quyết sự không tuân theo và tiếp tục xử lý thêm đơn nộp.

(c) Nếu người nộp đơn không hiệu chỉnh những điều không tuân theo, không báo cáo

những chỉnh lý vào ngày qui định trong thông báo không tuân theo, không bác bỏ thông báo này vào ngày qui định, hoặc không đạt kết quả khi bác bỏ thông báo này thì Giám đốc chương trình sẽ có văn bản thông báo về sự từ chối công nhận chính thức cho người nộp đơn. Người nộp đơn đã nhận được văn bản thông báo từ chối công nhận chính thức có thể nộp lại đơn xin công nhận chính thức vào bất kỳ thời điểm theo §205.502 hoặc yêu cầu từ chối công nhận chính thức theo §205.681 vào ngày qui định trong thông báo từ chối công nhận chính thức.

(d) Nếu Cơ quan đại diện chứng nhận được công nhận chính thức trước khi đánh giá nơi nuôi trồng và cơ quan đại diện chứng nhận không hiệu chỉnh những điều không tuân theo, không báo cáo những điều chỉnh lý vào ngày qui định trong thông báo không tuân theo, hoặc không bác bỏ thông báo này vào ngày qui định, thì Người quản lý sẽ kiện để hoãn hoặc huỷ bỏ sự công nhận chính thức của cơ quan đại diện chứng nhận. Cơ quan đại diện chứng nhận mà đã có giấy công nhận chính thức bị đình chỉ có thể vào bất kỳ thời điểm nào trừ khi trình bày khác trong thông báo đình chỉ, nộp yêu cầu lên Bộ trưởng để phục hồi lại công nhận chính thức. Yêu cầu phải được đi kèm với bằng chứng chứng minh việc hiệu chỉnh từng điều không tuân theo và những công việc hiệu chỉnh tiến hành để tuân theo và duy trì sự tuân theo Đạo luật và các qui định trong phần này. Cơ quan đại diện chứng nhận mà công nhận chính thức của nó bị thu hồi sẽ không đủ điều kiện cấp công nhận chính thức trong thời gian không dưới 3 năm sau ngày xác định đó.

§205.508 Đánh giá nơi nuôi trồng

(a) Phải tiến hành đánh giá nơi nuôi trồng của các cơ quan đại diện chứng nhận được công nhận chính thức vì mục đích xem xét các hoạt động của cơ quan đại diện chứng nhận và đánh giá sự tuân theo Đạo luật và các qui định trong phần này. Đánh giá nơi nuôi trồng phải gồm một bản rà soát tại nơi nuôi trồng các thủ tục, quyết định, trang thiết bị, hệ thống hành chính và quản lý của cơ quan đại diện chứng nhận, và các hoạt động sản xuất hoặc xử lý được cơ quan đại diện chứng nhận chứng nhận. (Các) đại diện của Nhà quản lý sẽ tiến hành đánh giá nơi nuôi trồng.

(b) Đánh giá nơi nuôi trồng đầu tiên của người nộp đơn xin cấp công nhận chính thức sẽ được tiến hành trước hoặc thời gian hợp lý sau khi ra “thông báo công nhận chính thức” của người nộp đơn. Đánh giá nơi nuôi trồng phải được tiến hành sau khi nộp đơn xin cấp lại công nhận chính thức nhưng trước khi ra thông báo cấp lại công nhận chính thức. Trong thời gian công nhận chính thức sẽ tiến hành một hoặc hơn một đánh giá nơi nuôi trồng để xác định liệu cơ quan đại diện chứng nhận được công nhận chính thức có tuân thủ các qui định chung qui định trong §205.501.

§205.509 Bảng rà soát của những người ngang hàng

Nhà quản lý phải lập ra một bảng rà soát của những người ngang hàng theo Đạo luật của Ủy ban Cố vấn Liên bang (FACA) (5 U.S.C. App. 2 et seq.). Bảng rà soát của những người ngang hàng phải gồm có ít nhất là ba thành viên, những người này hàng năm sẽ đánh giá sự dính kết của chương trình hữu cơ quốc gia với các thủ

tục công nhận chính thức trong phần phụ F này và Hướng dẫn ISO/IEC 61, các yêu cầu chung về việc đánh giá và công nhận chính thức của cơ quan đăng ký và cấp giấy chứng nhận và các quyết định công nhận chính thức của Chương trình hữu cơ quốc gia. Điều này phải được hoàn thành thông qua sự xem xét lại các thủ tục công nhận chính thức, các báo cáo đánh giá nơi nuôi trồng và rà soát tài liệu và các hồ sơ về quyết định công nhận chính thức hoặc những dẫn chứng bằng tài liệu. Bảng rà soát của những người ngang hàng phải có văn bản báo cáo điều phát hiện ra lên Giám đốc Chương trình Hữu cơ Quốc gia.

§205.510 Báo cáo thường niên, lưu sổ sách và cấp lại giấy công nhận chính thức

(a) *Báo cáo thường niên và lệ phí.* Cơ quan đại diện chứng nhận được công nhận chính thức hàng năm phải nộp Nhà quản lý trong hoặc trước ngày ra thông báo cấp giấy công nhận chính thức, các báo cáo và lệ phí sau đây:

(1) Cập nhật hoàn toàn và chính xác các thông tin được trình nộp theo §205.503 và 205.504;

(2) Thông tin hỗ trợ bất kỳ thay đổi nào được yêu cầu trong các lĩnh vực cấp giấy công nhận chính thức mô tả trong §205.500;

(3) Mô tả các biện pháp đã thực hiện trong năm trước và bất kỳ các biện pháp sẽ được thực hiện trong năm tới để đáp ứng bất kỳ các điều khoản và điều kiện nào được Nhà quản lý xác định là cần thiết như qui định trong thông báo công nhận chính

thức gần đây nhất hoặc thông báo từ chối cấp giấy công nhận chính thức;

(4) Các kết quả của các đánh giá thực hiện gần đây nhất và rà soát chương trình hàng năm và mô tả những điều chỉnh đối với hoạt động của cơ quan đại diện chứng nhận và các thủ tục đã thực hiện hoặc sẽ được thực hiện đáp lại những đánh giá thực hiện và rà soát chương trình; và

(5) Lệ phí qui định trong §205.640(a).

(b) *Lưu giữ sổ sách.* Các cơ quan đại diện chứng nhận phải giữ hồ sơ theo kế hoạch sau đây:

(1) Hồ sơ nhận từ người nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận và các hoạt động được chứng nhận phải được giữ trong thời gian không dưới 5 năm đến mức không nhận được chứng nữa;

(2) Hồ sơ do cơ quan đại diện chứng nhận lập ra về những người nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận và các hoạt động chứng nhận phải được lưu giữ trong thời gian không dưới 10 năm đến mức không lập ra được chứng nữa; và

(3) Hồ sơ do cơ quan đại diện chứng nhận lập ra hoặc nhận được căn cứ vào các yêu cầu cấp giấy công nhận chính thức của phần phụ F này không kể hồ sơ có trong §205.510(b)(2) phải được lưu giữ trong thời gian không dưới 5 năm đến mức không lập ra hoặc nhận được chứng nữa.

(c) *Cấp lại giấy công nhận chính thức.*

(1) Nhà quản lý phải gửi cho cơ quan đại diện chứng nhận được công nhận chính thức thông báo sắp hết hạn giấy công nhận chính thức khoảng 1 năm trước ngày hết hạn theo dự kiến.

(2) Đơn xin cấp lại công nhận chính thức của cơ quan đại diện chứng nhận được công nhận chính thức phải nhận được chậm nhất là 6 tháng trước lễ kỷ niệm lần thứ năm phát hành thông báo công nhận chính thức và từng lần cấp lại công nhận chính thức tiếp theo. Giấy công nhận chính thức của cơ quan đại diện chứng nhận mà nộp đơn xin cấp lại công nhận chính thức đúng lúc sẽ không hết hiệu lực trong quá trình cấp lại. Giấy công nhận chính thức của cơ quan đại diện chứng nhận mà không nộp đơn xin cấp lại công nhận chính thức đúng lúc sẽ hết hạn theo dự kiến trừ phi được gia hạn trước ngày hết hạn có dự kiến. Các cơ quan đại diện chứng nhận có giấy công nhận chính thức hết hạn không được thực hiện các hoạt động chứng nhận theo Đạo luật và các qui định của phần này.

(3) Sau khi nhận được thông tin do cơ quan đại diện chứng nhận trình nộp theo đoạn (a) của mục này và các kết quả đánh giá nơi nuôi trồng, Nhà quản lý sẽ xác định liệu cơ quan đại diện chứng nhận vẫn tuân thủ Đạo luật và các qui định của phần này hay không và nếu giấy công nhận chính thức được gia hạn.

(d) *Thông báo cấp lại giấy công nhận chính thức.* Sau khi xác định rằng cơ quan đại diện chứng nhận tuân thủ Đạo luật và các qui định của phần này, Nhà quản lý sẽ phát hành thông báo cấp lại giấy công nhận chính thức. Thông báo cấp lại này sẽ qui định các điều khoản và điều kiện mà được cơ quan đại diện chứng nhận đưa ra và các điều khoản và điều kiện này phải đáp ứng yêu cầu về thời gian.

(e) *Sự không tuân thủ.* Sau khi xác định rằng cơ quan đại diện chứng nhận không

tuân thủ Đạo luật và các qui định của phần này, Nhà quản lý sẽ kiện để đình chỉ hoặc thu hồi giấy công nhận chính thức của cơ quan đại diện chứng nhận.

(f) *Sửa đổi bổ sung giấy công nhận chính thức.* Có thể đề nghị sửa đổi phạm vi của giấy công nhận chính thức bất kể thời gian nào. Đơn xin sửa đổi phải được gửi đến Nhà quản lý và phải gồm các thông tin thích hợp cho thay đổi giấy công nhận chính thức đề nghị, cập nhật hoàn toàn và chính xác thông tin trình nộp theo §205.503 và §205.504 và các lệ phí áp dụng như qui định trong §205.640.

§205.511-§205.599 [Bảo lưu]

Phần phụ G – Hành chính

DANH MỤC CÁC CHẤT CHO PHÉP VÀ BỊ CẤM QUỐC GIA

§205.600 Tiêu chí đánh giá về các chất cho phép và bị cấm, các phương pháp và thành phần

Sẽ sử dụng các tiêu chí sau trong việc đánh giá các chất hoặc thành phần đối với các phần sản xuất và xử lý hữu cơ của Danh mục Quốc gia:

(a) Các chất tự nhiên và nhân tạo được xem xét cho việc gộp vào hoặc

(b) Ngoài những tiêu chí được quy định trong đạo luật, mọi chất tổng hợp khác được sử dụng như chất trợ giúp xử lý hoặc tá dược sẽ được đánh giá theo các tiêu chí sau :

(1) Những chất không thể được sản xuất từ các nguồn tự nhiên và vì vậy không phải là các chất hữu cơ

(2) Việc sản xuất, sử dụng và tiêu hủy những chất đó không gây tác động có hại

đối với môi trường và được thực hiện theo cách tương thích với việc xử lý hữu cơ

(3) Chất lượng dinh dưỡng của thực phẩm được duy trì khi sử dụng chất đó và bản thân chất đó hoặc các sản phẩm phân hủy của nó không gây tác động có hại đối với sức khỏe con người, như được định nghĩa theo các quy định có thể áp dụng của liên bang

(4) Mục đích sử dụng chủ yếu của chất đó không phải là để làm chất bảo quản hoặc tạo lập lại hoặc cải thiện hương vị, màu sắc, cấu trúc, hoặc giá trị dinh dưỡng mà đã bị mất đi trong quá trình chế biến, trừ khi việc thay thế các chất dinh dưỡng được yêu cầu theo quy định pháp luật

(5) Chất đó được Cục thực phẩm và dược phẩm (FDA) liệt kê trong Danh sách Các chất được công nhận chung là an toàn (GRAS) khi được sử dụng theo phương thức sản xuất tốt (GMP) của FDA và không chứa dư lượng kim loại nặng hoặc những chất gây nhiễm độc khác ngoài mức sai số theo quy định của FDA.

(6) Chất đó là quan trọng thiết yếu cho việc xử lý các sản phẩm nông nghiệp được sản xuất theo phương pháp hữu cơ

(c) Các chất không tổng hợp được sử dụng trong xử lý hữu cơ sẽ được đánh giá bằng cách sử dụng các tiêu chí được quy định trong đạo luật (7 U.S.C. 6517 và 6518).

§ 205.601. Các chất tổng hợp được phép sử dụng trong sản xuất cây trồng

Theo các hạn chế được nêu rõ trong phần này, các chất tổng hợp sau có thể được sử dụng trong sản xuất cây trồng, với điều kiện là việc sử dụng những chất như vậy không góp phần gây nhiễm độc cây trồng, đất hoặc nước. Chỉ được sử dụng các chất được cho phép ở phần này - trừ các loại chất tẩy trùng và chất làm vệ sinh trong mục (a) và những chất nêu trong các mục (c), (j), (k) và (l) của phần này - nếu các điều kiện nêu trong điều 205.206 (a)

đến (d) chứng tỏ là đủ để ngăn ngừa hoặc kiểm soát dịch hại cần tiêu diệt.

(a) Các chất diệt tảo, các chất tẩy trùng, các chất làm vệ sinh, kể cả các hệ chất làm sạch hệ thống thủy lợi

(1) Các loại rượu

(i) Etanol

(ii) Isopropanol

(2) Các chất chứa clo - với điều kiện là mức clo dư trong nước không được vượt quá giới hạn tối đa về dư lượng chất tẩy trùng theo đạo luật Nước sạch an toàn

(i) Canxi hypoclorit

(ii) Clo dioxit

(iii) Natri hypoclorit

(3) Đồng sunfat - để sử dụng như thuốc diệt tảo trong các hệ lúa nước, hạn chế ở một lần phun cho mỗi ruộng trong thời gian 24 tháng. Tỷ lệ phun thuốc được hạn chế ở mức không làm tăng giá trị thử nghiệm đất ranh giới đối với đồng trong khung thời gian được thoả thuận giữa nhà sản xuất và cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ.

(4) Hydro peroxit

(5) Khí ozôn - chỉ sử dụng như chất làm sạch hệ thống thủy lợi

(6) Axit peraxetic - sử dụng trong các thiết bị khử trùng, sử dụng cho hạt giống, vật liệu thực vật được nhân giống vô tính

(7) Các thuốc diệt tảo /diệt rêu với thành phần chính là xà phòng

(b) Các thuốc diệt cỏ, các chất làm rào chắn cỏ dại tùy theo trường hợp thích hợp

(1) Các thuốc diệt cỏ, thành phần chính là xà phòng, để sử dụng trong chăm sóc trang trại (Ờường đi, hào rãnh, phía bên phải đường, xung quanh tòa nhà) và cây cảnh

(2) Các lớp phủ

(i) Giấy báo hoặc các loại giấy tái chế khác, không cán bóng hoặc in mực màu

(ii) Các lớp phủ bằng chất dẻo (các chất sản xuất từ dầu mỏ, trừ polyvinyl clorua (PVC))

(c) Nguyên liệu làm phân ủ - Giấy báo hoặc các loại giấy tái chế khác, không cán bóng hoặc in mực màu

(d) Các thuốc trừ sâu bọ - xà phòng, amoniac- chỉ sử dụng để xua đuổi động vật lớn, không tiếp xúc với đất hoặc các phần có thể ăn được của cây trồng

(e) Các thuốc trừ sâu (kể cả thuốc trừ be hoặc vết)

(1) Amoni cacbonat - chỉ sử dụng làm mồi trong bẫy sâu bọ, không tiếp xúc trực tiếp với đất hoặc cây trồng

(2) Axit boric - kiểm soát côn trùng cấu trúc, không tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm hữu cơ hoặc cây trồng

(3) Đồng sunfat - sử dụng để kiểm soát nòng nọc, tôm trong sản xuất lúa nước, giới hạn ở một lần phun cho mỗi ruộng trong thời gian 24 tháng. Tỷ lệ phun thuốc được hạn chế ở mức không làm tăng giá trị thử nghiệm đất ranh giới đối với đồng trong khung thời gian được thoả thuận giữa nhà sản xuất và cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ.

(4) Lưu huỳnh nguyên tố

(5) Lưu huỳnh vôi - kể cả canxi polysulfid

(6) Dầu, dầu cho nghề làm vườn, phạm vi hẹp, như dầu cho thực vật ngủ, dầu làm thực vật ngừng hô hấp, dầu mùa hè

(7) Xà phòng, thuốc trừ sâu

(8) Bẫy dính/ hàng rào dính

(f) Chất kiểm soát côn trùng. Các pheromon

(g) Thuốc diệt động vật gặm nhấm

(1) Lưu huỳnh đioxit - chỉ làm thuốc diệt động vật gặm nhấm dưới mặt đất (bom khói)

(2) Vitamin D3

(h) Mồi sên hoặc ốc sên - Không

(i) Thuốc kiểm soát dịch hại cây trồng

(1) Đồng, đồng hydroxit liên kết, đồng oxit, đồng oxyclorea, kể cả các sản phẩm được miễn áp dụng dung sai của EPA, với điều kiện là nguyên liệu chứa đồng phải được sử dụng theo cách sao cho giảm xuống tối thiểu sự tích lũy trong đất và không được sử dụng làm thuốc diệt cỏ.

(2) Đồng sunfat - chất này phải được sử dụng theo cách sao cho giảm xuống tối thiểu mức độ tích lũy đồng trong đất

(3) Vôi tôi

(4) Hydro peroxit

(5) Lưu huỳnh vôi

(6) Dầu, dầu cho nghề làm vườn, phạm vi hẹp, như dầu cho thực vật ngủ, dầu làm thực vật ngừng hô hấp, dầu mùa hè

(7) Axit peraxetic - sử dụng để diệt vi khuẩn bệnh nấm lửa

(8) Kali bicacbonat

(9) Lưu huỳnh nguyên tố

(10) Streptomycin, chỉ để trừ bệnh nấm lửa ở táo và lê

(11) Tetraxilin (phức oxytetraxilin canxi), chỉ để trừ bệnh nấm lửa

(j) Các chất cải tạo cây trồng hoặc đất

(1) Chiết xuất từ thực vật nước (trừ sản phẩm thủy phân) - Quá trình chiết xuất giới hạn ở việc sử dụng kali hydroxit hoặc natri hydroxit, lượng dung môi được sử dụng giới hạn ở lượng cần thiết để chiết xuất

(2) Lưu huỳnh nguyên tố

(3) Các axit humic - chỉ đối với các nguồn tự nhiên, chiết xuất nước hoặc chiết xuất kiềm

(4) Lignin sulfonat - tác nhân chelat, chất giảm bụi, tác nhân làm nổi

(5) Magiê sunfat - cho phép khi có tình trạng thiếu hụt magiê đã được chứng minh ở đất

(65 FR 80637, 21-12-2001, như được bổ sung sửa đổi tại 68 FR 61992, 31-10-2003)

(6) Các chất vi dinh dưỡng - không sử dụng như các chất làm rụng lá, thuốc diệt cỏ hoặc chất làm khô. Không cho phép sử dụng các chất sản xuất từ nitrat hoặc clorua. Tình trạng thiếu hụt vi dinh dưỡng trong đất phải được chứng minh bằng thử nghiệm.

(i) Các sản phẩm bo tan

(ii) Các sunphat, cacbonat, oxit hoặc silicat của kẽm, đồng, sắt, mangan, molybden, selen, coban

(7) Các sản phẩm dạng lỏng làm từ cá - có thể được điều chỉnh pH bằng axit sulfuric, axit xitric hoặc axit phốtphoric. Lượng axit được sử dụng không được vượt quá mức tối thiểu cần thiết để giảm pH xuống 3,5.

(8) Các vitamin B1, C và E

(k) Các chất điều chỉnh tăng trưởng cây trồng. Khí etylen - để điều chỉnh thời gian ra hoa của dưa

(l) Các tác nhân làm nổi khi xử lý sau thu hoạch

(1) Lignin sulphonat

(2) Natri silicat - để xử lý hoa quả và sợi thực vật

(m) Các thành phần tổng hợp có tính trợ, như được phân loại theo Cục bảo vệ môi trường (EPA), để sử dụng với các chất không tổng hợp hoặc các chất tổng hợp được liệt kê trong phần này và sử dụng như thành phần hoạt tính của thuốc bảo vệ thực vật theo các giới hạn về sử dụng đối với các chất đó

(1) Danh sách 4 của EPA - Các chất trợ ít đáng lo ngại

(2) Danh sách 3 của EPA - Các chất trợ có độc tính chưa rõ - chỉ để sử dụng trong thiết bị pha chế pheromon thụ động

- (z) (bảo lưu)

§ 205.602. Các chất không tổng hợp, cấm sử dụng trong sản xuất cây trồng

Không được sử dụng các chất không tổng hợp sau trong sản xuất cây trồng :

(a) Tro còn lại sau khi đốt phân

(b) Các chất chứa arsen

(c) Canxi clorua, sản xuất theo quy trình nước muối, là chất tự nhiên và bị cấm sử dụng trừ phi dùng phun lá để xử lý rối loạn sinh lý liên quan với sự hấp thụ canxi

(d) Các muối chì

(e) Kali clorua - trừ phi khai thác từ mỏ và sử dụng theo cách sao cho giảm xuống tối thiểu mức độ tích lũy clorua trong đất

(f) Natri floaluminat (khai thác từ mỏ)

(g) Natri nitrat - trừ phi việc sử dụng được hạn chế ở mức không quá 20% tổng nhu cầu nitơ của cây trồng. Sử dụng trong sản xuất vi khuẩn spirulina không bị hạn chế cho đến 21-10-2005.

(h) Strychnin

(i) Bụi thuốc lá (nicotin sunfat)

(j) - (z) (Bảo lưu)

(68 FR 61992, 31-10-2003)

§ 205.603. Các chất tổng hợp, được phép sử dụng trong sản xuất vật nuôi

Theo các giới hạn được nêu trong phần này, các chất tổng hợp sau có thể được sử dụng trong sản xuất vật nuôi :

(a) Các chất tẩy trùng, các chất làm vệ sinh, các chất điều trị y tế tùy theo trường hợp thích hợp

(1) Các loại rượu

(i) Etanol - chỉ dùng làm chất tẩy trùng và chất làm vệ sinh, cấm sử dụng làm phụ gia thức ăn gia súc

(ii) Isopropanol - chỉ làm chất tẩy trùng

(2) Axpirin - cho phép sử dụng trong chăm sóc sức khỏe vật nuôi để giảm viêm

(3) Các chất sinh học - các vắcxin

(4) Clohexidin - cho phép đối với các quy trình phẫu thuật do bác sĩ thú y thực hiện. được phép sử dụng để ngâm rửa đầu vú khi các tác nhân sát trùng và/hoặc các chất làm hàng rào vật lý khác không có tác dụng

(5) Các vật liệu chứa clo - tẩy trùng và làm vệ sinh các tiện ích và trang thiết bị. Mức clo dư trong nước không được vượt quá giới hạn tối đa về dư lượng chất tẩy trùng theo đạo luật Nước sạch an toàn

(i) Canxi hypoclorit

(ii) Clo đioxit

(iii) Natri hypoclorit

(6) Các chất điện ly - không chứa các chất kháng sinh

(7) Glucoza

(8) Glyxerin - được cho phép để ngâm rửa đầu vú vật nuôi, phải được sản xuất bằng phương pháp thủy phân mỡ hoặc dầu

(9) Hydro peroxit

(10) Iốt

(11) Magiê sunfat

(12) Oxytixin - sử dụng trong các ứng dụng điều trị sau khi vật nuôi đẻ con

(13) Các thuốc diệt ký sinh trùng.

Ivermectin- cấm sử dụng trong vật nuôi giết thịt, cho phép như biện pháp điều trị khẩn cấp đối với vật nuôi lấy sữa và gây giống, khi các biện pháp phòng ngừa được chấp thuận theo kế hoạch hệ thống hữu cơ không ngăn chặn được ký sinh trùng. Sữa hoặc sản phẩm sữa lấy từ vật nuôi đã điều trị không thể được dán nhãn như quy định

trong mục D của phần này trong thời gian 90 ngày sau khi điều trị. Ở vật nuôi gây giống, biện pháp điều trị không thể được thực hiện trong kỳ thai nghén thứ ba cuối cùng nếu con của vật nuôi được bán như sản phẩm hữu cơ, và không được sử dụng trong thời kỳ tiết sữa của vật nuôi gây giống

(14) Axit photphoric - được phép sử dụng như chất làm sạch thiết bị, với điều kiện là không tiếp xúc trực tiếp với vật nuôi hoặc đất

(b) Sử dụng như thuốc điều trị cục bộ, thuốc diệt ký sinh trùng ngoài da hoặc thuốc gây tê cục bộ tùy theo trường hợp thích hợp

(1) Đồng sunfat

(2) Iốt

(3) Lidocain - dùng làm thuốc gây tê cục bộ. Khi sử dụng phải áp dụng thời gian 90 ngày không giết mổ sau khi cho vật nuôi sử dụng (®ối với vật nuôi giết mổ) và 7 ngày không lấy sữa sau khi cho vật nuôi sử dụng (®ối với vật nuôi lấy sữa).

(4) Vôôi tôi - dùng để kiểm soát dịch hại bên ngoài, không cho phép dùng để đốt các thay đổi vật lý hoặc để khử mùi của phế thải vật nuôi

(5) Dầu khoáng - để sử dụng cục bộ và làm chất bôi trơn

(6) Procain - dùng làm thuốc gây tê cục bộ. Khi sử dụng phải áp dụng thời gian 90 ngày không giết mổ sau khi cho vật nuôi sử dụng (®ối với vật nuôi giết mổ) và 7 ngày không lấy sữa sau khi cho vật nuôi sử dụng (®ối với vật nuôi lấy sữa).

(c) Phụ gia thức ăn gia súc - Các chất thay thế sữa không chứa kháng sinh, chỉ để sử dụng cho trường hợp khẩn cấp, các sản phẩm không sữa hoặc sản phẩm từ vật nuôi được điều trị bằng BST

(d) Phụ gia thức ăn gia súc

(1) DL-methionin, chất tương tự DL-methionin-hydroxy, chất tương tự DL-

methionin-hydroxy có chứa canxi - chỉ sử dụng trong sản xuất gia cầm cho đến ngày 21-10-2005.

(2) Khoáng chất vi lượng, được sử dụng để bổ sung hoặc tăng cường khi được FDA cho phép

(3) Các vitamin, được sử dụng để bổ sung hoặc tăng cường khi được FDA cho phép

(e) Các thành phần tổng hợp có tính trợ, như được phân loại theo Cục bảo vệ môi trường (EPA), để sử dụng với các chất không tổng hợp hoặc các chất tổng hợp được liệt kê trong phần này và sử dụng như thành phần hoạt tính của thuốc bảo vệ thực vật theo các giới hạn về sử dụng đối với các chất đó

(e-1) Danh sách 4 của EPA - Các chất trợ ít đáng lo ngại

- (z) (Bảo lưu)

(65 FR 80637, 21-12-2001, như được bổ sung sửa đổi tại FR 61992, 31-10-2003)

§ 205.604. Các chất không tổng hợp, cấm sử dụng trong sản xuất cây trồng

Không được sử dụng các chất không tổng hợp sau trong sản xuất vật nuôi :

(a) Strychnin

(b) - (z) (Bảo lưu)

§ 205.605. Các chất phi nông nghiệp (không hữu cơ), được phép sử dụng như thành phần trong hoặc trên các sản phẩm chế biến được dán nhãn "Hữu cơ" hoặc "Sản xuất với các chất hữu cơ (thành phần hoặc nhóm/các nhóm thực phẩm được chỉ rõ)".

Các chất phi nông nghiệp dưới đây chỉ có thể được sử dụng như thành phần trong hoặc trên các sản phẩm chế biến được dán nhãn "Hữu cơ" hoặc "Sản xuất với các thành phần đã nêu hoặc nhóm/các nhóm

thực phẩm", theo các hạn chế được nêu trong phần này.

(a) Các chất không tổng hợp được phép sử dụng :

Các axit (axit alginic, axit xitric - sản xuất bằng lên men vi khuẩn hoặc các chất hydrocacbon, axit lactic).

Thạch trắng

Enzym động vật (Rennet - dẫn xuất từ động vật, catalaza - gan bò, lipaza động vật, pancreatin, pepsin, trypsin).

Bentonit

Canxi cacbonat

Canxi clorua

Canxi sunfat - khai thác từ mỏ

Caragenaan

Các chất tạo màu, chỉ từ các nguồn không tổng hợp

Các mẻ cấy vi khuẩn sữa

Đất tảo cát - chỉ làm chất trợ lọc thực phẩm

Các enzym, phải dẫn xuất từ các nguồn không tổng hợp, cây trồng không độc, nấm không gây bệnh, hoặc vi khuẩn không gây bệnh

Các hương liệu, chỉ từ các nguồn không tổng hợp, không được sản xuất bằng cách sử dụng dung môi và các hệ mang tổng hợp hoặc các chất bảo quản nhân tạo

Glucono delta-lacton- Cấm sử dụng sản phẩm sản xuất bằng phương pháp oxy hóa D-glucoza với nước brom.

Caolanh

Magiê sunphat, chỉ từ các nguồn không tổng hợp

Nitơ - bậc chất lượng không đầu

Oxy - bậc chất lượng không đầu

Peclit - chỉ sử dụng như chất trợ lọc trong chế biến thực phẩm

Kali clorua

Kali iốtđua

Natri bicacbonat

Natri cacbonat

Axit tartaric

Sáp - không tổng hợp (sáp Carnauba, nhựa gỗ)

Men - không tổng hợp, cấm sử dụng sản phẩm được phát triển trên nền hóa dầu và nước phế thải sulphit (sản phẩm tự phân, men làm bánh, men nấu bia, men dinh dưỡng, và sản phẩm hun khói - phải chứng minh quá trình tạo hương vị bằng khói không tổng hợp)

(b) Các chất tổng hợp được phép sử dụng :

Các alginat

Amoni bicacbonat - chỉ sử dụng như tác nhân bột nở

Axit ascorbic

Canxi xitrat

Canxi hydroxit

Canxi photphat (monobazơ, đibazơ và tribazơ)

Cacbon dioxit

Xeluloza - sử dụng trong các vỏ bọc tái sinh, tác nhân chống đóng bánh (không tẩy bằng clo) và chất trợ lọc

Các chất chứa clo - tẩy trùng và làm sạch các bề mặt tiếp xúc với thực phẩm, với điều kiện là mức clo dư trong nước không được vượt quá giới hạn tối đa về dư lượng chất tẩy trùng theo đạo luật Nước sạch an toàn (Canxi hypoclorit, clo đioxit, natri hypoclorit)

Etylen - cho phép sử dụng để làm chín hoa quả nhiệt đới sau thu hoạch và làm mất màu xanh của chanh cam.

Sắt sunphat - để bổ sung hoặc tăng cường sắt trong thực phẩm khi được yêu cầu theo các quy định pháp lý hoặc khi được khuyến cáo (bởi các tổ chức độc lập)

Glyxerit (monoglyxerit và diglyxerit) - chỉ sử dụng để sấy khô thực phẩm trong thiết bị trống

Glyxerin - sản xuất bằng phương pháp thủy phân mỡ và dầu

Hydro peroxit

Lexithin - đã tẩy trắng

Magiê cacbonat - chỉ để sử dụng trong các sản phẩm nông nghiệp dán nhãn “Sản xuất với các chất hữu cơ (các thành phần hoặc nhóm thực phẩm được nêu rõ)”. Cấm sử dụng trong các sản phẩm nông nghiệp dán nhãn “Hữu cơ”.

Magiê clorua - dẫn xuất từ nước biển

Magiê stearat - chỉ để sử dụng trong các sản phẩm nông nghiệp dán nhãn “Sản xuất với các chất hữu cơ (các thành phần hoặc nhóm thực phẩm được nêu rõ)”. Cấm sử dụng trong các sản phẩm nông nghiệp dán nhãn “Hữu cơ”.

Các vitamin và khoáng chất dinh dưỡng, theo 21 CFR 104.20, Nguyên tắc chỉ đạo về chất lượng dinh dưỡng đối với thực phẩm

Ozôn

Pectin (hàm lượng methoxy thấp)

Axit photphoric - chỉ dùng để làm sạch các bề mặt và thiết bị tiếp xúc với thực phẩm

Kali axit tartric

Kali tartrat, sản xuất từ axit tartric

Kali cacbonat

Kali xitrat

Kali hydroxit - cấm sử dụng để bóc vỏ hoa quả và rau bằng dung dịch kiềm, trừ

phi sử dụng để bóc vỏ đào theo quy trình sản xuất đông lạnh nhanh riêng rẽ (IQF).

Kali iốtđua - chỉ để sử dụng trong các sản phẩm nông nghiệp dán nhãn “Sản xuất với các chất hữu cơ (các thành phần hoặc nhóm thực phẩm được nêu rõ)”. Cấm sử dụng trong các sản phẩm nông nghiệp dán nhãn “Hữu cơ”.

Kali photphat - chỉ để sử dụng trong các sản phẩm nông nghiệp dán nhãn “Sản xuất với các chất hữu cơ (các thành phần hoặc nhóm thực phẩm được nêu rõ)”. Cấm sử dụng trong các sản phẩm nông nghiệp dán nhãn “Hữu cơ”.

Silic đioxit

Natri xitrat

Natri hydroxit - cấm sử dụng để bóc vỏ hoa quả và rau bằng dung dịch kiềm,

Natri photphat - chỉ để sử dụng trong thực phẩm sữa

Lưu huỳnh đioxit - chỉ để sử dụng trong rượu vang dán nhãn “Sản xuất với các chất hữu cơ”, với điều kiện là tổng nồng độ sunphit không vượt quá 100 ppm.

Axit tartric

Các tocopherol - dẫn xuất từ dầu thực phẩm, khi sử dụng chiết xuất hương thảo là không thích hợp

Gôm xanthan

(c) - (z) (Bảo lưu)

(68 FR 61993, 31-10-2003, như được bổ sung sửa đổi tại 68 FR 62217, 3-11-2003)

§ 205.606. Các sản phẩm nông nghiệp được sản xuất bằng phương pháp không hữu cơ, được phép sử dụng như thành phần trong hoặc trên các sản phẩm chế biến được dán nhãn "Hữu cơ" hoặc

“Sản xuất với các chất hữu cơ (các thành phần hoặc nhóm/các nhóm thực phẩm được nêu rõ”.

Các sản phẩm nông nghiệp dưới đây, được sản xuất theo phương pháp không hữu cơ, chỉ có thể được sử dụng như thành phần trong hoặc trên các sản phẩm chế biến được dán nhãn "Hữu cơ" hoặc “Sản xuất với các thành phần hữu cơ hoặc nhóm/các nhóm thực phẩm đã chỉ rõ”, theo các hạn chế được nêu trong phần này.

Mọi sản phẩm nông nghiệp được sản xuất bằng phương pháp không hữu cơ đều có thể được sử dụng theo các hạn chế được nêu trong phần này và khi sản phẩm đó không có bán ở dạng hữu cơ trên thị trường.

- (a) Tinh bột ngũ cốc (tự nhiên)
- (b) Gôm - chỉ chiết xuất trong nước (gôm arabic, gôm guar, đậu châu châu, đậu carob)
- (c) Tảo bẹ - chỉ sử dụng như chất làm đặc và phụ gia dinh dưỡng
- (d) Lexithin - không tẩy trắng
- (e) Pectin (hàm lượng metoxy cao)

§ 205.607. Bổ sung sửa đổi Danh sách quốc gia

- (a) Bất cứ ai cũng có thể kiến nghị Ủy ban Tiêu chuẩn hữu cơ quốc gia để Ủy ban đánh giá một chất với mục đích khuyến nghị Bộ trưởng đưa vào hoặc loại bỏ chất đó ra khỏi Danh sách quốc gia theo đạo luật này.
- (b) Người kiến nghị bổ sung sửa đổi Danh sách quốc gia phải xin USDA một bản sao về thủ tục kiến nghị, gửi thư đến USDA theo địa chỉ nêu trong điều 205.607 (c).
- (c) Đơn kiến nghị bổ sung sửa đổi Danh sách quốc gia phải được gửi đến : Giám đốc chương trình, USDA/AMS/TMP/NOP,

1400 Independence Ave., SW., Room 4008-So., Ag Stop 0268, Washington DC 20250.

(65 FR 80637, 21-12-2001, như được bổ sung sửa đổi tại 68 FR 61993, 31-10-2003)

§ 205.608-205.619 (bảo lưu)

CÁC CHƯƠNG TRÌNH HỮU CƠ QUỐC GIA

§ 205.20. Các yêu cầu của các chương trình hữu cơ của các bang

(a) Một bang có thể thành lập Chương trình hữu cơ Quốc gia cho các hoạt động sản xuất và xử lý trong phạm vi bang sản xuất và xử lý các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ

(b) Chương trình hữu cơ Quốc gia phải đáp ứng các yêu cầu về các chương trình hữu cơ được nêu trong đạo luật này.

(c) Chương trình hữu cơ Quốc gia có thể bao gồm nhiều yêu cầu hạn chế hơn do các điều kiện môi trường hoặc do sự cần thiết của các phương thức sản xuất hay xử lý cụ thể, riêng biệt đối với bang đó hoặc một vùng của Hoa Kỳ.

(d) Chương trình hữu cơ Quốc gia phải thừa nhận việc tuân thủ các nghĩa vụ trong bang đối với các yêu cầu của phần này và mọi yêu cầu hạn chế khác đã được Bộ trưởng chấp thuận.

(e) Chương trình hữu cơ Quốc gia và bất cứ bổ sung sửa đổi nào đối với chương trình như vậy phải được Bộ trưởng chấp thuận trước khi được bang thực hiện.

§ 205.621. Đề trình và quyết định về đề xuất các Chương trình hữu cơ Quốc gia và các bổ sung sửa đổi đối với các chương trình hữu cơ đã được chấp thuận của bang

(a) Viên chức phụ trách Chương trình hữu cơ Quốc gia phải đệ trình cho Bộ trưởng bản đề xuất Chương trình hữu cơ Quốc gia và tất cả các bổ sung sửa đổi được đề xuất đối với chương trình đó

(1) Bản đề trình như vậy phải bao gồm các tài liệu hỗ trợ, có nêu các thẩm quyền pháp lý, miêu tả chương trình, tài liệu về tình trạng môi trường hoặc các phương thức sản xuất và thao tác cụ thể, đặc biệt cho bang cần nhiều yêu cầu hạn chế hơn so với những yêu cầu trong phần này, và các thông tin khác mà Bộ trưởng có thể yêu cầu.

(2) Bản đề trình yêu cầu bổ sung sửa đổi chương trình hữu cơ đã được chấp thuận của bang phải bao gồm các tài liệu hỗ trợ bao gồm sự giải thích và tài liệu về tình trạng môi trường hoặc các phương thức sản xuất và thao tác cụ thể, đặc biệt đối với bang đó hoặc vùng đó mà cần phải được bổ sung sửa đổi như đề xuất. Các tài liệu hỗ trợ cũng phải giải thích sự bổ sung sửa đổi sẽ xúc tiến và phù hợp với các mục đích của đạo luật này và các quy định của phần này như thế nào.

(b) Trong vòng 6 tháng từ khi nhận được bản đề trình, Bộ trưởng sẽ : Thông báo cho viên chức bang phụ trách Chương trình hữu cơ Quốc gia về sự chấp thuận hoặc không chấp thuận đối với chương trình được đề xuất hoặc đối với sự bổ sung sửa đổi chương trình đã được chấp thuận. Nếu không chấp thuận thì sẽ nêu lý do của việc không chấp thuận.

(c) Sau khi nhận được thông báo không chấp thuận, bất cứ lúc nào viên chức bang phụ trách Chương trình hữu cơ Quốc gia cũng có thể nộp bản điều chỉnh của Chương trình hữu cơ Quốc gia hoặc bản điều chỉnh của đề nghị bổ sung sửa đổi

Điều 205.622. Xem xét lại các chương trình hữu cơ đã được chấp thuận của bang

Bộ trưởng sẽ xem xét lại Chương trình hữu cơ Quốc gia ít nhất một lần trong mỗi chu kỳ 5 năm kể từ ngày chấp thuận chương trình ban đầu. Trong vòng 6 tháng sau khi bắt đầu xem xét lại, Bộ trưởng sẽ thông báo cho viên chức phụ trách Chương trình hữu

cơ Quốc gia về sự chấp thuận hoặc không chấp thuận chương trình này.

§ 205.623-205.639 (Bảo lưu)

LỆ PHÍ

§ 205.640. Lệ phí và các loại phí khác đối với việc công nhận

Lệ phí và các loại phí tương đương khác mà có thể là chi phí của các dịch vụ công nhận được thực hiện trong khuôn khổ các quy định, kể cả công nhận ban đầu, xem xét lại các báo cáo hàng năm, gia hạn sự công nhận, sẽ được xác định và thu của người làm đơn xin công nhận ban đầu và các cơ quan có thẩm quyền chứng nhận, khi nộp các báo cáo hàng năm hoặc xin gia hạn sự công nhận theo các điều khoản và điều kiện sau :

(a) Lệ phí dịch vụ :

Trừ phi được quy định khác trong phần này, lệ phí dịch vụ sẽ dựa trên thời gian cần thiết để thực hiện dịch vụ, làm tròn đến từng chu kỳ thời gian 15 phút, kể cả thời gian xem xét lại đơn, các tài liệu kèm theo và các thông tin, thời gian đi lại của người đánh giá, thời gian xem xét lại báo cáo hàng năm, các tài liệu cập nhật và các thông tin, và thời gian cần thiết để chuẩn bị các báo cáo và bất cứ tài liệu nào khác trong mối liên quan với việc thực hiện dịch vụ. Giá dịch vụ theo giờ sẽ như giá của Cục Tiếp thị Nông nghiệp trong Chương trình chứng nhận các hệ thống chất lượng của cơ quan đó đối với các cơ quan cấp chứng chỉ khi họ yêu cầu đánh giá sự phù hợp đối với tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn hoá "Các yêu cầu chung đối với các cơ quan điều hành các hệ thống cấp chứng chỉ sản phẩm" (Hướng dẫn ISO 65)

(2) Khi nộp các báo cáo hàng năm hoặc xin gia hạn giấy công nhận trong thời gian 18 tháng đầu sau ngày có hiệu lực ở mục F của phần này, người làm đơn xin công nhận ban đầu và các cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ sẽ nhận được dịch vụ mà không phải chịu phí dịch vụ tính theo giờ

(3) Với hiệu lực 18 tháng sau ngày 20-2-2001, khi làm đơn người làm đơn xin công nhận ban đầu và xin gia hạn giấy công nhận phải trả khoản phí không hoàn lại là 500,00 USD, được tính vào tài khoản phí dịch vụ của người làm đơn,

(b) *Phí đi lại.* Khi yêu cầu thực hiện dịch vụ tại một nơi xa với trụ sở của người đánh giá mà người đánh giá phải đi tổng cộng nửa giờ hoặc hơn để đến nơi đó và trở về trụ sở của mình hoặc đến nơi được ấn định trước trên tuyến đi vòng quanh mà phải đi mất tổng cộng nửa giờ hoặc lâu hơn để đến nơi ấn định tiếp theo trên tuyến đi vòng quanh đó, thì lệ phí cho dịch vụ như vậy sẽ bao gồm phí đi đường do Bộ Nông nghiệp Mỹ quyết định theo phương pháp hành chính và tiền đi đường nếu có thể áp dụng, hoặc chi phí của chuyến đi như vậy sẽ được chia theo tỷ lệ cho tất cả những người làm đơn và các cơ quan chứng nhận thực hiện dịch vụ trên cơ sở bình đẳng, hoặc nếu chuyến đi được thực hiện bằng dịch vụ giao thông công cộng (kể cả xe thuê) thì lệ phí sẽ bằng chi phí thực tế của chuyến đi. Đối với tất cả những người làm đơn xin công nhận ban đầu và các cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ, phí đi đường sẽ có hiệu lực từ ngày 20-2-2001. Nếu không được thông báo trước khi thực hiện dịch vụ thì người làm đơn hoặc cơ quan cấp chứng chỉ sẽ không phải chịu phí đi đường tính theo giá mới.

(c) *Phí lương ngày.* Khi yêu cầu thực hiện dịch vụ tại một nơi xa trụ sở của người đánh giá, lệ phí cho dịch vụ như vậy sẽ bao gồm phí lương ngày nếu người làm việc (những người làm việc) thực hiện dịch vụ đó được trả lương ngày theo các quy định hiện tại về đi đường. Phí lương ngày đối với những người làm đơn và các cơ quan cấp chứng chỉ sẽ áp dụng cho cùng thời gian mà người đánh giá (những người đánh giá) nhận được tiền lương công tác tính theo ngày. Giá lương ngày sẽ do Bộ Nông nghiệp Mỹ xác định theo phương pháp hành chính. Đối với tất cả những người làm đơn xin công nhận ban đầu và các cơ quan có thẩm quyền

cấp chứng chỉ, phí đi đường sẽ có hiệu lực từ ngày 20-2-2001. Nếu không được thông báo trước khi thực hiện dịch vụ, người làm đơn hoặc cơ quan cấp chứng chỉ sẽ không phải chịu phí lương ngày tính theo giá mới.

(d) *Các chi phí khác.* Khi các chi phí khác với những chi phí nêu trong các mục (a), (b) và (c) của phần này có liên quan với việc cung cấp dịch vụ, người làm đơn hoặc cơ quan cấp chứng chỉ sẽ phải trả các chi phí đó. Những chi phí như vậy bao gồm tiền thuê thiết bị, tiền photocopy, gửi thư từ, fax, điện thoại, hoặc phí dịch thuật đã phải trả tiền trong mối liên quan với các dịch vụ công nhận. Mức phí sẽ do Bộ Nông nghiệp Mỹ xác định theo phương pháp hành chính. Đối với tất cả những người làm đơn xin công nhận ban đầu và các cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ, các loại phí như vậy sẽ có hiệu lực từ ngày 20-2-2001.

§ 205.641. Thanh toán lệ phí và các loại phí khác

(a) Khi nộp đơn, những người làm đơn xin công nhận ban đầu và xin gia hạn giấy công nhận phải thanh toán một khoản lệ phí không hoàn lại theo điều 205.640 (a)(3). Số tiền này phải được chuyển cho Cục Tiếp thị Nông nghiệp Mỹ, gửi đến : Giám đốc chương trình, USDA/AMS/TMP/NOP, Room 2945- South Building, P.P. Box 96456, Washington DC 20090-6456, hoặc gửi đến địa chỉ khác theo yêu cầu của Giám đốc chương trình.

(b) Tiền thanh toán lệ phí và các loại phí khác không nêu trong mục (a) của phần này phải :

(1) được thanh toán vào ngày nêu trên phiếu thu tiền

(2) thanh toán cho Cục Tiếp thị Nông nghiệp, USDA,

(3) gửi đến địa chỉ nêu trong phiếu thu tiền

(c) Người quản lý phải đánh giá tiền lãi, tiền phạt và chi phí quản lý chưa thanh toán vào ngày thanh toán được nêu trên phiếu

thu tiền, và thu số tiền còn nợ không trả đúng hạn hoặc chuyển vấn đề lên Bộ Tư pháp để yêu cầu giải quyết theo con đường pháp lý.

Dịch vụ tiếp thị nông nghiệp, USDA

§ 205.642. Các thứ chi phí cho việc cấp giấy chứng nhận

Các thứ chi phí trả cho đại lý chứng thực phải hợp lý và đại lý này sẽ theo phí từ người nộp đơn đối với việc cấp giấy chứng nhận các sản phẩm đã được chứng thực và công tác xử lý chỉ được tính chi phí khi đã có hồ sơ với cơ quan quản lý. Đại lý chứng thực sẽ cung cấp cho mỗi người nộp đơn một dự toán cho tổng phí ước lượng và một khoản phí hàng năm phục vụ cho vấn đề cập nhật công tác cấp giấy chứng nhận. Đại lý chứng thực có thể đòi hỏi những người nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận trả tiền ngay vào lúc nộp đơn một khoản phí không hoàn trả có thể áp dụng cho tài khoản phí dịch vụ của người nộp đơn. Đại lý chứng thực có thể đặt một phần của phí không hoàn lại. Tuy nhiên phần của phí không hoàn lại của việc cấp giấy chứng nhận với phí trả được giải thích trong biểu phí nộp cho cơ quan quản lý. Biểu phí phải giải thích tổng phí là bao nhiêu thì sẽ không hoàn trả và tại giai đoạn nào trong quá trình cấp giấy chứng thực thì phí trở nên không hoàn lại. Đại lý chứng thực sẽ cung cấp cho mọi người muốn biết về quá trình nộp đơn với một bản sao cho biểu phí.

§ 205.642. – 205.649 [bảo lưu]

TÍNH CHẤT PHÙ HỢP

§ 205.660. Tổng quát

(a) Giám đốc Chương trình Hữu cơ Quốc gia, thay mặt cho thư ký, có thể thanh tra và xét duyệt các sản phẩm đã được chứng thực và công tác xử lý và các đại lý chứng

thực có thẩm quyền sao cho phù hợp với Đạo luật hoặc Quy chế trong phần này.

(b) Giám đốc Chương trình có thể khởi xướng việc đình chỉ hoặc thu hồi các thủ tục trái với công tác chứng thực.

(1) Khi Giám đốc Chương trình có lý do để tin rằng việc chứng thực đã vi phạm hoặc không phù hợp với Đạo luật hoặc quy chế nói trong phần này.

(2) Khi mà Đại lý chứng thực hoặc viên chức Bang chỉ phối Chương trình hữu cơ Quốc gia không có những hành động thích hợp để cưỡng bức việc thực thi Đạo luật hoặc quy chế trong vấn đề này.

(c) Giám đốc Chương trình có thể đề nghị đình chỉ hoặc thu hồi việc uỷ nhiệm của đại lý chứng thực nếu như đại lý chứng thực không gặp, tiến hành hoặc duy trì yêu cầu uỷ nhiệm theo Đạo luật hoặc phần này.

(d) Mỗi thông báo về Không tuân thủ quyết định, đình chỉ hoặc thu hồi theo các mục § 205.662, § 205.663 và § 205.665 và mỗi phản ứng với thông báo phải được gửi tới địa chỉ Kinh doanh của người nhận qua dịch vụ giao hàng chịu trách nhiệm cung cấp các hoá đơn trả về có đề ngày tháng.

§ 205.661. Điều tra các hoạt động chứng thực.

(a) Một đại lý chứng thực có thể điều tra đối với những lời than phiền về không thi hành Đạo luật hay quy chế về phần này có liên quan đến việc thực hiện hoặc xử lý những hoạt động xác nhận về mặt hữu cơ của đại lý chứng thực. Một đại lý chứng thực phải thông báo cho Nhà quản lý Chương trình về mọi thủ tục thực thi và những hành động đã tiến hành phù hợp với phần này.

(b) Một viên chức cấp Bang chịu trách nhiệm giám sát Chương trình hữu cơ Quốc gia có thể điều tra về những lời ca thán về

không thi hành đạo luật này hay quy chế phần này có liên quan đến sản xuất hữu cơ hoặc là xử lý những hoạt động của Bang.

§ 205.661. Các thủ tục không phù hợp với những hoạt động chứng thực

(a) Việc cấp giấy chứng nhận. Khi một cuộc thanh tra, duyệt xét hoặc một viên chức cấp Bang giám sát Chương trình hữu cơ Quốc gia tiết lộ bất cứ việc không phù hợp vào đối với “Đạo luật hoặc quy chế này, một thông báo bằng văn bản về không phù hợp sẽ được gửi cho hoạt động chứng nhận. Bản thông cáo như vậy sẽ cung cấp:

(1) Một bản mô tả mỗi hành động không phù hợp;

(2) Thực tế trong đó việc thông báo về không phù hợp được dựa vào và

(3) Ngày tháng mà theo đó các hoạt động chứng thực phải từ chối hoặc sửa chữa mỗi hành động không phù hợp và nộp tài liệu hỗ trợ cho các sửa chữa như vậy khi việc sửa chữa có thể tiến hành được.

§205.663

(b) Nghị quyết

Khi một hoạt động đã được chứng thực chứng tỏ rằng mỗi một sự không phù hợp đã được giải quyết thì nhân viên chứng thực hoặc viên chức nhà nước quản lý chương trình hữu cơ của nhà nước thích hợp sẽ gửi cho hoạt động đã được chứng thực một thông báo viết về nghị quyết không phù hợp.

(c) Đề nghị treo hoặc huỷ bỏ

Khi một sự bác bỏ không thành công hoặc sửa chữa của sự không phù hợp không hoàn thành trong thời gian quy định thì nhân viên chứng thực hoặc viên chức nhà nước quản lý chương trình hữu cơ của nhà nước sẽ gửi cho hoạt động chứng thực một thông báo viết hoặc huỷ bỏ chứng thực của toàn bộ hoạt động hoặc một phần của hoạt

động như được áp dụng đối với sự không phù hợp. Khi sự sửa chữa của một sự không phù hợp là không thể được thì sự chứng thực không phù hợp và đề nghị treo hoặc huỷ bỏ chứng thực có thể được kết hợp trong một thông báo. Thông báo của chứng thực treo hoặc huỷ bỏ chứng thực sẽ nêu rõ.

(1) Cả lý do cho việc chứng thực treo hoặc huỷ bỏ

(2) Ngày có hiệu lực của đề nghị treo hoặc huỷ bỏ; như vậy;

(3) Ảnh hưởng của việc treo hoặc huỷ bỏ đối với việc được chứng thực trong tương lai; và

(4) Quyền được yêu cầu điều đình theo §205.663 hoặc được xem xét theo §205.681

(d) Những vi phạm cố ý

Không kể đoạn (a) của mục này, nếu một nhân viên chứng thực hoặc viên chức nhà nước quản lý chương trình hữu cơ của nhà nước có lý do để tin rằng một hoạt động được chứng thực đã cố ý vi phạm đạo luật hoặc các quy định trong phần này thì nhân viên chứng thực hoặc viên chức nhà nước quản lý chương trình hữu cơ của nhà nước sẽ gửi cho hoạt động được chứng thực một thông báo của đề nghị treo hoặc huỷ bỏ chứng thực của toàn bộ hoạt động hoặc một phần của hoạt động như là áp dụng đối với sự không phù hợp.

(e) Treo hoặc huỷ bỏ

(1) Nếu hoạt động được chứng thực không sửa chữa sự không phù hợp, giải quyết vấn đề thông qua sự bác bỏ hoặc điều đình, hoặc đề nghị xem xét đề nghị treo hoặc bác bỏ của sự chứng thực thì nhân viên chứng thực hoặc viên chức nhà nước quản lý chương trình vô cơ của nhà nước sẽ gửi cho hoạt động được chứng thực một thông báo viết của việc treo hoặc huỷ bỏ.

(2) Một nhân viên chứng thực hoặc viên chức nhà nước quản lý chương trình vô cơ của nhà nước không phải giữ một thông báo của việc treo hoặc huỷ bỏ cho một hoạt động được chứng thực đã yêu cầu được điều đình theo §205.263.663 hoặc đã đề nghị được xem xét theo §205.681 trong khi nghị quyết cuối cùng của cả hai còn treo.

(f) Sự thích hợp

(1) Một hoạt động được chứng thực mà việc chứng thực đã bị treo theo mục này có thể vào bất cứ lúc nào, trừ phi có tuyên bố gì khác trong bản thông báo treo, nộp một đề nghị cho Bộ trưởng để phục hồi lại việc chứng thực. Đề nghị này phải kèm theo bằng chứng chứng tỏ sự sửa chữa của mỗi một sự không phù hợp và có các hành động sửa chữa phù hợp với và vẫn còn phù hợp với Đạo luật và các quy định trong phần này.

(2) Một hoạt động được chứng thực hoặc một người có liên quan một cách có trách nhiệm với một hoạt động mà sự chứng thực của nó đã bị huỷ bỏ sẽ không nhận được sự chứng thực trong thời gian 5 năm sau ngày của một sự huỷ bỏ như vậy, chỉ trừ khi Bộ trưởng có thể, khi theo lợi ích tốt nhất của chương trình chứng thực, giảm hoặc huỷ bỏ thời kỳ không được phép.

(g) Những vi phạm đạo luật

Ngoài việc treo hoặc huỷ bỏ, bất cứ hoạt động đã được chứng thực nào mà

(1) Cố ý bán hoặc dán mác một sản phẩm là hữu cơ, trừ khi phù hợp với đạo luật, sẽ phải chịu một khoản tiền phạt không nhiều hơn 10.000 đô la cho mỗi vi phạm.

(2) Khai man theo đạo luật với Bộ trưởng, với một viên chức nhà nước quản lý chương trình hữu cơ của nhà nước hoặc một nhân viên chứng thực thì sẽ phải tuân theo những điều khoản của phần 1001 mục 18, đạo luật của Hoa Kỳ.

§205.663 Điều đình

Bất cứ tranh chấp nào liên quan đến việc từ chối chứng thực hoặc đề nghị treo hay huỷ bỏ chứng thực theo phần này có thể được điều đình theo đề nghị của người nộp đơn xin chứng thực hoặc hoạt động được chứng thực và với sự chấp nhận của nhân viên chứng thực. Việc điều đình sẽ đòi hỏi phải bằng văn bản gửi cho nhân viên chứng thực thích hợp. Nếu nhân viên chứng thực bác bỏ đề nghị điều đình thì nhân viên chứng thực sẽ cung cấp thông báo viết cho người nộp đơn xin chứng thực hoặc hoạt động đã được chứng thực. Thông báo viết sẽ cố vấn cho người nộp đơn xin chứng thực hoặc hoạt động đã được chứng thực về quyền được yêu cầu xem xét theo §205.681 trong vòng 30 ngày kể từ ngày có thông báo viết từ chối yêu cầu được điều đình. Nếu việc điều đình được chấp nhận bởi nhân viên chứng thực thì việc điều đình như vậy sẽ được tiến hành bởi một nhà hoà giải có trình độ được đồng ý bởi các bên điều đình. Nếu một chương trình hữu cơ của nhà nước được thực thi thì các thủ tục điều đình được thiết lập trong chương trình hữu cơ của nhà nước như đã được chấp thuận bởi Bộ trưởng sẽ được làm theo. Các bên điều đình sẽ phải đạt được một thoả thuận trong vòng không quá 30 ngày sau một cuộc họp điều đình. Nếu việc điều đình không thành công thì người nộp đơn xin chứng thực hoặc hoạt động đã được chứng thực sẽ có 30 ngày kể từ khi kết thúc điều đình để yêu cầu xem xét lại quyết định của nhân viên chứng thực theo §205.681. Bất cứ thoả thuận nào đã đạt được trong hoặc là do kết quả của quá trình điều đình sẽ phải phù hợp với Đạo luật và các quy định trong phần này. Bộ trưởng có thể xem xét lại bất cứ thoả thuận nào để phù hợp với đạo luật và các quy định trong phần này và có thể bác bỏ bất cứ thảo thuận hoặc điều khoản nào không phù hợp với đạo luật hay các quy định trong phần này.

§205.664 (Bảo lưu)

§205.665 Thủ tục không phù hợp cho các nhân viên chứng thực

(a) Thông báo

Khi một sự kiểm tra, xem xét lại hoặc điều tra đối với một nhân viên chứng thực được chính thức công nhận bởi người quản lý chương trình phát hiện thấy bất cứ sự không phù hợp nào với đạo luật hoặc các quy định trong phần này thì một thông báo viết sẽ được gửi cho nhân viên chứng thực. một thông báo như vậy sẽ cung cấp:

(1) Một sự mô tả của mỗi một sự không phù hợp;

(2) Các sự việc mà thông báo về sự không phù hợp dựa vào; và

(3) Ngày mà nhân viên chứng thực phải bác bỏ hoặc sửa chữa mỗi một sự không phù hợp và đệ trình tài liệu hỗ trợ cho mỗi một sự sửa đổi khi mà không thể sửa chữa được.

(b) Nghị quyết

Khi một nhân viên chứng thực chứng tỏ được rằng mỗi sự không phù hợp đã được giải quyết thì người quản lý chương trình sẽ gửi cho nhân viên chứng thực một thông báo viết của nghị quyết không phù hợp.

(c) Đề nghị treo hoặc bác bỏ

Khi việc bác bỏ không thành công hoặc sửa chữa của sự không phù hợp không hoàn thành trong khoảng thời gian quy định thì người Quản lý chương trình sẽ gửi một thông báo viết của đề nghị treo hoặc bác bỏ sự việc công nhận chính thức cho nhân viên chứng thực. Thông báo của đề nghị treo hoặc bác bỏ sẽ nói rõ hoặc là sự công nhận chính thức của nhân viên chứng thực hay là những lĩnh vực đặc biệt của sự công nhận chứng thực sẽ phải bị treo hoặc bác bỏ. Khi sự sửa chữa của một sự không phù hợp là không thể được thì thông báo của sự không phù hợp và đề nghị treo hoặc bác bỏ có thể được kết hợp trong một thông báo. Thông báo của đề nghị treo hay bác bỏ của sự công nhận chính thức sẽ nói rõ:

(1) Các lý do của đề nghị treo hoặc bác bỏ;

(2) Ngày có hiệu lực của đề nghị treo hoặc bác bỏ;

- (3) Tác động của việc treo hoặc bác bỏ đối với sự thích hợp cho công việc nhận chính thức; và
- (4) Quyền được đưa ra một đề nghị xem xét lại theo §205.681.

(d) Các vi phạm cố ý

Ngoài đoạn (a) của phần này, nếu người Quản lý chương trình có lý do để tin rằng một nhân viên chứng thực đã cố ý vi phạm đạo luật hay các quy định trong phần này thì người Quản lý chương trình sẽ gửi một thông báo viết của đề nghị treo hoặc bác bỏ sự công nhận chính thức cho một nhân viên chứng thực.

(e) Treo hoặc bác bỏ

Khi nhân viên chứng thực đã được công nhận chính thức không đưa ra một đề nghị xem xét lại của một đề nghị treo hoặc bác bỏ của sự công nhận chính thức thì người Quản lý chương trình sẽ gửi một thông báo viết của việc treo hoặc bác bỏ của sự công nhận chính thức cho nhân viên chứng thực.

(f) Ngừng các hoạt động chứng thực

Một nhân viên chứng thực mà sự công nhận chính thức của người đó bị treo hoặc bác bỏ phải:

- (1) Ngừng tất cả những hoạt động chứng thực trong mỗi lĩnh vực của sự công nhận chính thức và trong mỗi Bang mà sự công nhận chính thức bị treo hoặc bác bỏ.

§§205.666 – 205.667

(2) Chuyển giao cho Bộ trưởng và cung cấp cho quan chức quản lý Bang thuộc Chương trình hữu cơ Quốc gia tất cả các hồ sơ về các hoạt động cấp giấy chứng nhận đã bị đình chỉ hoặc hủy bỏ.

(g) Đủ điều kiện (1) Một cơ quan cấp giấy chứng nhận mà quyền chứng nhận bị Bộ trưởng đình chỉ theo phần này, trừ phi được nêu khác trong thông báo đình chỉ, có thể gửi yêu cầu cho Bộ trưởng về việc tuyên bố lại quyền chứng nhận của cơ quan vào bất cứ lúc nào. Yêu cầu cần phải đi kèm với các bằng chứng nêu rõ việc chỉnh sửa sự

không tuân theo và các hành động chỉnh sửa đã được thực hiện theo Đạo luật và các quy định trong phần này.

(2) Một cơ quan cấp giấy chứng nhận mà quyền công nhận bị Bộ trưởng hủy bỏ sẽ có đủ điều kiện để được công nhận là cơ quan cấp giấy chứng nhận theo Đạo luật và các quy định trong phần này trong thời gian 3 năm sau ngày hủy bỏ đó.

§§ 205.666 - 205.667 [Bảo lưu]

§ 205.668 Các thủ tục không tuân theo theo Chương trình hữu cơ Quốc gia

(a) Một quan chức quản lý Bang thuộc Chương trình hữu cơ Quốc gia phải nhanh chóng thông báo cho Bộ trưởng về việc bắt đầu khởi tố hoạt động đã được chứng nhận và chuyển cho Bộ trưởng một bản sao của thông báo đã đưa ra.

(b) Vụ kiện không tuân theo đối với hoạt động đã được chứng nhận do một quan chức quản lý Bang thuộc Chương trình hữu cơ Quốc gia đưa ra sẽ có thể kháng cáo được theo các thủ tục kháng cáo của Chương trình hữu cơ Quốc gia. Sẽ không có quyền kháng cáo tiếp theo lên bộ trưởng. Các quyết định cuối cùng của Bang có thể được chống án lên Tòa án quận của Nhà nước tại quận có hoạt động đã được chứng nhận.

(c) Một quan chức chính phủ thuộc Chương trình hữu cơ Quốc gia có thể xem xét lại hoặc điều tra các đơn kiện không tuân theo Đạo luật hoặc các quy định về quyền chứng nhận của các cơ quan cấp giấy chứng nhận hoạt động trong nước. Nếu kết quả của việc xem xét lại hoặc điều tra cho thấy có sự không tuân theo, thì quan chức quản lý Bang thuộc Chương trình hữu cơ Quốc gia sẽ gửi một bản báo cáo bằng văn bản về sự không tuân theo cho người Quản lý chương trình. Bản báo cáo sẽ mô tả về sự không tuân theo và cơ sở của sự không tuân theo đó.

§ 205.669 [Bảo lưu]

KIỂM TRA VÀ THÍ NGHIỆM, BÁO CÁO VÀ NGĂN CHẶN BÁN

§205.670 Kiểm tra và thí nghiệm sản phẩm nông nghiệp được bán hoặc ghi nhãn “hữu cơ”.

(a) Tất cả các sản phẩm nông nghiệp sắp được bán, được dán nhãn, hoặc được mô tả là “100 % hữu cơ”, “hữu cơ”, hoặc “được trồng hữu cơ” (có ghi rõ các thành phần hoặc (các) nhóm thực phẩm), phải có giấy chứng nhận sản xuất hữu cơ còn hiệu lực hoặc đã được nhà Quản lý, quan chức quản lý Bang thuộc chương trình hữu cơ của Ban, hoặc cơ quan cấp giấy chứng nhận kiểm tra.

(b) Nhà quản lý, quan chức quản lý Bang thuộc Chương trình hữu cơ Quốc gia, hoặc cơ quan cấp giấy chứng nhận có thể yêu cầu thử nghiệm trước hoặc sau khi thu hoạch đối với thành phần đầu vào nông nghiệp đã sử dụng hoặc sản phẩm nông nghiệp sắp được bán, dán nhãn hoặc mô tả là “100% hữu cơ”, “hữu cơ”, hoặc “được trồng hữu cơ” (có ghi rõ các thành phần hoặc (các) nhóm thực phẩm), khi có lí do để tin rằng thành phần đầu vào nông nghiệp hoặc sản phẩm có tiếp xúc với chất bị cấm hoặc được sản xuất có sử dụng các phương pháp bị loại bỏ. Những cuộc thử nghiệm như thế phải do quan chức quản lý Bang thuộc Chương trình hữu cơ Quốc gia hoặc cơ quan cấp giấy chứng nhận thực hiện với chi phí do quan chức hoặc cơ quan cấp giấy chứng nhận tự chi trả.

(c) Việc thu thập mẫu thử nghiệm tế bào trước hoặc sau khi thu hoạch phải do một thanh tra viên đại diện chính quyền, quan chức quản lý Bang thuộc Chương trình hữu cơ Quốc gia, hoặc một cơ quan chứng nhận thực hiện. Tình trạng nguyên vẹn của mẫu cần được đảm bảo trong suốt quá trình kiểm tra, và việc thử nghiệm dư lượng phải được thực hiện trong phòng thí nghiệm đã được công nhận. Phải thực hiện phân tích hoá học theo các phương pháp đã mô tả trong cuốn Các phương pháp phân tích chính thức của AOAC International lần

xuất bản mới nhất, hoặc theo các phương pháp khác xác định sự có mặt của các chất gây ô nhiễm trong các sản phẩm nông nghiệp có hiệu lực được áp dụng gần đây.

(d) Các kết quả phân tích và thử nghiệm được thực hiện trong phần này:

(1) Phải được Bên chứng nhận được yêu cầu thử nghiệm nhanh chóng cung cấp cho nhà Quản lý; nếu có Chương trình hữu cơ Quốc gia thì tất cả các kết quả thử nghiệm và phân tích phải được cung cấp cho quan chức quản lý Bang của Chương trình hữu cơ Quốc gia đó; và

(2) Phải có sẵn để công chúng có thể tiếp cận, trừ khi việc thử nghiệm là một phần của cuộc kiểm tra đang tiến hành.

(e) Nếu các kết quả thử nghiệm cho thấy một sản phẩm nông nghiệp nào đó có chứa dư lượng thuốc trừ sâu hoặc các chất gây ô nhiễm môi trường vượt quá tiêu chuẩn quy định của Cơ quan bảo vệ môi trường hoặc Ban quản lý Thực phẩm và Dược phẩm, cơ quan chứng nhận phải nhanh chóng thông báo những dữ liệu đó cho cơ quan y tế Liên bang về mức độ hoạt động đã bị vượt quá.

§ 205.271 Ngăn chặn việc bán sản phẩm hữu cơ

Khi thử nghiệm dư lượng, nếu phát hiện thấy có các chất bị cấm vượt quá 5% mức tiêu chuẩn của Cơ quan bảo vệ môi trường đối với chất dư lượng được phát hiện hoặc chất gây ô nhiễm môi trường còn dư lại thì sản phẩm nông nghiệp không được phép bán ra, dán nhãn hoặc mô tả là được sản xuất hữu cơ. Chính quyền, quan chức quản lý Bang về Chương trình hữu cơ Quốc gia, hoặc cơ quan chứng nhận có thể tiến hành kiểm tra hoạt động đã được chứng nhận để xác định nguyên nhân của các chất bị cấm.

§ 205.672 Loại gây hại báo động hoặc điều trị bệnh

Khi chất bị cấm được sử dụng trong hoạt động đã được chứng nhận theo chương trình xử lý bệnh và vật gây hại khẩn cấp của Nhà nước và Liên bang và hoạt động

đã được chứng nhận đáp ứng được các yêu cầu của phần này, thì việc cấp giấy chứng nhận của hoạt động sẽ không bị ảnh hưởng bởi việc áp dụng các chất bị cấm, với điều kiện là:

(a) Tất cả các vụ mùa đã thu hoạch hoặc cây trồng sắp thu hoạch có tiếp xúc với các chất bị cấm được sử dụng theo chương trình xử lý bệnh hoặc vật gây hại khẩn cấp của Nhà nước và Liên bang không được phép bán, dán nhãn hoặc mô tả là được sản xuất hữu cơ; và

(b) Bất kỳ vật nuôi nào được chữa trị bằng các chất bị cấm được sử dụng theo chương trình xử lý bệnh hoặc vật gây hại khẩn cấp của Nhà nước và Liên bang hoặc các sản phẩm có nguồn gốc từ vật nuôi được chữa trị đó thì không được phép bán, dán nhãn hoặc mô tả là được sản xuất hữu cơ; trừ trường hợp:

(1) Sữa và các sản phẩm từ sữa có thể được phép bán, được dán nhãn hoặc được mô tả là được sản xuất hữu cơ sau 12 tháng kể từ ngày cuối cùng động vật cho sữa được chữa trị bằng chất bị cấm; và

(2) Con của một vật nuôi đang mang thai được chữa trị bằng chất bị cấm có thể được coi là hữu cơ với điều kiện là vật nuôi không ở trong 3 tháng cuối của thời kỳ mang thai vào ngày mà vật nuôi được chữa trị bằng chất bị cấm.

§§ 205.673-205.679 [Bảo lưu]

§ 205.680 Khái quát

(a) Nếu các cá nhân tuân theo Đạo luật này cho rằng họ bị tác động bất lợi do quyết định không tuân theo của Quản lý chương trình của Chương trình hữu cơ quốc gia thì họ có thể kháng cáo lên nhà Quản lý.

(b) Nếu các cá nhân tuân theo Đạo luật này cho rằng họ bị tác động bất lợi do quyết định không tuân theo của Chương trình hữu cơ Quốc gia thì họ có thể kháng cáo lên quan chức quản lý Bang về Chương trình hữu cơ Quốc gia, quan chức này sẽ giải quyết kháng cáo theo các thủ tục đã được Bộ trưởng phê duyệt.

(c) Nếu các cá nhân tuân theo Đạo luật này cho rằng họ bị tác động bất lợi do quyết định không tuân theo của một cơ quan chứng nhận thì họ có thể kháng cáo lên nhà Quản lý, trừ trường hợp khi cá nhân thuộc Chương trình hữu cơ Quốc gia đã được phê duyệt, thì phải kháng cáo lên Chương trình hữu cơ Quốc gia.

§ 205.681

(d) Mọi thông tin bằng văn bản giữa các bên tham gia vào thủ tục phúc thẩm phải được gửi tới địa điểm kinh doanh của người nhận qua dịch vụ chuyển giao. Dịch vụ này có nhiệm vụ cung cấp hoá đơn trả có đề ngày tháng.

(e) Mọi kháng cáo sẽ được xét duyệt lại, nghe tại toà và quyết định bởi các cá nhân không dính líu vào quyết định đang được phúc thẩm.

§ 205.681. Kháng cáo

(a) Kháng cáo việc cấp giấy chứng nhận. Một người nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận có thể kháng cáo bản thông báo từ chối cấp giấy chứng nhận của đại lý chứng thực, và công tác chứng thực có thể kháng án bản thông cáo của đại lý chứng thực về việc đình chỉ dự kiến hay thu hồi giấy chứng nhận cho chính quyền. Trừ phi rằng khi người nộp đơn hoặc công tác chứng thực lệ thuộc vào Chương trình hữu cơ Quốc gia đã được chấp thuận thì đơn kháng cáo phải được chuyển cho Chương trình hữu cơ Quốc gia mà chương trình này sẽ thực hiện việc phúc thẩm theo các thủ tục phúc thẩm của Chương trình hữu cơ Quốc gia do Bộ trưởng chấp thuận

(1) Nếu quản trị viên hoặc Chương trình hữu cơ Quốc gia bệnh vực người nộp đơn việc kháng án về quyết định của đại lý chính thức của người nộp đơn xin giấy chứng nhận hoặc công tác chứng thực thì người nộp đơn sẽ tiếp tục việc cấp giấy chứng nhận sản phẩm hữu cơ hoặc công tác

chứng thực sẽ tiếp tục việc cấp giấy chứng nhận trong phạm vi thẩm quyền hoạt động này. Việc bệnh vực cho kháng án sẽ không phải là một hành động đi ngược lại phúc thẩm của đại lý chứng thực có liên quan.

(2) Nếu quản trị viên hoặc Chương trình hữu cơ Quốc gia từ chối việc phúc thẩm, một thủ tục hành chính chính thức sẽ khởi xướng việc từ chối, Đình chỉ hoặc thu hồi việc cấp giấy chứng nhận đó. Một thủ tục như vậy sẽ được tiến hành phù hợp với những Quy tắc Ứng xử Đồng nhất của Bộ Nông nghiệp hoặc các quy tắc thủ tục của Chương trình hữu cơ Quốc gia.

(b) Kháng cáo uỷ nhiệm. Một người nộp đơn xin uỷ nhiệm và một đại lý chứng thực có thể kháng án việc khước từ uỷ quyền của nhà Quản lý Chương trình hoặc kháng án việc đình chỉ hoặc thu hồi việc uỷ quyền đối với quản trị viên.

(1) Nếu quản trị viên bệnh vực kháng án, người nộp đơn sẽ được cấp giấy chứng thực sẽ tiếp tục công tác uỷ quyền như trong phạm vi thẩm quyền của hoạt động này.

(2) Nếu như quản trị viên từ chối việc kháng án, một thủ tục hành chính chính thức để từ chối đình chỉ hoặc thu hồi giấy uỷ quyền sẽ được khởi xướng. Những thủ tục như vậy sẽ được tiến hành theo những Quy tắc Ứng xử đồng nhất của Bộ Nông nghiệp; đoạn 7, phần 1 của CFR và Phụ phần H.

(c) Thời kỳ lập hồ sơ. Một bản kháng nghị về quyết định không phù hợp phải được lập hồ sơ trong phạm vi thời gian nhất định đề cập đến trong thư thông báo hoặc trong phạm vi 30 ngày tính từ lúc nhận được thông báo, sau đó. Bản kháng nghị sẽ được xét như là đã “vào hồ sơ” theo ngày mà viên chức quản trị hoặc của Chương trình Hữu cơ Bang nhận được. Một quyết định khước từ, đình chỉ hoặc thu hồi việc cấp giấy chứng nhận hoặc uỷ nhiệm sẽ mang

tính chất quyết định cuối cùng và không phúc thẩm nữa, trừ phi quyết định này được kháng cáo một cách kịp thời.

(d) Nộp hồ sơ ở đâu và gồm có những gì?

(1) Những kháng nghị gửi cho viên chức quản trị phải được lập hồ sơ bằng văn bản và gửi cho Administrator, USDA-AMS, Room 3071-S, P.O. Box 96456, Washington, DC 20090 - 6456.

(2) Những kháng nghị gửi cho Chương trình Hữu cơ Bang phải được lập thành hồ sơ bằng văn bản cho địa chỉ và nhân vật đã được nhận dạng trong thư thông báo.

(3) Những bản Kháng nghị phải bao gồm một bản sao của quyết định trái ngược và một bản tuyên bố về lý do của người nộp đơn tin rằng quyết định này là không thích hợp hoặc không phù hợp với các quy định của Chương trình, chính sách hoặc thủ tục có thể áp dụng được.

§§ 205.682 - 205.689 [Bảo lưu]

KHÁC

§ 205.690. Số kiểm soát OMB

Số kiểm soát dành cho nhu cầu thu nhập thông tin trong phần này do Văn phòng Quản lý Ngân sách (OMB) đưa ra phù hợp với Đạo luật Quy giảm Công việc thư lại, 1995, 44 U.S.C, Chương 35, là số kiểm soát 0581-0181.

§ 205.691 - 205.699 [Bảo lưu]

CÁC PHẦN TỪ 206 TỚI 209 [Bảo lưu]